NGHỊ ĐỊNH 23/2026/NĐ-CP
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

MỤC LỤC

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước..... 4

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:..... 4
2. Bổ sung Điều 10a trước Điều 10 như sau:..... 5
3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:..... 6
4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:..... 6
5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:..... 7
6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:..... 7
7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 14 như sau:..... 7
8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 15 như sau:..... 7
9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:..... 8
10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:..... 8
11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18 như sau:..... 9
12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau: 9
13. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 20 như sau:..... 10
16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 26 như sau:..... 11
17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 28 như sau:..... 11
18. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:..... 13
19. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 38 và bổ sung khoản 7 Điều 38 như sau:..... 13
20. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 như sau:..... 14
21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44 như sau:..... 14
22. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:..... 15
23. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 như sau:..... 17
24. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 48 như sau:..... 17
25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 49 như sau:..... 17
26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 51 như sau:..... 19
27. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:..... 19
28. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 55 như sau:..... 21
29. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:..... 21

LUATMOITRUONG.VN

30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 58 như sau:.....22
31. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:.....23
32. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 60 như sau:.....24
34. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 85 như sau:.....24
35. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 87 như sau:.....24
36. Sửa đổi, bổ sung Điều 88 như sau:.....25
37. Sửa đổi, bổ sung Điều 89 như sau:.....26
38. Sửa đổi, bổ sung Điều 90 như sau:.....27
39. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 91 như sau:.....28
40. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 92 như sau:.....28
41. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 95 như sau:.....29
42. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 97 như sau:.....29
43. Thay thế các cụm từ sau đây:.....30
44. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều, cụm từ sau đây:.....31
45. Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này.....32
Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.....32
1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:.....32
2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:.....33
3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:.....35
4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7 như sau:.....35
5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8 như sau:.....35
6. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:.....36
7. Bổ sung Điều 8b vào sau Điều 8a như sau:.....37
8. Bổ sung Điều 8c vào sau Điều 8b như sau:.....37
9. Bổ sung Điều 8d vào sau Điều 8c như sau:.....38
10. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:.....38
11. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 10 như sau:.....39
12. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:.....39
13. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:.....40
14. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:.....41
15. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:.....41
16. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:.....42

LUATMOITRUONG.VN

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:.....43
18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:.....44
19. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:.....45
20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:.....45
21. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:.....46
22. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:.....46
23. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:.....47
24. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:.....47
25. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:.....49
26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 36 như sau:.....50
27. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 43 như sau:.....51
28. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 47 như sau:.....51
29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 48 như sau:.....51
30. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 49 như sau:.....52
31. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau: 52
32. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:.....53
33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 52 như sau:.....54
34. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 57 như sau:.....56
35. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 58 như sau:.....57
36. Thay thế một số cụm từ sau đây:.....57
37. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều và một số cụm từ sau đây:.....57
38. Thay thế các Phụ lục của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP như sau:.....57
Điều 3. Quy định chuyển tiếp.....58
Điều 4. Điều khoản thi hành.....60
PHỤ LỤC.....61

PHỤ LỤC I. MẪU VĂN BẢN, GIẤY PHÉP, ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRONG HỒ SƠ CẤP PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC, TẠM DỪNG CÓ THỜI HẠN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP 61
PHỤ LỤC II. MẪU HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT 197
PHỤ LỤC III. MẪU KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC 209
PHỤ LỤC IV. MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC 217
PHỤ LỤC V. MỨC THU TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC 223
PHỤ LỤC VI. BẢNG CÁC HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH 224
PHỤ LỤC VII. VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NỘI DUNG VỀ PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NƯỚC 225

LUATMOITRUONG.VN

CHÍNH PHỦ -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 23/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH
TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết Điều 7, khoản 5 Điều 9, Điều 10, khoản 5 Điều 17, Điều 19, khoản 9 Điều 23, Điều 30, khoản 5 Điều 31, Điều 35, khoản 3 Điều 37, khoản 10 Điều 38, khoản 3 Điều 51, khoản 10 Điều 63, khoản 6 Điều 66, khoản 5 Điều 71, khoản 5 Điều 81 của Luật Tài nguyên nước về Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước; nội dung và việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh; danh mục lưu vực sông liên tỉnh phải lập quy hoạch; hành lang bảo vệ nguồn nước; việc xác định phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; quy định nguồn nước phải cắm mốc giới hành lang bảo vệ và việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; ngưỡng khai thác nước dưới đất; khoanh định, công bố, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; điều hòa, phân phối tài nguyên nước; chuyển nước lưu vực sông; quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước; quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa; đối tượng, quy mô, chế độ, thông số,

chỉ tiêu quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước, chất lượng nước và lộ trình thực hiện; lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ; hạch toán tài nguyên nước và lộ trình thực hiện; việc điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; tổ chức và hoạt động của tổ chức lưu vực sông.".

2. Bổ sung Điều 10a trước Điều 10 như sau:

"Điều 10a. Nội dung của Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh

Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh gồm các nội dung chính sau:

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan; hiện trạng quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước của các đập, hồ chứa thủy điện, công trình thủy lợi, công trình điều tiết, tích trữ, phát triển nguồn nước, công trình khai thác, sử dụng nước khác; đánh giá tình hình lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm, suy thoái, xâm nhập mặn và các vấn đề khác liên quan đến tài nguyên nước.

2. Dự báo xu thế biến động số lượng, chất lượng nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước của các ngành cho các vùng, tiểu vùng quy hoạch; phân vùng chức năng nguồn nước; khu vực thường xuyên hoặc có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước; ngưỡng, lượng nước có thể khai thác cho từng đoạn sông, từng khu vực, tầng chứa nước; dòng chảy tối thiểu trên sông, suối; dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, nguồn lực ảnh hưởng trực tiếp đến thủy lợi; xác định các vấn đề cần giải quyết trong thời kỳ quy hoạch.

3. Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi.

4. Xác định quan điểm, mục tiêu của quy hoạch.

5. Định hướng điều hòa, phân phối, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra bao gồm:

a) Phân phối lượng nước, thứ tự ưu tiên để điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước cho các ngành, địa phương, đối tượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xác định nguồn nước, công trình dự phòng để cấp nước sinh hoạt; chuyển nước lưu vực sông (nếu có);

b) Các giải pháp công trình điều hòa, phân phối, điều tiết, tích trữ, phát triển nguồn nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; công trình tiêu, thoát nước, phòng chống tác hại do nước gây ra;

c) Các giải pháp phi công trình để điều hòa, phân phối, điều tiết, tích trữ, phát triển nguồn nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tiêu, thoát nước, phòng chống tác hại do nước gây ra; xác định mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước mặt liên tỉnh, nguồn nước mặt liên quốc gia, nguồn nước dưới đất trên lưu vực;

d) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi;

đ) Nội dung khác mang tính chất đặc thù của từng lưu vực sông.

6. Kinh phí, kế hoạch thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"Điều 10. Quy định chung về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định đề cương lập quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh (sau đây gọi chung là quy hoạch), Hội đồng thẩm định quy hoạch và giao cơ quan trực thuộc bộ làm cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao cho cơ quan lập quy hoạch thực hiện việc lập quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng hoặc thuê đơn vị tư vấn xây dựng đề cương lập quy hoạch và lập quy hoạch.

3. Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, rà soát, điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định đề cương lập quy hoạch theo hình thức họp hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định bằng văn bản.

a) Trường hợp tổ chức họp hội đồng thẩm định, cuộc họp thẩm định được tiến hành khi có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định và có mặt đại diện cơ quan lập quy hoạch. Các thành viên không thể tham gia cuộc họp Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến cơ quan thường trực Hội đồng trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định;

b) Trường hợp tổ chức thẩm định theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, các thành viên Hội đồng có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định cho cơ quan thường trực Hội đồng.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Nội dung chính của đề cương lập quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Tài nguyên nước.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Quyết định phê duyệt đề cương lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi lập quy hoạch;

b) Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;

c) Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch; thời hạn lập quy hoạch;

d) Quy định về thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, yêu cầu về hệ thống sơ đồ, bản đồ, thông tin dữ liệu (nếu có);

đ) Kinh phí lập quy hoạch;

e) Tổ chức thực hiện.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Căn cứ đề cương lập quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan lập quy hoạch xây dựng các nội dung của quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh theo quy định của Nghị định này và hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được lập, thẩm định đồng thời với quá trình lập, thẩm định quy hoạch.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 14 như sau:

“d) Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước quy mô lớn gồm: các hồ chứa, công trình tích trữ nước, phát triển nguồn nước có khả năng điều tiết năm, nhiều năm; công trình điều tiết, khai thác nước có tác động ảnh hưởng liên vùng, liên tỉnh hoặc có tác động lớn đến nguồn nước.”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 15 như sau:

“c) Các thành viên khác của Hội đồng bao gồm đại diện các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đại diện cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định; đại diện tổ chức lưu vực sông liên quan (nếu có); đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch, chuyên gia về tài nguyên nước, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định.

Thành phần Hội đồng có ít nhất 03 thành viên là ủy viên phản biện, trong đó có 01 ủy viên phản biện là đại diện cơ quan thẩm định đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Nội dung thẩm định quy hoạch

Nội dung thẩm định Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh bao gồm các nội dung sau:

1. Sự phù hợp với đề cương lập quy hoạch đã được phê duyệt, sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai; các quy hoạch ngành khác; quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có liên quan.

3. Sự phù hợp của quy hoạch với các nội dung quy định tại Điều 10a của Nghị định này.

4. Nội dung thẩm định đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“**Điều 17. Tổ chức thẩm định quy hoạch**

1. Cơ quan lập quy hoạch gửi Hồ sơ thẩm định quy hoạch đến các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch thông qua cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

2. Thành phần Hồ sơ thẩm định quy hoạch bao gồm hồ sơ quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định này đã được chỉnh sửa theo ý kiến góp ý, kèm theo bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến và bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định quy hoạch theo hình thức họp hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định bằng văn bản. Thời hạn thẩm định là 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

a) Trường hợp tổ chức họp Hội đồng thẩm định, cuộc họp thẩm định được tiến hành khi có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và tối thiểu 02 ủy viên phản biện, trong đó có 01 ủy viên phản biện là đại diện cơ quan thẩm định đánh giá môi trường chiến lược, đại diện cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định và có mặt đại diện cơ quan lập quy hoạch. Các thành viên không thể tham gia cuộc họp Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến cơ quan thường trực Hội đồng trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp hội đồng thẩm định.

b) Trường hợp tổ chức thẩm định theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, các thành viên Hội đồng có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định cho cơ quan thường trực Hội đồng.

4. Hoàn thiện hồ sơ lập quy hoạch sau Hội đồng thẩm định:

a) Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định cho ý kiến trước khi báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt;

b) Trường hợp quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, gửi đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định lại theo quy trình thẩm định quy hoạch của Nghị định này.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh.”;

b) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“b) Dự thảo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: thời kỳ quy hoạch, phạm vi, đối tượng quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, nội dung quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện;”;

c) Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

“c) Báo cáo kết quả thẩm định; văn bản báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch;”;

d) Sửa đổi điểm h khoản 2 như sau:

“h) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trình tự, thủ tục, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh

1. Trường hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 2 Điều 19 của Luật Tài nguyên nước thì việc lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như việc lập quy hoạch.

2. Trường hợp có đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Tài nguyên nước thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan đề nghị điều chỉnh gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh gồm: văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch; Báo cáo thuyết minh đề nghị điều chỉnh; tài liệu khác (nếu có).

Báo cáo thuyết minh đề nghị điều chỉnh phải luận chứng, thuyết minh rõ về căn cứ, quy mô, phạm vi đề nghị điều chỉnh; thuyết minh và kèm theo thông tin, số liệu liên quan để nội dung đề nghị điều chỉnh;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các địa phương liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định này về Hồ sơ đề nghị điều chỉnh quy hoạch. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến một số chuyên gia hoặc tổ chức cuộc họp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các chuyên gia để cho ý kiến góp ý trước khi xem xét, quyết định việc điều chỉnh.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;

c) Trên cơ sở ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các địa phương liên quan, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các ý kiến góp ý và có văn bản yêu cầu cơ quan đề nghị điều chỉnh quy hoạch bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện, cơ quan đề nghị điều chỉnh quy hoạch hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét phê duyệt;

d) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 20 như sau:

“15. Lưu vực sông ven biển Bắc Trung Bộ.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 21 như sau:

“c) Sông, suối, kênh, mương, rạch liên xã, liên tỉnh là trục tiêu, thoát nước cho các đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp;”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 24 như sau:

“5. Trường hợp sông, suối, kênh rạch đã được kè bờ hoặc không đủ phạm vi tối thiểu được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phạm vi của hành lang bảo vệ nguồn nước.”.

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Căn cứ quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Nghị định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn, lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và các tài liệu khác có liên quan.

Dự thảo Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.”.

17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện quy định như sau:

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa nộp 01 bản phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân (sau đây gọi tắt là dịch vụ bưu chính) hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của phương án. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định

của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp phương án chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hướng dẫn đại diện tổ chức bổ sung, hoàn thiện phương án và thông báo rõ lý do cho tổ chức. Trường hợp phương án hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển phương án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định;

b) Thẩm định phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện:

Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan; nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện phương án không tính vào thời gian thẩm định phương án.

Trường hợp đủ điều kiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cắm mốc; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì trả lại phương án cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa và thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Căn cứ phương án cắm mốc giới đã được phê duyệt, tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa thủy điện thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa; bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có hồ chứa.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa thủy điện để quản lý, bảo vệ.

Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc giới tổ chức rà soát định kỳ hoặc đột xuất tình trạng mốc giới để kịp thời phát hiện, sửa chữa hoặc thay thế. Trường hợp mốc chỉ giới bị mất hoặc hư hỏng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mốc giới bị mất hoặc hư hỏng phải thông báo cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện biết để thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa phải hoàn thành việc thay thế và báo cáo kết quả thay thế cho Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất

1. Ngưỡng khai thác nước dưới đất được thể hiện qua giới hạn về lượng nước có thể khai thác của từng tầng chứa nước tại từng khu vực và được tính toán trên cơ sở giới hạn mực nước khai thác của tầng chứa nước quy định tại khoản 2 Điều này.

Ngưỡng khai thác nước dưới đất được quy định trong các quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh. Trường hợp quy hoạch đã được phê duyệt mà chưa quy định ngưỡng khai thác nước dưới đất thì được rà soát, cập nhật, bổ sung khi điều chỉnh quy hoạch.

2. Giới hạn mực nước khai thác của tầng chứa nước được tính từ mặt đất tại khu vực xung quanh giếng đến một nửa bề dày của tầng chứa nước không áp hoặc đến mái của tầng chứa nước có áp, nhưng không được vượt quá quy định sau đây:

a) Đối với các tầng chứa nước lỗ hổng ở các địa phương thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng không vượt quá 35 m;

b) Đối với các tầng chứa nước lỗ hổng ở khu vực Đông Nam Bộ không vượt quá 40 m và khu vực đồng bằng sông Cửu Long không vượt quá 35 m;

c) Đối với các tầng chứa nước lỗ hổng ở các vùng không quy định tại điểm a và điểm b khoản này không vượt quá 30 m;

d) Đối với các tầng chứa nước trong đá bazan, khe nứt ở các địa phương thuộc khu vực Tây Nguyên và các địa phương khác không vượt quá 50 m.

3. Căn cứ vào hiện trạng nguồn nước, đặc điểm tầng chứa nước tại khu vực khai thác và yêu cầu quản lý, bảo vệ nguồn nước dưới đất, trong quá trình cấp giấy phép khai thác nước dưới đất, cấp có thẩm quyền cấp phép xem xét, quyết định mực nước động lớn nhất cho phép quy định trong giấy phép khai thác nước dưới đất. Riêng đối với các tầng chứa nước lỗ hổng thuộc các tỉnh, thành phố ở khu vực đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long không được vượt quá giới hạn mực nước quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.”.

19. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 38 và bổ sung khoản 7 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 38 như sau:

“Điều 38. Phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất”;

b) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

“7. Việc rà soát, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất được thực hiện theo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn

chế khai thác nước dưới đất được thực hiện theo quy định của các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 như sau:

“3. Kịch bản nguồn nước trên các lưu vực sông được công bố hằng năm, tùy thuộc đặc điểm về khí tượng thủy văn và việc khai thác, sử dụng nước trên từng lưu vực sông, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thời điểm công bố kịch bản nguồn nước, các nội dung kịch bản theo quy định tại khoản 4 Điều này và kỳ công bố kịch bản nguồn nước theo mùa hoặc thời kỳ trong năm trên các lưu vực sông.

Căn cứ kịch bản nguồn nước được công bố, hiện trạng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, nhận định xu thế khí tượng thủy văn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cập nhật kịch bản nguồn nước.”.

21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có), cơ quan, tổ chức có liên quan trên lưu vực sông, tổ chức xây dựng, cập nhật phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước tương ứng với trạng thái nguồn nước và mức độ chuyển trạng thái nguồn nước khi có dự báo, cảnh báo hạn hán, thiếu nước diện rộng trên lưu vực sông.

Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trên lưu vực sông có trách nhiệm chỉ đạo việc cung cấp, cập nhật thông tin về hiện trạng, dự báo nhu cầu khai thác, sử dụng nước của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xây dựng, cập nhật phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, tùy thuộc vào mức độ hạn hán, thiếu nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước sẽ được cập nhật, làm cơ sở để các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh triển khai phương án.

Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng tại các khu vực trên địa bàn 01 tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đó công bố tình trạng hạn hán, thiếu nước và triển khai các giải pháp ứng phó.

Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng trên diện rộng, trên nhiều lưu vực sông thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, công bố tình trạng hạn hán, thiếu nước và quyết định phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước.”.

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, cập nhật phương án, kế hoạch ứng phó với từng trạng thái thiếu hụt của nguồn nước tại các khu vực có dự báo, cảnh báo hạn hán, thiếu

nước cục bộ trên địa bàn. Nội dung chính của phương án, kế hoạch ứng phó như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 43 của Nghị định này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“**Điều 45. Trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh, thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước**

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, cập nhật, công bố kịch bản nguồn nước; tổ chức xây dựng, điều chỉnh và thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông.

Chủ trì, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng trên diện rộng, trên nhiều lưu vực sông;

b) Cảnh báo tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và định hướng tổng thể việc khai thác, sử dụng nước trên các lưu vực sông được công bố kịch bản;

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu về: khí tượng, thủy văn, nhiệt độ, hiện tượng khí hậu cực đoan, các bản tin dự báo khí tượng, thủy văn trên các lưu vực sông, tiểu lưu vực sông; số liệu quan trắc mực nước, lưu lượng, độ mặn tại các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng; nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp theo các tháng trên lưu vực sông; các thời kỳ sử dụng nước gia tăng; các khu tưới; khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, thời gian xảy ra thiếu nước; yêu cầu về mực nước, lưu lượng nước tại các điểm kiểm soát; số liệu vận hành của các hồ chứa thủy lợi có khả năng điều tiết năm, nhiều năm thuộc phạm vi quản lý;

d) Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương phối hợp cung cấp các thông tin, số liệu quy định tại Điều này để tổng hợp, tính toán phục vụ xây dựng, cập nhật kịch bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước;

đ) Triển khai lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các công trình, hệ thống công trình thuộc phạm vi quản lý phù hợp với kịch bản nguồn nước được công bố;

e) Căn cứ kịch bản nguồn nước, khả năng điều tiết, cấp nước của công trình, hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa thủy điện phối hợp với các địa phương rà soát, xác định các vùng có thể chủ động được nguồn nước, vùng có nguy cơ cao bị hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; hướng dẫn chuyển đổi cây trồng, sản xuất phù hợp, hạn chế nguy cơ bị thiệt hại do hạn hán, thiếu nước;

g) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Tài nguyên nước.

2. Các Bộ: Công Thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại điểm đ và điểm g khoản 1 Điều này và các trách nhiệm sau:

a) Bộ Công Thương chỉ đạo đơn vị chuyên môn việc tính toán, đề xuất vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện lớn phù hợp với kịch bản nguồn nước được công bố; rà soát, điều chỉnh cơ cấu nguồn điện bảo đảm sự phù hợp với điều kiện, khả năng của nguồn nước.

Đồng thời, chỉ đạo việc cung cấp thông tin, số liệu về kế hoạch sử dụng nước, số liệu vận hành của các hồ chứa thủy điện điều tiết năm, nhiều năm thuộc phạm vi quản lý; số liệu quan trắc mực nước, lưu lượng tại các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

b) Bộ Xây dựng chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy nước lớn rà soát, nâng cao năng lực, hiệu quả lấy nước phù hợp với điều kiện nguồn nước trên các lưu vực sông và theo kịch bản nguồn nước được công bố.

Đồng thời, chỉ đạo việc cung cấp thông tin, số liệu về kế hoạch khai thác nước, số liệu vận hành của các công trình cấp nước thuộc phạm vi quản lý; cung cấp thông tin, số liệu về nhu cầu mực nước của các tuyến giao thông đường thủy;

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo việc cung cấp thông tin, số liệu về nhu cầu nước cho các hoạt động văn hóa, du lịch.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các điểm đ và điểm g khoản 1 Điều này và các trách nhiệm sau:

a) Chỉ đạo vận hành hiệu quả các công trình khai thác, sử dụng nước, các công trình tích, trữ nước để chủ động lấy nước, trữ nước bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước tối thiểu khi xảy ra thiếu nước;

b) Trường hợp hiện trạng và dự báo nguồn nước trên lưu vực sông ở trạng thái bình thường thì chủ động triển khai tổ chức lập kế hoạch khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với Kịch bản nguồn nước được công bố;

c) Trường hợp hiện trạng và dự báo nguồn nước trên lưu vực sông ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng thì rà soát, cắt giảm diện tích canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hạn chế phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước và chưa cấp thiết theo thẩm quyền; quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng trên địa bàn;

d) Chỉ đạo việc cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cấp nước cho sinh hoạt theo các tháng trên lưu vực sông; các thời kỳ sử dụng nước gia tăng; các khu tưới; phạm vi cấp nước của các hồ chứa có khả năng điều tiết năm, nhiều năm; khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, thời gian xảy ra thiếu nước; yêu cầu về mực nước, lưu lượng nước tại các điểm kiểm soát; số liệu vận hành của các hồ chứa thủy lợi có khả năng điều tiết năm, nhiều năm thuộc phạm vi quản lý; số liệu quan trắc mực nước, lưu lượng, độ mặn tại các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên các lưu vực sông; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại các điểm đ, e và g khoản 1 Điều này và cung cấp thông tin phục vụ việc điều hòa, phân phối tài nguyên nước, bao gồm: hiện trạng và nhu cầu khai thác, sử dụng nước của công trình; hiện trạng tích trữ nước trong các hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của mình và các thông tin, số liệu liên quan khác.

5. Các thông tin, số liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều này gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tính toán phục vụ xây dựng kịch bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

Trong thời gian Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia chưa hoàn thiện thì việc cung cấp thông tin, số liệu quy định tại điểm này được thực hiện theo một trong các phương thức sau đây: gửi qua trục liên thông văn bản quốc gia; gửi, nhận trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; gửi nhận qua hệ thống thư điện tử.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 47 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 48 như sau:

“4. Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác có liên quan của dự án (nếu có).”.

25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề xuất dự án chuyển nước nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định

của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thẩm định.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thẩm định Báo cáo đề xuất phương án chuyển nước:

a) Trong thời hạn 26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định các nội dung về quy mô, phương án chuyển nước, lấy ý kiến các địa phương liên quan, tổ chức lưu vực sông (nếu có); nếu cần thiết thì lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định các nội dung về quy mô, phương án chuyển nước. Nội dung thẩm định được quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp việc chuyển nước có liên quan đến điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc yếu tố quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Ngoại giao và bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để bảo đảm phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Trường hợp đủ điều kiện, cơ quan thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận nội dung phương án chuyển nước; trường hợp không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề xuất nội dung phương án chuyển nước và thông báo lý do không chấp thuận nội dung phương án chuyển nước.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện các nội dung về quy mô, phương án chuyển nước thì cơ quan thẩm định gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.".

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Căn cứ vào điều kiện thực tế của nguồn nước trên lưu vực sông, trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức lập hoặc điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ quy định tại khoản 9a Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức quản lý, vận hành đập, hồ chứa có liên quan trên lưu vực sông đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa theo thời gian thực thì xây dựng phương án điều chỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo trình tự quy định tại Điều 52 của Nghị định này, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ quy định tại khoản 9a Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.”.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 như sau:

“Điều 52. Trình tự thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông

1. Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa thì phải xây dựng phương án vận hành hồ chứa, liên hồ chứa gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Hồ sơ đề xuất phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa bao gồm:

a) Dự thảo Quyết định ban hành hoặc điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Báo cáo thuyết minh phương án điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa kèm theo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có);

c) Sơ đồ hiện trạng các đập, hồ chứa, liên hồ chứa trong quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Nội dung thẩm định:

a) Kiểm tra cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa và hồ sơ phương án điều chỉnh vận hành hồ chứa, liên hồ chứa;

b) Kiểm tra, đánh giá độ tin cậy các tài liệu sử dụng trong tính toán, kết quả tính toán các trường hợp vận hành;

c) Nhận xét, đánh giá tính hợp lý, khả thi của phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa và dự thảo quy trình vận hành liên hồ chứa.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa:

a) Nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thẩm định;

c) Trong thời hạn 32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định phương án.

Trong quá trình thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức lưu vực sông có liên quan (nếu có) đến quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông đối với hồ sơ điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc thành lập Hội đồng thẩm định. Các thành viên của Hội đồng bao gồm đại diện Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng; Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; đại diện tổ chức lưu vực sông liên quan (nếu có); đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan, đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa, cơ quan, đơn vị khác có liên quan và chuyên gia về tài nguyên nước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định;

d) Trên cơ sở ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức lưu vực sông (nếu có) và các địa phương liên quan, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các ý kiến góp ý và có văn bản yêu cầu cơ quan đề nghị điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

đ) Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt phương án, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện để phê duyệt thì cơ quan tiếp nhận thông báo cho cơ quan, tổ chức đề nghị điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.

5. Các trường hợp điều chỉnh cục bộ quy định tại khoản 9a Điều 38 của Luật Tài nguyên nước bao gồm điều chỉnh một hoặc nhiều nội dung về quy định cơ chế phối hợp vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du, vận hành các hồ chứa trong điều kiện bình thường trong mùa lũ, vận hành các hồ chứa trong mùa cạn, chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin số liệu và điều chỉnh cục bộ khác mà không làm thay đổi cơ bản các nguyên tắc vận hành của quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông.

Việc điều chỉnh cục bộ được thực hiện như trình tự thẩm định phương án điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông quy định tại khoản 2, 3 và các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều này.

Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện; trường hợp không đủ điều kiện để phê duyệt thì cơ quan tiếp nhận thông báo trả lại hồ sơ cho cơ quan, tổ chức đề nghị điều chỉnh.”.

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 55 như sau:

“3. Trường hợp các đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên sông, suối thuộc phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở hạ du của nguồn nước liên tỉnh chủ trì xây dựng quy chế phối hợp vận hành và lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước khi lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trường hợp địa phương ở hạ du không có công trình đập, hồ chứa hoặc chưa phê duyệt danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên nguồn nước liên tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chủ động xây dựng quy chế phối hợp vận hành công trình thuộc phạm vi tỉnh.

Trình tự thực hiện việc xây dựng, phê duyệt quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi từ 02 tỉnh trở lên được thực hiện như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”.

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

“Điều 57. Phê duyệt, công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp nằm trên địa bàn tỉnh. Trường hợp hồ, ao, đầm, phá nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên thì việc lập, công bố được thực hiện trên địa bàn từng tỉnh. Việc lập, phê duyệt, công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp được thực hiện như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh, gửi lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan. Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm: báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp và dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp.

2. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm: Tờ trình; báo cáo thuyết minh việc lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp; dự thảo Quyết định phê duyệt

Danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý; các tài liệu khác liên quan.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định tại Nghị định này.”.

30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp để phục vụ mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Việc điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp được thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở đề xuất của các Sở hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân cấp xã nơi có hồ, ao, đầm, phá đề xuất đưa ra khỏi Danh mục và cơ quan, tổ chức có liên quan. Các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh, Báo cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục và các tài liệu khác liên quan;

b) Sau khi hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các cơ quan quy định tại điểm a khoản này, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt.

Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bao gồm: Tờ trình; dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục; bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp các ý kiến góp ý; các tài liệu khác liên quan;

c) Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt bao gồm: Tờ trình; dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp; Báo cáo thuyết minh lý do việc đưa ra khỏi Danh mục; báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

và bản tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý, kèm theo bản sao, chụp các ý kiến góp ý; các tài liệu khác liên quan;

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định tại Nghị định này.".

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

"4. Hạn chế tối đa việc lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã được phê duyệt. Trường hợp phải lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá trong Danh mục đã được phê duyệt, phần diện tích lấn, thu hẹp không gian chỉ được phục vụ cho mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh; an sinh xã hội; cải tạo, tu bổ danh lam thắng cảnh; bảo vệ đê, kè phòng chống lụt, bão, thiên tai bảo đảm không ảnh hưởng đến chức năng của hồ, ao, đầm, phá, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Trên cơ sở đánh giá chức năng, nhiệm vụ và các tác động đến khả năng tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập, úng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phần diện tích lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh và thực hiện điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định.".

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

"Điều 59. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và đơn vị quản lý ao, hồ, đầm, phá không được san lấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;

b) Chỉ đạo tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư không xả chất thải chưa qua xử lý vào hồ, ao, đầm, phá gây ô nhiễm nguồn nước, không được tự ý san lấp, cải tạo;

c) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác đã bảo đảm các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, khoáng sản tạo thành hồ để điều hòa, tích trữ, tạo cảnh quan theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Tài nguyên nước;

d) Quyết định diện tích lấn, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm, phá trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh trong trường hợp phải lấn, thu hẹp không gian.

2. Các tổ chức, cá nhân quản lý hồ, ao, đầm, phá nằm trong Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp có trách nhiệm:

a) Sử dụng đúng mục đích và không được tự ý san lấp, cải tạo;

b) Kiểm soát chặt chẽ các hành vi lấn chiếm xây dựng công trình trái phép, xả nước thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh trực tiếp vào hồ, ao, đầm, phá. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm kịp thời thông báo và phối hợp cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.".

32. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 60 như sau:

"e) Xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu, âu tàu và các công trình giao thông thủy khác.".

33. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 69 như sau:

"e) Theo dõi, giám sát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền có giải pháp về hoạt động liên quan đến bảo vệ, điều hòa, phân phối, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;".

34. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 85 như sau:

"b) Đối với trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất: tần suất 06 ngày/lần (mùa khô), 03 ngày/lần (mùa mưa) đối với thiết bị đo thủ công; tần suất 02 giờ/lần đối với thiết bị đo tự động, trực tuyến.".

35. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 87 như sau:

"5. Trường hợp dữ liệu quan trắc để giám sát bị gián đoạn thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp dữ liệu quan trắc để giám sát trực tuyến bị gián đoạn do việc bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn, thay thế linh phụ kiện, sửa chữa, thay thế các thiết bị đo phải có biện pháp thực hiện quan trắc, lưu trữ số liệu theo chế độ giám sát định kỳ và cập nhật đầy đủ thông tin, số liệu vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. Trường hợp dữ liệu quan trắc chất lượng nước theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 88 của Nghị định này bị gián đoạn thì thực hiện quan trắc 03 ngày/lần và cập nhật số liệu đầy đủ thông tin, số liệu vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Đồng thời, phải báo cáo cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và nêu rõ kế hoạch thực hiện việc bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn, thay thế linh phụ kiện, sửa chữa, thay thế các thiết bị. Thời gian thực hiện kế hoạch không quá 60 ngày;

b) Trường hợp đường truyền dữ liệu bị gián đoạn vì lý do khác thì ngay sau khi hệ thống vận hành bình thường phải thực hiện truyền bổ sung các dữ liệu của khoảng thời gian bị gián đoạn. Trong trường hợp việc truyền dữ liệu bị gián đoạn liên tục quá 72 giờ, đơn vị vận hành hệ thống phải có thông báo bằng văn bản về nguyên nhân, các biện pháp khắc phục về sự cố gián đoạn này với cơ quan nhận báo cáo quy định tại điểm này.”.

36. Sửa đổi, bổ sung Điều 88 như sau:

“**Điều 88. Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác tài nguyên nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt**

Việc quan trắc, giám sát chất lượng nguồn nước quy định tại Điều này để tổ chức, cá nhân sớm phát hiện, ứng phó với sự cố ô nhiễm nguồn nước, các hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước và làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

1. Tổ chức, cá nhân khai thác nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước thực hiện giám sát mực nước, lưu lượng, giám sát bằng camera theo quy định tại Điều 89, Điều 90, Điều 91 và Điều 92 của Nghị định này và thực hiện việc quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Việc quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác quy định như sau:

a) Thông số quan trắc để giám sát trực tuyến đối với công trình khai thác nguồn nước mặt có quy mô từ 10.000 m^3/ngày đêm trở lên tại vị trí lấy nước, tối thiểu bao gồm: nhiệt độ, pH, hàm lượng ôxy hoà tan (DO), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy hoá học (COD), Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ) và các thông số khác theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt do cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định trong giấy phép trên cơ sở hiện trạng chất lượng nguồn nước khu vực khai thác.

Trường hợp cách vị trí khai thác nước không lớn hơn 1.000 m có công trình quan trắc cùng nguồn nước với các thông số, chế độ phù hợp với quy định tại điểm này thì chủ giấy phép được phép thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành công trình quan trắc đó để sử dụng số liệu quan trắc và truyền về hệ thống theo quy định;

b) Thông số quan trắc để giám sát trực tuyến đối với công trình khai thác nguồn nước dưới đất có quy mô từ 5.000 m^3/ngày đêm trở lên tại vị trí giếng quan trắc hoặc giếng khai thác tối thiểu bao gồm: pH, tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ), Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ) và các thông số khác theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất do cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định trong giấy phép trên cơ sở hiện trạng chất lượng nguồn nước khu vực khai thác.

Việc quan trắc chất lượng nước được thực hiện tối thiểu tại 01 vị trí. Trường hợp công trình khai thác trong nhiều tầng chứa nước thì tối thiểu mỗi tầng chứa nước khai thác phải có 01 vị trí quan trắc.

Trường hợp cách vị trí quan trắc chất lượng nước không lớn hơn 1.000m có công trình quan trắc trong cùng tầng chứa nước khai thác và có các thông số, chế độ phù hợp với quy định tại điểm này thì chủ giấy phép được phép thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành công trình quan trắc đó để sử dụng số liệu quan trắc và truyền về hệ thống theo quy định;

c) Khuyến khích tổ chức, cá nhân khai thác nước để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt có quy mô nhỏ hơn 10.000 m^3/ngày đêm đối với nguồn nước mặt hoặc nhỏ hơn 5.000 m^3/ngày đêm đối với nguồn nước dưới đất thực hiện quan trắc theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Ngoài các thông số quan trắc để giám sát trực tuyến quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định trong giấy phép các thông số, chế độ quan trắc để giám sát định kỳ trên cơ sở hiện trạng chất lượng nguồn nước khu vực khai thác.

Tổ chức, cá nhân khai thác nước cho các mục đích khác từ nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt, cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định trong giấy phép các thông số quan trắc chất lượng nước trên cơ sở đặc điểm nguồn nước, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.

3. Chế độ quan trắc để giám sát đối với các thông số quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này để giám sát trực tuyến không quá 01 giờ 01 lần theo giờ chẵn (1:00 giờ, 2:00 giờ, 3:00 giờ... 24:00 giờ).”.

37. Sửa đổi, bổ sung Điều 89 như sau:

“Điều 89. Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác nước đối với công trình hồ chứa để phát điện

Việc giám sát hoạt động khai thác nước mặt đối với công trình hồ chứa để phát điện được thực hiện như sau:

1. Thông số, chỉ tiêu quan trắc để giám sát:

a) Mực nước hồ;

b) Lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có);

c) Lưu lượng xả qua nhà máy;

d) Lưu lượng xả qua tràn;

đ) Lưu lượng đến hồ.

2. Hình thức giám sát: thực hiện quan trắc tự động để giám sát trực tuyến đối với các thông số quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này; thực hiện quan trắc hoặc tính toán để giám sát định kỳ đối với thông số quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này và lắp đặt camera để giám sát việc xả nước quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Chế độ quan trắc để giám sát:

a) Đối với thông số quan trắc để giám sát trực tuyến, không quá 15 phút 01 lần;

b) Đối với thông số quan trắc để giám sát định kỳ: cập nhật số liệu về Hệ thống thông tin cơ sở, dữ liệu tài nguyên nước quốc gia được thực hiện theo chế độ quan trắc và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa; trường hợp hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa quan trắc theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa.

Khi có dự báo, cảnh báo bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc các hình thế thời tiết khác gây mưa lũ thực hiện cung cấp số liệu vận hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước.".

38. Sửa đổi, bổ sung Điều 90 như sau:

"Điều 90. Thông số, chỉ tiêu và chế độ quan trắc để giám sát hoạt động khai thác đối với công trình hồ chứa thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cho các mục đích khác

Việc giám sát hoạt động khai thác nước mặt đối với công trình hồ chứa thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cho các mục đích khác được thực hiện như sau:

1. Thông số, chỉ tiêu quan trắc để giám sát:

a) Mực nước hồ;

b) Lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu (nếu có);

c) Lưu lượng khai thác cho các mục đích (nếu có);

d) Lưu lượng xả qua tràn;

đ) Chất lượng nước trong quá trình khai thác (nếu có);

e) Lưu lượng đến hồ.

2. Hình thức giám sát: thực hiện quan trắc hoặc tính toán để giám sát định kỳ đối với các thông số quy định tại khoản 1 Điều này; khuyến khích thực hiện quan trắc tự động để giám sát trực tuyến theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp hồ chứa thủy lợi thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa thì quan trắc theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa.

3. Chế độ quan trắc để giám sát:

a) Đối với các thông số quan trắc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm e được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 89 của Nghị định này;

b) Đối với thông số chất lượng nước trong quá trình khai thác quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

Vị trí, thông số, tần suất quan trắc chất lượng nước phục vụ giám sát thực hiện theo quy định của giấy phép khai thác nước mặt (nếu có).".

39. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 91 như sau:

"a) Lưu lượng khai thác cho các mục đích (nếu có);".

40. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 92 như sau:

"d) Đối với công trình có quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên phải có tối thiểu 01 giếng quan trắc. Ngoài việc thực hiện quan trắc để giám sát các thông số quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này còn phải quan trắc thông số mực nước trong các giếng quan trắc.

Trường hợp công trình khai thác trong nhiều tầng chứa nước thì mỗi tầng chứa nước khai thác phải có tối thiểu 01 giếng quan trắc. Trường hợp công trình đã được cấp phép có nhiều hơn 01 giếng quan trắc đối với mỗi tầng chứa nước thì khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện việc quan trắc mực nước tại các giếng quan trắc hoặc thực hiện quan trắc theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp cách vị trí giếng quan trắc không lớn hơn 1.000 m có công trình quan trắc trong cùng tầng chứa nước khai thác và có chế độ quan trắc phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ giấy phép được phép thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành công trình quan trắc đó để sử dụng số liệu quan trắc và truyền về hệ thống theo quy định.".

41. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 95 như sau:

a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:

"a) Ban hành hướng dẫn kỹ thuật, định mức, đơn giá về quy hoạch, điều tra cơ bản tài nguyên nước; hướng dẫn kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước, thực hiện hạch toán tài nguyên nước; quy định kỹ thuật về cấu trúc, chuẩn dữ liệu đối với các thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước; hướng dẫn kỹ thuật về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;";

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm theo quy định của Nghị định này và các trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc: xây dựng Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ sông, suối, kênh, rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cắm mốc giới được phê duyệt;

b) Tiếp nhận, quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo phân công;

c) Phối hợp với tổ chức, cá nhân vận hành hồ chứa trong việc xây dựng phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên địa bàn và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cắm mốc giới được phê duyệt;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc: khoanh định, công bố Danh mục và Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được phê duyệt;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

42. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 97 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất có quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm đã được cấp phép trước ngày 01 tháng 7 năm 2024 mà khai thác từ 02 tầng chứa nước trở lên chưa đảm bảo số lượng giếng quan trắc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 92 của Nghị định này thì tiếp tục thực hiện cho đến khi giấy phép khai thác nước dưới đất hết hiệu lực và phải có phương án bổ sung giếng quan trắc trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành việc khoan bổ sung và đưa vào vận hành giếng quan trắc theo quy định.

Trường hợp không đủ điều kiện mặt bằng để bổ sung giếng quan trắc theo quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xem xét, quyết định trong quá trình cấp phép;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 7 như sau:

“đ) Tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt có quy mô khai thác từ 5.000 m^3/ngày đêm trở lên đã được cấp phép trước ngày 01 tháng 7 năm 2024 phải có phương án quan trắc chất lượng nguồn nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 88 của Nghị định này trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành việc lắp đặt thiết bị và thực hiện quan trắc chất lượng nguồn nước theo quy định;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 7 như sau:

“h) Tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất có giếng khoan khai thác được xây dựng trước ngày 30 tháng 11 năm 2021 không lắp đặt được thiết bị đo mực nước tự động hoặc không đo được mực nước thủ công trong giếng khai thác, mà đã khoan bổ sung giếng quan trắc theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước năm 2012 thì tiếp tục quan trắc mực nước theo quy định của Nghị định này để phục vụ giám sát.

Trường hợp chưa khoan bổ sung giếng quan trắc thì khoan bổ sung tối thiểu 01 giếng quan trắc đại diện cho mỗi tầng chứa nước khai thác, phải có phương án bổ sung khoan giếng quan trắc trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành việc khoan bổ sung và đưa vào vận hành giếng quan trắc theo quy định.

Trường hợp không đủ điều kiện mặt bằng để bổ sung giếng quan trắc theo quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xem xét, quyết định trong quá trình cấp phép;".

43. Thay thế các cụm từ sau đây:

a) Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" thành "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 38; thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã" thành "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 1 Điều 27; khoản 6 Điều 38, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 39; thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã" thành "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại khoản 3 Điều 31;

b) Thay thế cụm từ "Bộ Tài nguyên và Môi trường" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 2 Điều 4; khoản 6 Điều 5; khoản 3 và khoản 4 Điều 6; điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7; điểm b và điểm c khoản 1 Điều 8; điểm a, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 8 Điều 11; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 12; khoản 1 và khoản 4 Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 15; khoản 4 Điều 29; tên Điều 31, khoản 1 Điều 31; điểm đ khoản 2 Điều 34; khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 38; tên Điều 39, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 40; khoản 6 Điều 41; khoản 1 Điều 46; khoản 3 và khoản 6 Điều 50; điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 55; khoản 1 Điều 66; khoản 2 Điều 68; Điều 74; Điều 75; khoản 5 và khoản 9 Điều 77; khoản 3 Điều 78; khoản 3 Điều 79; khoản 1 Điều 80; khoản 1 Điều 84; khoản 4 Điều 87; khoản 1 Điều 95; khoản 8 Điều 97;

c) Thay thế cụm từ "Sở Tài nguyên và Môi trường" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 27; khoản 2 Điều 29; điểm d khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 31; khoản 1 Điều 37; Điều 38; điểm a và điểm b khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 39; điểm a khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 55; khoản 2 Điều 61; khoản 3 Điều 63; khoản 3 Điều 84; khoản 4 Điều 87;

d) Thay thế cụm từ "tài nguyên và môi trường" bằng cụm từ "nông nghiệp và môi trường" tại khoản 1 Điều 76;

đ) Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 2 Điều 43;

e) Thay thế cụm từ "nhiệm vụ" bằng cụm từ "đề cương" tại Điều 11, Điều 12, điểm e khoản 2 Điều 13;

g) Thay thế cụm từ "quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh" bằng cụm từ "quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh" tại Điều 20; khoản 2 Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 70, khoản 3 Điều 77, khoản 3 Điều 97; Phụ lục I ban hành kèm theo;

h) Thay thế cụm từ “quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về tài nguyên nước” bằng cụm từ “quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh” tại tên Chương II và tên Mục 2 Chương II;

i) Thay thế cụm từ “quy hoạch tổng hợp lưu vực sông” bằng cụm từ “quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh” tại điểm b khoản 3 Điều 44, khoản 5 Điều 77;

k) Thay thế cụm từ “quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước” bằng cụm từ “quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh” tại điểm a khoản 1 Điều 8;

l) Thay thế cụm từ “quy hoạch tài nguyên nước” thành cụm từ “quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai” tại khoản 3 Điều 77;

m) Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” thành cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 2 Điều 74;

n) Thay thế cụm từ “Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam” bằng cụm từ “Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam” tại khoản 1 Điều 76 và khoản 2 Điều 80.

44. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều, cụm từ sau đây:

a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 96 và điểm b khoản 7 Điều 97;

b) Bãi bỏ cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư,” và cụm từ “Giao thông vận tải,” tại điểm a khoản 2 Điều 14;

c) Bãi bỏ cụm từ “Sở Giao thông vận tải,” tại khoản 4 Điều 26;

d) Bãi bỏ cụm từ “, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 84;

đ) Bãi bỏ cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,” tại khoản 4 Điều 40, khoản 2 Điều 46, khoản 6 Điều 50;

e) Bãi bỏ cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,” tại khoản 4 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 55;

g) Bãi bỏ cụm từ “các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,” tại điểm a khoản 2 Điều 55;

h) Bãi bỏ cụm từ “Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,” tại điểm a khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 38;

i) Bãi bỏ cụm từ “và quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước” tại khoản 3 Điều 6;

k) Bãi bỏ cụm từ “đối với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh” tại điểm đ, điểm h khoản 2 Điều 13;

l) Bãi bỏ cụm từ “, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi” tại điểm a khoản 2 Điều 60;

m) Bãi bỏ cụm từ “điểm a” tại khoản 2 Điều 93;

n) Bãi bỏ cụm từ “năm 2012” tại khoản 8 Điều 97.

45. Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 53/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 31, Điều 52, khoản 4 Điều 53, khoản 6 Điều 69 và Điều 70 của Luật Tài nguyên nước về việc cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; việc kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; việc nộp, miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; dịch vụ về tài nguyên nước.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“**Điều 3. Lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác nước**

Đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác nước theo quy định tại khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm: trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố và điểm dân cư tương tự hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu, đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước chịu ảnh hưởng của việc khai thác nước của dự án. Việc lấy ý kiến được thực hiện như sau:

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác nước có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân trên địa bàn phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư quy định tại điểm a khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước bao gồm:

a) Hồ chứa, đập dâng xây dựng trên sông, suối, kênh, mương, rạch;

b) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác quy định tại điểm a khoản này với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan;

c) Công trình khai thác nước mặt không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có quy mô khai thác từ 10 m^3/giây trở lên cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; từ 300.000 m^3/ngày đêm trở lên cho mục đích sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ, sản xuất (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình;

d) Công trình khai thác nước dưới đất có quy mô khai thác nước từ 12.000 m^3/ngày đêm trở lên.

2. Thời điểm lấy ý kiến:

a) Trước khi xây dựng công trình và không quá 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này;

b) Trong quá trình thăm dò đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án có thể kết hợp lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan về tác động của công trình khai thác nước cùng với việc lấy ý kiến tham vấn đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nhưng thời điểm, nội dung lấy ý kiến phải đảm bảo theo quy định tại Điều này.

3. Nội dung thông tin cung cấp để tổ chức lấy ý kiến bao gồm:

a) Thông tin tổng thể của dự án; kế hoạch, tiến độ triển khai dự án kèm theo văn bản, tài liệu pháp lý liên quan đến đầu tư, xây dựng dự án, thời gian dự kiến vận hành khai thác nước;

b) Thuyết minh phương án khai thác tài nguyên nước của dự án, trong đó thể hiện đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này;

c) Dự kiến tác động và các biện pháp giảm thiểu tác động của việc vận hành khai thác của công trình đến nguồn nước, môi trường, các đối tượng khai thác, sử dụng nước và đối tượng khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình;

d) Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác nước (nếu có).

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trình tự lấy ý kiến:

a) Tổ chức, cá nhân nộp các tài liệu có nội dung thông tin quy định tại khoản 3 Điều này trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân (sau đây gọi tắt là dịch vụ bưu chính) hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ của các tài liệu. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp đầy đủ thông tin thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng, đề nghị tổ chức, cá nhân đầu tư dự án cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án (nếu cần);

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các ý kiến và có văn bản gửi cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án.

6. Căn cứ mức độ ảnh hưởng của dự án, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định các đối tượng lấy ý kiến tác động cho phù hợp.

7. Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Hồ sơ lấy ý kiến và văn bản tổng hợp tiếp thu, giải trình được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác tài nguyên nước.

8. Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Việc công khai thông tin được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Chậm nhất 60 ngày trước khi khởi công và trong suốt quá trình xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân đầu tư dự án phải niêm yết công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại Ủy ban nhân dân cấp xã và tại địa điểm nơi xây dựng công trình.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Khai thác nước mặt cho mục đích thi công xây dựng công trình đối với hồ chứa, đập dâng, công trình thủy lợi; khai thác nước mặt cho mục đích thi công xây dựng công trình đối với công trình khác có quy mô không vượt quá 100 m^3/ngày đêm; khai thác nước mặt cho các

mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt) có quy mô không vượt quá 100 m^3/ngày đêm;";

b) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

"7. Khai thác nước cho các hoạt động lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan đến lâm nghiệp.".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m^3 đến 0,5 triệu m^3; công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,1 m^3/giây đến 0,5 m^3/giây.

Trường hợp hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m^3 đến 0,5 triệu m^3 có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vượt quá 0,5 m^3/giây hoặc có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định của Nghị định này;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Các trường hợp quy định tại điểm a khoản này mà khai thác nước mặt trực tiếp từ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện, hệ thống kênh thủy lợi, thủy điện thì phải thực hiện cấp phép theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp khai thác nước từ công trình thủy lợi cho nuôi trồng thủy sản thì lượng nước khai thác cho nuôi trồng thủy sản được tính chung cho sản xuất nông nghiệp.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Các công trình khai thác nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước phải được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 15 của Nghị định này cấp phép trước khi xây dựng công trình khai thác nước.".

6. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:

"Điều 8a. Thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Thời hạn của giấy phép khai thác tài nguyên nước được quy định như sau:

a) Giấy phép khai thác nước mặt có thời hạn tối đa 10 năm, tối thiểu 05 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 05 năm;

b) Giấy phép khai thác nước biển có thời hạn tối đa 15 năm, tối thiểu 10 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 10 năm;

c) Giấy phép khai thác nước dưới đất có thời hạn tối đa 05 năm, tối thiểu 03 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn 03 năm;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép với thời hạn ngắn hơn thời hạn tối thiểu quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì giấy phép được cấp theo thời hạn đề nghị trong văn bản đề nghị cấp phép và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối đa không quá thời hạn giấy phép đã được cấp, gia hạn liền trước đó.

2. Giấy phép thăm dò nước dưới đất có thời hạn 02 năm và được xem xét gia hạn một lần, thời gian gia hạn không quá 01 năm. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn giấy phép với thời hạn ngắn hơn thì giấy phép được cấp, gia hạn theo thời hạn đề nghị trong văn bản đề nghị cấp phép.

3. Thời điểm hiệu lực của giấy phép được tính nối tiếp với thời điểm hết hiệu lực của giấy phép đã được cấp trước đó trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân theo quy định;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới nộp trước ngày giấy phép đã được cấp trước đó hết hiệu lực; trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thời điểm có hiệu lực của giấy phép khác với quy định này, thì cấp có thẩm quyền xem xét quy định thời điểm có hiệu lực của giấy phép theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.”.

7. Bổ sung Điều 8b vào sau Điều 8a như sau:

“Điều 8b. Nguyên tắc đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước

1. Đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã được đăng ký, cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất và của tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Ưu tiên đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cấp cho sinh hoạt.

4. Bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; không gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước khi thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.”.

8. Bổ sung Điều 8c vào sau Điều 8b như sau:

“Điều 8c. Căn cứ cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Việc cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất phải dựa trên căn cứ sau đây:

a) Quy hoạch về tài nguyên nước (chức năng nguồn nước; giới hạn khai thác đối với từng sông, đoạn sông; ngưỡng giới hạn khai thác tầng chứa nước; bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước); quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chi tiết ngành có nội dung khai thác, sử dụng tài nguyên nước; quy định vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất; trường hợp chưa có các quy hoạch hoặc quy hoạch chưa quy định cụ thể, chưa ban hành vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất hoặc phải giải quyết nhu cầu cấp bách trong việc cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thì phải căn cứ vào khả năng đáp ứng của nguồn nước và tính cấp thiết về nhu cầu khai thác, sử dụng nước;

b) Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước trong vùng; quy định bảo vệ, điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;

c) Kết quả thẩm định của cấp có thẩm quyền về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất;

d) Nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước thể hiện trong văn bản đề nghị cấp giấy phép.

2. Trường hợp cấp giấy phép khai thác nước dưới đất, giấy phép thăm dò nước dưới đất còn phải căn cứ vào quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 31 của Luật Tài nguyên nước.”.

9. Bổ sung Điều 8d vào sau Điều 8c như sau:

“Điều 8d. Điều kiện cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hoàn thành việc lấy ý kiến theo quy định tại khoản 8 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước và Điều 3 của Nghị định này;

b) Việc khai thác tài nguyên nước phù hợp với nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 8c của Nghị định này; khai thác nước dưới đất phù hợp với quy định liên quan đến vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất khi có phương án thi công các hạng mục thăm dò nước dưới đất được thể hiện trong nội dung Đề án thăm dò nước dưới đất, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ nước dưới đất và phù hợp với quy định liên quan đến vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước.

3. Tổ chức khai thác nước mặt có xây dựng đập, hồ chứa trên sông, suối ngoài việc đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, điểm b khoản 3 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước còn phải đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có phương án về thiết bị, nhân lực để quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo lượng nước đến hồ, vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước;

b) Có quy trình vận hành hồ chứa theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, điện lực đối với trường hợp đã có công trình. Riêng đập, hồ chứa thủy lợi có phương án hoặc quy trình vận hành hồ chứa đối với trường hợp đã có công trình.

4. Khi tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất theo quy định. Trong quá trình xem xét, quyết định nếu phát hiện hành vi vi phạm trong hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước thì việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“**Điều 9. Gia hạn giấy phép**

1. Việc gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước phải căn cứ vào các điều kiện sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép phải nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 45 ngày;

b) Đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

2. Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục khai thác tài nguyên nước nhưng không nộp hồ sơ đề nghị gia hạn đúng thời gian quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.”.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 10 như sau:

“h) Trường hợp khoan giếng mới tương tự để thay thế giếng cũ bị hỏng, suy thoái hoặc bị giải tỏa với thông số khai thác không thay đổi thì không phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh giấy phép nhưng phải được cơ quan thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định này xem xét, chấp thuận phương án khoan giếng thay thế và xác nhận bằng văn bản sau khi hoàn thành việc khoan thay thế. Văn bản xác nhận là thành phần không thể tách rời của giấy phép khai thác nước dưới đất đã được cấp. Trong mỗi lần thay thế, số lượng giếng không được vượt quá 50% tổng số lượng giếng theo giấy phép đã được cấp. Khoảng cách giếng thay thế không được vượt quá 1,5 lần chiều dày tầng chứa nước khai thác tại giếng đó.

Trường hợp số lượng giếng thay thế vượt quá 50% tổng số lượng giếng theo giấy phép đã được cấp hoặc khoảng cách giếng thay thế vượt quá 1,5 lần chiều dày tầng chứa nước khai thác tại giếng đó thì phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“**Điều 15. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất và kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất, bao gồm:

a) Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 5.000 m^3/ngày đêm trở lên;

b) Khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 5.000 m^3/ngày đêm trở lên;

c) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m^3/giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 5 triệu m^3 đến dưới 20 triệu m^3;

d) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 10 m^3/giây trở lên và có dung tích toàn bộ dưới 5 triệu m^3;

đ) Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống, trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 10 m^3/giây trở lên;

e) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m^3 trở lên;

g) Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 30.000 kw trở lên;

h) Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô từ 50.000 m^3/ngày đêm trở lên;

i) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô khai thác từ 1.000.000 m^3/ngày đêm trở lên;

k) Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 200 m trở lên. Đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 200 m trở lên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất

với các trường hợp có quy mô khác quy định tại khoản 1 Điều này; xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 8 của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất với trường hợp quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 8 của Nghị định này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho mục đích sinh hoạt với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này.

5. Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện, nguồn lực, điều kiện thực tế và tình hình cụ thể, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Cơ quan tiếp nhận và thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép

1. Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi chung là cơ quan tiếp nhận) bao gồm:

a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp công trình hồ chứa, đập dâng nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì thực hiện thủ tục, cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, trả lại, tạm dừng hiệu lực giấy phép khai thác tài nguyên nước tại địa phương nơi đặt nhà máy đối với công trình hồ chứa, đập dâng thủy điện, tại địa phương quản lý đơn vị được giao vận hành công trình hồ chứa, đập dâng đối với công trình hồ chứa, đập dâng khác thủy điện.

2. Cơ quan thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định hồ sơ), bao gồm:

a) Cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:

“4. Trường hợp công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung khi thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thì nội dung đề án được lập theo Mẫu 44 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định này để tổ chức thẩm định.

2. Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác tài nguyên nước trong hồ sơ đề nghị cấp phép (sau đây gọi chung là đề án, báo cáo):

a) Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định này để tổ chức thẩm định.

2. Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

a) Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp cần thiết cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì cơ quan thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.

Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu và trả lại hồ sơ.

3. Thẩm định hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy phép:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do bằng văn bản.".

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

"Điều 24. Trình tự, thủ tục tạm dừng hiệu lực giấy phép, chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép, trả lại giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định này để tổ chức thẩm định.

2. Thẩm định hồ sơ đề nghị tạm dừng, chấp thuận trả lại giấy phép:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận tạm dừng, trả lại giấy phép khai thác tài nguyên nước. Trường hợp không đủ điều kiện để chấp thuận, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc.".

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

"3. Trường hợp chưa có ứng dụng kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì việc đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 tờ khai đề nghị đăng ký theo Mẫu 13 và Mẫu 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký trước khi xây dựng công trình;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, phòng chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra thông tin, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận việc đăng ký;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả lại giấy xác nhận đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp xã và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền xác nhận đăng ký có nhu cầu điều chỉnh nội dung của tờ khai đăng ký thì thực hiện thủ tục đăng ký mới.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch

1. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 tờ khai đề nghị đăng ký theo Mẫu 15, Mẫu 16, Mẫu 17 và Mẫu 18 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký trước khi đào, thi công, xây dựng công trình.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức kiểm tra nội dung tờ khai, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký của tổ chức, cá nhân thì Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin và trình cấp có thẩm quyền xác nhận việc đăng ký.

Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thì cấp có thẩm quyền xác nhận việc đăng ký trong thời hạn 20 ngày làm việc.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì

phải thông báo bằng văn bản việc dừng khai thác, sử dụng và trả lại giấy xác nhận đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền xác nhận đăng ký có nhu cầu điều chỉnh nội dung của giấy xác nhận thì thực hiện thủ tục đăng ký mới.".

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

"1. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ giấy phép lập Báo cáo tình hình khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 60, Mẫu 61, Mẫu 62 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và gửi về cơ quan thẩm định hồ sơ, Sở Công Thương (đối với công trình thủy điện, nhiệt điện) nơi xây dựng công trình.

Trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường, chủ giấy phép còn phải gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi xây dựng công trình.".

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

"Điều 30. Điều kiện cấp giấy phép, thời hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phải có người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề (sau đây gọi chung là người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất, khoan hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên;

b) Đã trực tiếp tham gia lập tối thiểu 02 đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất 02 công trình khoan nước dưới đất;

c) Trường hợp không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật đã trực tiếp thi công ít nhất 05 công trình khoan nước dưới đất.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất trên phạm vi cả nước và được hành nghề khoan, lắp đặt các lỗ khoan, giếng khoan trong các dự án điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các công trình khoan khác.

3. Thời hạn của giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất tối đa là 10 năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.".

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

"Điều 32. Thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho các tổ chức có trụ sở chính trên địa bàn, cá nhân có đăng ký thường trú trên địa bàn.

Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện, nguồn lực, điều kiện thực tế và tình hình cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các quy định tại khoản này theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi chung là cơ quan tiếp nhận): Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cơ quan thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định hồ sơ): Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, quản lý hồ sơ, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hành nghề khoan nước dưới đất”

Tổ chức, cá nhân sau khi được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ, trách nhiệm sau đây:

1. Bảo đảm an toàn cho người và công trình khoan nước dưới đất, không gây sụt, lún đất, xâm nhập mặn, ô nhiễm các tầng chứa nước, thực hiện các biện pháp khác để bảo vệ nước dưới đất, bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan và các quy định về bảo vệ nước dưới đất; bảo đảm người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải có mặt tại hiện trường để chỉ đạo trong thời gian thi công khoan và lắp đặt giếng khoan; trường hợp gây sụt lún đất hoặc gây sự cố bất thường khác ảnh hưởng đến công trình xây dựng và đời sống nhân dân trong khu vực thi công công trình thì phải ngừng ngay việc thi công và xử lý, khắc phục kịp thời, đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về người và tài sản do sự cố gây ra, báo cáo ngay tới chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có công trình.

3. Thông báo bằng văn bản về vị trí, quy mô công trình khoan nước dưới đất và thời gian dự kiến thi công cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình chậm nhất là 09 ngày trước khi thi công.

4. Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thi công cập nhật thông tin, số liệu về cấu trúc địa chất, địa tầng tại các vị trí khoan vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

5. Thông báo bằng văn bản chậm nhất là 30 ngày cho cấp có thẩm quyền cấp phép khi có sự thay đổi về người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật. Đồng thời, kèm theo giấy tờ chứng minh

năng lực của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Nghị định này.

6. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo, tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất đã thực hiện theo Mẫu 56 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương nơi cấp phép.".

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

"Điều 34. Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp phép lập theo Mẫu 49 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động giữa tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật;

c) Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lập theo Mẫu 52 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự thủ tục cấp phép:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 32 của Nghị định này để tổ chức thẩm định;

c) Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép.

Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, cơ quan thẩm định hồ sơ trình người có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

d) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.".

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

"Điều 35. Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Việc gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất căn cứ vào điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của Nghị định này và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép phải nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 30 ngày.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân không nộp hồ sơ đề nghị gia hạn đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều này thì phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

3. Thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép được lập theo Mẫu 50 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài văn bản đề nghị gia hạn giấy phép còn phải nộp kèm tài liệu theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 34 của Nghị định này để chứng minh năng lực của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định. Bản khai kinh nghiệm chuyên môn của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật được lập theo Mẫu 52 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ

sơ cho cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 32 của Nghị định này để tổ chức thẩm định;

c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép và gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, cơ quan thẩm định hồ sơ trình người có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản;

d) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 03 ngày làm việc.”.

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hồ sơ đề nghị cấp lại, trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại, trả lại giấy phép lập theo Mẫu 51 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức).”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trình tự thủ tục cấp lại, trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại, trả lại giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 32 của Nghị định này để tổ chức thẩm định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ cấp phép có trách nhiệm thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp, trả lại giấy phép.

Thời hạn ghi trong giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại theo giấy phép đã được cấp trước đó. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp lại không đủ điều kiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản.".

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 43 như sau:

"2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước được miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật Tài nguyên nước.

a) Đối với dự án, công trình chỉ cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Tài nguyên nước, chủ dự án nộp tài liệu để chứng minh căn cứ miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước;

b) Đối với dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 của Luật Tài nguyên nước thì chủ dự án nộp văn bản bảo lãnh để chứng minh căn cứ miễn tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước.".

28. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 47 như sau:

a) Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 4 như sau:

"c1) Trường hợp công trình khai thác nước mặt để cấp cho nuôi trồng thủy sản đã vận hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2024, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến thời điểm giấy phép hết hiệu lực; trường hợp công trình khai thác nước mặt để cấp cho nuôi trồng thủy sản vận hành sau ngày 01 tháng 7 năm 2024, tính từ thời điểm công trình vận hành đến thời điểm giấy phép hết hiệu lực.

Đối với công trình khai thác nước mặt đã được cấp giấy phép về tài nguyên nước và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho nuôi trồng thủy sản thì chủ giấy phép phải hoàn thành việc nộp sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mặt cho nuôi trồng thủy sản trước ngày 31 tháng 12 năm 2026;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

"d) Trường hợp cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở sản xuất, cung cấp nước sạch trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế), kinh doanh, dịch vụ khai thác nước phục vụ sinh hoạt và các mục đích khác trong phạm vi cơ sở đó thì toàn bộ lượng nước sử dụng được tính cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở đó.

Trường hợp cấp nước ngoài phạm vi cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì phần sản lượng nước cấp ngoài phạm vi cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được xác định cho từng mục đích theo quy định tại điểm b khoản này;".

29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 48 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, cưa cắt đá:

Đối với sản lượng nước khai thác để khai thác khoáng sản thì giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho khai khoáng.

Đối với sản lượng nước khai thác khác với sản lượng nước để khai thác khoáng sản thì giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho cơ sở kinh doanh dịch vụ, sản xuất (bao gồm cả cơ sở sản xuất nước cho khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế) trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này là giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác.".

30. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Hệ số loại nguồn nước khai thác (K2) được xác định theo loại nguồn nước bao gồm nước mặt, nước dưới đất do tổ chức, cá nhân khai thác. Trường hợp công trình khai thác nước dưới đất có giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động nằm trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thì hệ số K2 được xác định tại vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Hệ số điều kiện khai thác (K3) xác định căn cứ vào điều kiện khai thác cụ thể của nguồn nước mà tổ chức, cá nhân khai thác. Trường hợp công trình khai thác nước dưới đất gồm nhiều giếng khoan thì hệ số K3 được xác định trên cơ sở chiều sâu đáy ống lọc trung bình của các giếng.".

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

Điều 50. Thẩm quyền phê duyệt và cơ quan tiếp nhận, thẩm định tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

“1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước.

2. Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả (sau đây gọi chung là cơ quan tiếp nhận) bao gồm:

a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Cơ quan thẩm định, quản lý hồ sơ, quyết định phê duyệt (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định hồ sơ), bao gồm:

a) Cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý hồ sơ, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và quản lý hồ sơ, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:

“Điều 51. Trình tự, thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

1. Trình tự tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành:

a) Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước bao gồm Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và kèm theo các tài liệu để chứng minh thông tin cung cấp trong Bản kê khai;

b) Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước;

c) Đối với công trình đã được cấp giấy phép về tài nguyên nước để cấp cho sinh hoạt và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trước ngày 01 tháng 7 năm 2024 thì trình tự, thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy

định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này. Việc thực hiện nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trình tự tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành tại thời điểm cấp phép khai thác:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công trình khai thác nước bắt đầu vận hành, chủ giấy phép phải nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

b) Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Chủ giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tuyến, thời gian tiếp nhận và kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính; đối với trường hợp nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, việc tiếp nhận và kiểm tra trong thời gian 01 ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 50 của Nghị định này để tổ chức thẩm định;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Trường hợp đủ điều kiện, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện thì cơ quan thẩm định trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 10 ngày làm việc.

3. Trường hợp công trình đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà chỉ có sự thay đổi tên chủ giấy phép (cấp lại) và không có sự thay đổi các căn cứ tính tiền cấp quyền theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đã phê duyệt trước đó thì không phải điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền. Trong nội dung giấy phép cấp lại phải quy định rõ việc chủ giấy phép mới phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trong đó có tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền trước đó.

33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 52 như sau:

a) Sửa đổi điểm k khoản 1 như sau:

“k) Đối với trường hợp chủ giấy phép trả lại giấy phép đã được cấp;”

b) Bổ sung điểm k1 vào sau điểm k khoản 1 như sau:

“k1) Đối với trường hợp khi cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép;”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân nộp Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước;

b) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này thì chủ giấy phép nộp Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 57 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này và các tài liệu để chứng minh đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 50 của Nghị định này. Cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định quy định tại khoản 3 Điều 50 của Nghị định này để tổ chức thẩm định.

Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Trường hợp đủ điều kiện, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện thì cơ quan thẩm định trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 07 ngày làm việc;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì trình tự, thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Nghị định này và áp dụng giá tính tiền tại quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước liền trước đó;

d) Khi điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải căn cứ vào giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại thời điểm cấp có thẩm quyền tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Đối với trường hợp quy định tại các điểm c, e, i, k và k1 khoản 1 Điều này thì giá tính tiền cấp quyền theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền liền trước đó;

đ) Đối với trường hợp quy định tại điểm k1 khoản 1 Điều này thì cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép đồng thời ban hành quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

e) Khi điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp quy định tại các điểm c, e, i, k và k1 khoản 1 Điều này được tính theo các thông số, căn cứ đã được phê duyệt tại quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước liền trước đó.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Khi truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải được tính theo các thông số, căn cứ, giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước liền trước đó.

Trường hợp phát sinh khai thác cho mục đích sử dụng nước phải nộp tiền nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thì được tính theo giá tính tiền cấp quyền tại thời điểm ban hành quyết định truy thu.".

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Đối với trường hợp truy thu tiền cấp quyền, khi cấp thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát hiện trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có văn bản đề nghị của chủ giấy phép (nêu rõ lý do, thời gian truy thu) về việc truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện trường hợp phải truy thu và nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh làm căn cứ xác định số tiền phải truy thu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét quyết định truy thu.".

34. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 57 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều này trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc thực hiện phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn việc kê khai trên ứng dụng kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc địa bàn nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả, nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định này.";

b) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 4 như sau:

“4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:”

35. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 58 như sau:

“3. Đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan và cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan đã xây dựng, vận hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị định này thì phải hoàn thành việc đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định của Nghị định này chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2027.”.

36. Thay thế một số cụm từ sau đây:

a) Thay thế từ “đơn” bằng cụm từ “văn bản” tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 17; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 19; khoản 1 và khoản 3 Điều 20; điểm a, c khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 21;

b) Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 57;

c) Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 6 Điều 7; khoản 2 Điều 33;

d) Thay thế cụm từ “42 ngày” bằng cụm từ “30 ngày làm việc” tại khoản 1 Điều 28;

đ) Thay thế cụm từ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” bằng cụm từ “cấp có thẩm quyền” tại khoản 2 Điều 5; điểm h khoản 2 Điều 6; khoản 1 Điều 8, điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 13; Điều 27; khoản 1 và khoản 2 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 46; điểm b khoản 5 Điều 47; khoản 6 Điều 48; khoản 1, điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 52; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 5 Điều 57; khoản 5, khoản 10 và khoản 11 Điều 58;

e) Thay thế cụm từ “Cục thuế” bằng từ “Thuế” tại khoản 5 Điều 52, khoản 1 và khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 55, khoản 2 Điều 56;

g) Thay thế cụm từ “Tổng Cục thuế” bằng từ “Cục thuế” tại khoản 1 Điều 55.

37. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều và một số cụm từ sau đây:

a) Bãi bỏ điểm b, điểm d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 18; điểm c, điểm d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 19; Điều 31; điểm d khoản 2 và khoản 4 Điều 37; điểm a và điểm c khoản 3 Điều 39;

b) Bãi bỏ cụm từ “thanh tra,” ở điểm b khoản 1 Điều 57.

38. Thay thế các Phụ lục của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP như sau:

a) Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thay thế Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Thay thế Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Thay thế Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Thay thế Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bằng Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước cho công trình đã vận hành mà chưa được tiếp nhận hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cấp có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho cơ quan có thẩm quyền để thẩm định theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b, c và điểm d khoản 2 Điều 51 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép cho công trình đã vận hành mà chưa được tiếp nhận hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho cơ quan có thẩm quyền trước ngày 28 tháng 02 năm 2026 để thẩm định theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b, c và điểm d khoản 2 Điều 51 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan quản lý hồ sơ, giấy phép có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ, giấy phép, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đã hoàn thành mà có sự thay đổi thẩm quyền cho cơ quan quản lý hồ sơ, giấy phép theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

5. Đối với các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh đã lập hoặc điều chỉnh mà chưa được phê duyệt thì được tiếp tục lập, thẩm định theo quy định Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

6. Đối với quy định về quan trắc, giám sát:

a) Tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước mặt là công trình hồ chứa để phát điện, hồ chứa thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cho các mục đích khác phải hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, thực hiện việc quan trắc, tính toán lưu lượng đến hồ theo quy định tại khoản 37 và khoản 38 Điều 1 của Nghị định này trước ngày 01 tháng 7 năm 2026;

b) Tổ chức, cá nhân có công trình khai thác, sử dụng nước mặt là công trình hồ chứa thủy lợi để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cho các mục đích khác đang phải quan trắc để giám sát trực tuyến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tự quyết định lựa chọn việc tiếp tục quan trắc tự động hoặc chuyển sang quan trắc định kỳ theo quy định của Nghị định này.

7. Văn bản, giấy phép là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép đó cho đến khi hết thời hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại văn bản, giấy phép thì gửi văn bản đề nghị, hồ sơ đến cấp có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này giải quyết.

8. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển thuộc trường hợp phải đăng ký theo quy định của Nghị định này đã được cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được quyền trả lại giấy phép được cấp để thực hiện việc đăng ký theo quy định của Nghị định này hoặc tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép.

9. Tổ chức, cá nhân khai thác nước thuộc trường hợp khai thác nước cho các hoạt động lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan đến lâm nghiệp đã được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được quyền trả lại giấy phép được cấp.

10. Tổ chức, cá nhân khai thác nước mặt cho mục đích thi công công trình hồ chứa, đập dâng và công trình thủy lợi thuộc trường hợp không phải cấp phép theo quy định của Nghị định này đã được cấp giấy phép khai thác nước mặt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được quyền trả lại giấy phép đã được cấp.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục

hành chính thì cơ quan thẩm định thông báo trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép cho tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Bãi bỏ Mục 7 Chương II lĩnh vực tài nguyên nước và khoản 4 Điều 48;

b) Bãi bỏ Phụ lục VI kèm theo Nghị định.

4. Bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường:

a) Bãi bỏ Chương IX phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoản 7 Điều 63;

b) Bãi bỏ Phụ lục VII kèm theo Nghị định.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I. MẪU VĂN BẢN, GIẤY PHÉP, ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN, BÁO CÁO TRONG HỒ SƠ CẤP PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC, TẠM DỪNG CÓ THỜI HẠN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP

(Kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
Phần I	**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH, CẤP LẠI, TRẢ LẠI, TẠM DỪNG CÓ THỜI HẠN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP; TỜ KÊ KHAI KHAI THÁC, TỜ KÊ KHAI ĐĂNG KÝ**	
1	Mẫu 01	Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất
2	Mẫu 02	Văn bản đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất
3	Mẫu 03	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất
4	Mẫu 04	Văn bản đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất
5	Mẫu 05	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt
6	Mẫu 06	Văn bản đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt
7	Mẫu 07	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước biển
8	Mẫu 08	Văn bản đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước biển
9	Mẫu 09	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác tài nguyên nước
10	Mẫu 10	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác tài nguyên nước
11	Mẫu 11	Văn bản đề nghị tạm dừng có thời hạn hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác tài nguyên nước
12	Mẫu 12	Tờ kê khai khai thác nước dưới *đất (đối với trường hợp khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho mục đích sinh hoạt của mình)*
13	Mẫu 13	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất *(đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m ^{3}/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình)*
14	Mẫu 14	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất *(đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)*
15	Mẫu 15	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt
16	Mẫu 16	Tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước
17	Mẫu 17	Tờ khai đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch, để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan
18	Mẫu 18	Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước biển.
Phần II	**MẪU GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ, QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN TRẢ LẠI, TẠM DỪNG, ĐÌNH CHỈ VÀ THU HỒI**	
1	Mẫu 19	Giấy phép thăm dò nước dưới đất

2	Mẫu 20	Giấy phép thăm dò nước dưới đất *(Mẫu gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)*
3	Mẫu 21	Giấy phép khai thác nước dưới đất
4	Mẫu 22	Giấy phép khai thác nước dưới đất *(Mẫu gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)*
5	Mẫu 23	Giấy phép khai thác nước mặt
6	Mẫu 24	Giấy phép khai thác nước mặt *(Mẫu gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)*
7	Mẫu 25	Giấy phép khai thác nước biển
8	Mẫu 26	Giấy phép khai thác nước biển *(Mẫu gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)*
9	Mẫu 27	Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/Giấy phép khai thác tài nguyên nước
10	Mẫu 28	Quyết định chấp thuận tạm dừng hiệu lực giấy phép khai thác tài nguyên nước *(trường hợp chủ giấy phép đề nghị tạm dừng)*
11	Mẫu 29	Quyết định tạm dừng hiệu lực giấy phép khai thác tài nguyên nước *(trường hợp do cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm dừng)*
12	Mẫu 30	Quyết định đình chỉ hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất/Giấy phép khai thác tài nguyên nước
13	Mẫu 31	Quyết định thu hồi giấy phép thăm dò nước dưới đất/Giấy phép khai thác tài nguyên nước
14	Mẫu 32	Giấy xác nhận đăng ký khai thác nước mặt/nước biển
15	Mẫu 33	Giấy xác nhận đăng ký sử dụng mặt nước
16	Mẫu 34	Giấy xác nhận đăng ký đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan
17	Mẫu 34a	Giấy xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất *(Đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m^3/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình)*
18	Mẫu 34b	Giấy xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất *(Đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)*
Phần III	**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN, BÁO CÁO THĂM DÒ, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**	
1	Mẫu 35	Đề án thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm trở lên)*
2	Mẫu 36	Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)*
3	Mẫu 37	Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)*
4	Mẫu 38	Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất *(đối với công trình có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm trở lên)*
5	Mẫu 39	Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác *(đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)*
6	Mẫu 40	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất *(đối với trường hợp công trình khai thác đang hoạt động)*
7	Mẫu 41	Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép *(đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép)*

Phần IV	HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT, NƯỚC BIỂN	
1	Mẫu 42	Đề án khai thác nước mặt *(đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước)*
2	Mẫu 43	Đề án khai thác nước mặt *(đối với trường hợp công trình đã khai thác nước)*
3	Mẫu 44	Đề án khai thác nước mặt/Đề án khai thác nước mặt và tình hình thực hiện giấy phép *(đối với công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)*
4	Mẫu 45	Đề án khai thác nước mặt và tình hình thực hiện giấy phép *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)*
5	Mẫu 46	Đề án khai thác nước biển *(đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước)*
6	Mẫu 47	Đề án khai thác nước biển *(đối với trường hợp công trình đã khai thác nước)*
7	Mẫu 48	Đề án khai thác nước biển và tình hình thực hiện giấy phép *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)*

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: .....(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước)*. .....

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định *(đối với tổ chức)/* số định danh cá nhân *(đối với cá nhân)*. .....

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)*:.....

1.4. Điện thoại: ..... Email:.....

2. Nội dung đề nghị cấp phép:.....

2.1. Vị trí công trình thăm dò:..... (2)

2.2. Mục đích thăm dò:..... (3)

2.3. Quy mô thăm dò:..... (4)

2.4. Tầng chứa nước thăm dò:..... (5)

2.5. Thời gian thi công:..... (6)

2.6. Thời gian đề nghị thăm dò: *(tối đa là 02 năm)* .....

3. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

....ngày... .tháng.....năm.....
Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định

(2) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp....., xã/phường/đặc khu,...., tỉnh/thành phố...., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò. Ghi rõ tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3^o (theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).

(3) Ghi rõ thăm dò nước dưới đất để cấp nước cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản....; trường hợp thăm dò để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ dự kiến lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(4) Ghi rõ tổng số giếng, tổng lưu lượng thăm dò (m^3/ngày đêm) và dự kiến lưu lượng của từng giếng

(5) Ghi rõ tên tầng chứa nước (có áp/không áp), chiều sâu dự kiến của các giếng thăm dò; trường hợp thăm dò nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ các tầng thăm dò, số lượng giếng, lưu lượng dự kiến thăm dò trong từng tầng chứa nước.

(6) Ghi rõ thời gian bắt đầu thi công, dự kiến thời gian hoàn thành công tác thi công, thời gian hoàn thành công tác lập đề án/báo cáo kết quả thăm dò.

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)*.....

1.3. Điện thoại:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:..... (2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/năm *(trường hợp đề nghị gia hạn).*

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:..... *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).*

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

….ngày...tháng....năm.....
Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: ..... (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước):* .....

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số định danh cá nhân (đối với cá nhân): .....

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):* .....

1.4. Điện thoại:..... Email: .....

2. Nội dung đề nghị cấp phép:.....

2.1. Tên công trình:.....

2.2. Vị trí công trình khai thác:..... (2)

2.3. Mục đích khai thác nước:..... (3)

2.4. Tầng chứa nước khai thác:..... (4)

2.5. Số giếng khai thác..... (5)

2.6. Tổng lưu lượng nước khai thác:..... (m^3/ngày đêm).

2.7. Chế độ khai thác của công trình:..... (6).

2.8. Thời gian đề nghị cấp phép: *(tối đa là 5 năm)*.....

Số hiệu, vị trí và thông số của công trình khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu	**Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu 3°) (7)**		**Chiều sâu đặt ống lọc (m)**		**Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)**	**Tầng chứa nước khai thác**
	X	**Y**	**Từ**	**Đến**		

3. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

..., ngày..... tháng....năm....
Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định

(2) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp....., xã/phường/đặc khu,...., tỉnh/thành phố...., nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính.

(3) Ghi rõ khai thác nước dưới đất để sử dụng cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản....; trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích

(4) Ghi rõ tên tầng chứa nước khai thác (có áp/không áp); trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước.

(5) Ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước

(6) Ghi rõ số ngày khai thác nước trong năm.

Trường hợp công trình có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm (VD: Công trình khai thác nước có thể ghi chế độ khai thác là: 65/365 ngày khai thác với lưu lượng 200.000 m^3 /ngày đêm, 300/365 ngày khai thác với lưu lượng 150.000 m^3/ngày đêm)

(7) Ghi tọa độ theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh.

Mẫu 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):*.....

1.3. Điện thoại:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:..... (2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/năm *(trường hợp đề nghị gia hạn).*

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....*(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).*

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

..... ngày... tháng….năm ....
Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

Kính gửi: ..... (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước): .....*

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định *(đối với tổ chức)*/số định danh cá nhân *(đối với cá nhân)*:.....

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú): .....*

1.4. Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin chung về công trình khai thác nước:

2.1. Tên công trình.....

2.2. Loại hình công trình, phương thức khai thác/vận hành..... (2)

2.3. Vị trí công trình *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)*.....(3)

2.4. Hiện trạng công trình..... (4)

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Nguồn nước khai thác:..... (5)

3.2. Vị trí lấy nước:..... (6)

3.3. Mục đích khai thác nước:..... (7)

3.4. Lượng nước khai thác:..... (8)

3.5. Dòng chảy tối thiểu:.....(9)

3.6. Chế độ khai thác/vận hành:..... (10)

3.7. Thời gian đề nghị cấp phép: *(tối đa là 10 năm) .....*

4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

... ngày .... tháng... năm ...
Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Hướng dẫn viết Văn bản đề nghị:

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Ghi rõ loại hình công trình *(hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước,...),* mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất lắp máy/trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước....; cách thức vận hành ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan.

(3) Trường hợp công trình đặt trên nhiều địa bàn hành chính khác nhau thì ghi đầy đủ các địa danh hành chính đó.

(4) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian bắt đầu vận hành công trình khai thác nước/dự kiến vận hành công trình khai thác nước.

(5) Nguồn nước khai thác; ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông nào; trường hợp công trình có chuyển nước thì nêu rõ cả tên nguồn nước tiếp nhận.

(6) Nêu rõ địa danh vị trí lấy nước (thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố) và tọa độ các hạng mục chính của công trình: cửa lấy nước, tim tuyến đập *(đối với trường hợp có hồ chứa, đập ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch)*, tim nhà máy thủy điện và tim tuyến đập *(đối với công trình thủy điện)* theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).

(7) Nêu rõ mục đích khai thác nước để sử dụng; trường hợp công trình khai thác nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích khai thác *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản, tạo không gian, thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan, tạo nguồn, ngăn mặn,*

chống ngập,...) và ghi rõ các mục đích khai thác nước phải tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; nhiệm vụ cấp nước trực tiếp, tạo nguồn tương ứng với từng mục đích khai thác.

(8) Ghi rõ lượng nước khai thác lớn nhất cho từng mục đích theo từng thời kỳ trong ngày/tháng/mùa vụ/năm, ghi rõ lượng nước khai thác trực tiếp; đối với công trình thủy điện ghi rõ lưu lượng phát điện thiết kế qua nhà máy và công suất lắp máy. Trong đó:

- Lượng nước khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m^3/s.

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác cho các mục đích khác tính bằng m^3/ngày đêm.

Trường hợp công trình có mục đích tạo nguồn ghi rõ lượng nước tạo nguồn, tính bằng m^3/s hoặc m^3/ngày đêm (nếu có hoặc nếu xác định được).

(9) Ghi rõ giá trị dòng chảy tối thiểu đề xuất đối với loại hình công trình thuộc trường hợp phải xác định dòng chảy tối thiểu theo quy định.

(10) Ghi rõ số giờ khai thác nước trong ngày, số ngày khai thác nước theo tháng/mùa vụ/năm; công trình có mục đích ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan thì ghi rõ chế độ vận hành của công trình.

Trường hợp công trình (trừ khai thác nước cho thủy điện) có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm (VD: Công trình khai thác nước có thể ghi chế độ khai thác là: 65/365 ngày khai thác với lưu lượng 200.000 m^3/ngày đêm, 300/365 ngày khai thác với lưu lượng 150.000 m^3/ngày đêm).

Mẫu 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):*.....

1.3. Điện thoại:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:..... (2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/năm *(trường hợp đề nghị gia hạn).*

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....*(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).*

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

...., ngày.... tháng... năm ...
Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép do tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi thì phải ghi rõ lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

Kính gửi: .....(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước) :* .....

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số định danh cá nhân *(đối với cá nhân)*: .....

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):*.....

1.4. Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin chung về công trình khai thác nước biển:

2.1. Tên công trình.....

2.2. Vị trí khu vực công trình *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố).*

2.3. Hiện trạng công trình.....(2)

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

3.1. Vị trí khai thác:..... (3)

3.2. Mục đích khai thác:..... (4)

3.3. Phương thức khai thác:..... (5)

3.4. Lượng nước khai thác:..... (6)

3.5. Chế độ khai thác:..... (7)

3.6. Thời gian đề nghị cấp phép: *(tối đa là 15 năm)*.....

4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

... ngày... tháng... năm ...
Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian bắt đầu vận hành công trình khai thác nước/dự kiến vận hành công trình khai thác nước.

(3) Ghi rõ tên vùng biển khai thác thuộc địa phận xã/phường/đặc khu...,tỉnh/thành phố...; vị trí lấy nước: thôn/ấp... *xã/phường/đặc khu*…., tỉnh/thành phố..; tọa độ của điểm vị trí khai thác nước theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh)*.

(4) Nêu rõ các mục đích khai thác nước biển *(làm mát, gia nhiệt, nuôi trồng thủy sản, tuyển quặng,...)*.

(5) Mô tả các hạng mục công trình, công suất trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng, trữ nước,...

(6) Lưu lượng nước khai thác lớn nhất theo ngày *(m^3/ngày đêm)*.

(7) Ghi rõ số giờ khai thác nước trong ngày, số ngày khai thác nước theo tháng/mùa, năm. Trường hợp công trình khai thác nước có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm (VD: Công trình khai thác nước có thể ghi chế độ khai thác là: 65/365 ngày khai thác với lưu lượng 200.000 m^3/ngày đêm, 300/365 ngày khai thác với lưu lượng 150.000 m^3/ngày đêm).

Mẫu 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):*.....

1.3. Điện thoại:..... Email: .....

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:..... (2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn *(trường hợp đề nghị gia* hạn):....tháng/năm.

- Nội dung đề nghị điều chỉnh *(trường hợp điều chỉnh giấy phép):....*

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

..., ngày... tháng... năm ....
Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép do tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi thì phải ghi rõ lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT/ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép: .....(2)

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)*.....

1.3. Điện thoại:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:..... (3)

3. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

..., ngày.... tháng..... năm ...
Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Là chủ giấy phép đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định này; là tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

(3) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

Mẫu 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT/KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):*.....

1.3. Điện thoại:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị trả lại giấy phép:..... (2)

3. Cam kết của chủ giấy phép:

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết liên quan đến việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và các nghĩa vụ khác liên quan đến khai thác nước theo quy định của pháp luật (kèm theo tài liệu chứng minh) đến thời điểm trả lại giấy phép.

Đề nghị (tên cấp có thẩm quyền cấp phép) xem xét, chấm dứt hiệu lực của Giấy phép số..... ngày ....tháng ....năm .....do (tên cơ quan cấp giấy phép) từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm ...

... ngày... tháng... năm.....
Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Trình bày rõ lý do đề nghị trả lại giấy phép.

Mẫu 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG CÓ THỜI HẠN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT/KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Kính gửi: .....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú):*.....

1.3. Điện thoại:..... Email:.....

2. Lý do đề nghị tạm dừng thời hạn hiệu lực giấy phép:..... (2)

3. Thời gian đề nghị tạm dừng thời hạn hiệu lực giấy phép: Từ ngày... tháng... năm đến ngày... tháng... năm.....(3)

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết chấp hành các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị (tên cấp có thẩm quyền cấp phép) xem xét, phê duyệt tạm dừng thời hạn hiệu lực của Giấy phép số: ....ngày.... tháng ....năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng ...năm ...

... ngày... tháng... năm.....
Chủ giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

(2) Trình bày rõ lý do đề nghị tạm dừng thời hạn hiệu lực giấy phép.

(3) Ghi rõ thời gian đề nghị tạm dừng thời hạn hiệu lực giấy phép:

- Thời gian đề nghị tạm dừng tối thiểu 30 ngày liên tục đối với trường hợp tạm dừng hiệu lực Giấy phép thăm dò nước dưới đất.

- Thời gian đề nghị tạm dừng tối thiểu 60 ngày liên tục đối với trường hợp tạm dừng hiệu lực Giấy phép khai thác tài nguyên nước.

Mẫu 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KÊ KHAI
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đối với trường hợp khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho mục đích sinh hoạt của mình)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu …..
(nơi có công trình khai thác)

1. Thông tin về hộ gia đình kê khai:

1.1. Thông tin về hộ gia đình kê khai: Tên chủ hộ hoặc đại diện hộ gia đình, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú:...

1.2. Số điện thoại, email liên hệ (nếu có): .....

2. Thông tin về công trình khai thác:

Thông tin về công trình khai thác được tổng hợp theo bảng dưới đây:

TT	**Loại hình giếng/ hố đào/ hành lang/ mạch lộ/ hang động,...**	**Giếng khai thác**	**Vị trí (2)**			**Chiều sâu giếng (m)**	**Lưu lượng khai thác (m^3 /ngày đêm)**	**Chế độ khai thác (1)**
			Thôn/ ấp, xã/ tỉnh	**Tọa độ X theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (nếu có)**	**Tọa độ Y theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (nếu có)**			
1	Giếng/ hố đào/ hành lang/ mạch lộ/ hang động,...	Giếng 1						
2	Giếng/ hố đào/ hành lang/ mạch lộ/ hang động,...	Giếng 2						
...								
…								
		Tổng						

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- *(Chủ hộ hoặc đại diện hộ gia đình)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ hộ hoặc đại diện hộ gia đình)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

...., ngày..., tháng..... năm....
Chủ hộ hoặc đại diện hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1) Ghi rõ số giờ khai thác nước trung bình trong ngày.

(2) Theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh

Mẫu 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m^3/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(nơi có công trình khai thác)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân): .....*

1.2. Số điện thoại, email liên hệ (nếu có):.....

2. Thông tin về công trình khai thác nước dưới đất:

2.1. Trường hợp có 01 công trình khai thác nước dưới đất:

a) Tên công trình:.....

b) Vị trí công trình:.....(1)

c) Mục đích khai thác:..... (2)

d) Tầng chứa nước khai thác:..... (3)

đ) Số giếng khai thác:.....(4)

e) Tổng lưu lượng khai thác:..... (m^3/ngày đêm)

g) Chế độ khai thác:..... (5)

Số hiệu, vị trí và thông số của công trình khai thác cụ thể như sau:

TT	Số hiệu giếng	Vị trí (xã/ tỉnh)	Tọa độ (X,Y) theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu 3° (6)	Chiều sâu giếng (m)	Lượng nước khai thác (m^3/ngày đêm)	Tầng chứa nước khai thác

2.2. Trường hợp có 02 công trình khai thác nước dưới đất: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm Tờ khai đăng ký này.

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

...., ngày.... tháng..... năm ...
Tổ chức/cá nhân đăng ký
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố)* nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất;

(2) Ghi rõ khai thác nước dưới đất để sử dụng cho mục đích: kinh doanh, sản xuất, tưới,…

(3) Ghi rõ tên tầng chứa nước khai thác nước dưới đất;

(4) Ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động;

(5) Ghi rõ số ngày khai thác nước trong năm;

(6) Tọa độ X, Y các hạng mục chính công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3 *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

Phụ lục

TT	Tên công trình/ số hiệu giếng	Vị trí (xã/ tỉnh)	Tọa độ (X,Y) theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°(6)	Chiều sâu giếng (m)	Lượng nước khai thác (m^3 /ngày đêm)	Mục đích khai thác nước (ghi rõ từng mục đích khai thác)	Tầng chứa nước khai thác	Chế độ khai thác nước	Khoảng cách của các công trình (m)
1	**Tên công trình thứ 1**								
1	Số hiệu giếng ...								.
	…								
Tổng lượng nước khai thác của công trình thứ 1 (bao gồm tổng lượng nước của tất cả các giếng tại công trình khai thác):..... (m^3/ngày đêm)									
II	**Tên công trình thứ 2**								
1	Số hiệu giếng ...								
...									
Tổng lượng nước khai thác của công trình thứ 2 (bao gồm tổng lượng nước của tất cả các giếng tại công trình khai thác):…….....….(m^3/ngày đêm)									

Mẫu 14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....(nơi xây dựng công trình)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân).....*

1.2. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có):.....

2. Thông tin về công trình:

2.1. Tên công trình/dự án:
.....

2.2. Vị trí công
trình:..... (1)

2.3. Kích thước moong khai thác:
.....

2.4. Mục đích sử dụng nước *(để tuyển quặng hay bơm hút nước để tháo khô mỏ): .....*

2.5. Lượng nước bơm hút để tuyển quặng/tháo khô mỏ:.....(m^3/ngày đêm)

2.6. Chế độ bơm hút để tuyển quặng/tháo khô mỏ:…….....…….(2)

2.7. Thời gian đăng
ký:.....(3)

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

….ngày..... tháng..... năm....
Tổ chức/cá nhân đăng ký
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình; tọa độ vị trí lắp đặt bơm hút nước tại moong theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (nếu có) *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh)*.

(2) Ghi rõ chế độ số giờ khai thác nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình/năm.

(3) Ghi rõ số năm đăng ký khai thác nước.

Mẫu 15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC MẶT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...(nơi xây dựng công trình)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân): .....*

1.2. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ *(nếu có).....*

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Trường hợp có 01 công trình khai thác nước mặt

a) Tên công trình: .....

b) Vị trí công trình:..... (1)

c) Nguồn nước khai thác:..... (2)

d) Mục đích khai thác:..... (3)

đ) Lưu lượng khai thác: .....(4)

e) Phương thức khai thác:.....(5)

g) Chế độ khai thác:..... (6)

h) Giá trị dòng chảy tối thiểu xả sau công trình đề xuất *(đối với đập, hồ chứa xây dựng trên sông, suối): .....*(7)

i) Hiện trạng công trình..... (8)

2.2. Trường hợp có từ 02 công trình khai thác trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm Tờ khai đăng ký này.

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

..., ngày.... tháng.... năm....
Tổ chức/cá nhân đăng ký
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình khai thác nước mặt);* tọa độ X, Y các hạng mục chính công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

(2) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...

(3) Nêu rõ mục đích khai thác nước để sử dụng; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp cho từng mục đích sử dụng *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản....)* và mục đích tạo nguồn *(nếu có).*

(4) Ghi rõ lượng nước khai thác và lượng nước để tạo nguồn *(nếu có), tính bằng m^3/s hoặc m^3/ngày đêm.*

(5) Ghi rõ loại hình công trình *(hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước, kênh dẫn...),* mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...

(6) Ghi rõ chế độ điều tiết *(đối với hồ chứa),* số giờ lấy nước trong ngày, số ngày lấy nước theo tháng/mùa vụ/năm.

(7) Đề xuất cụ thể giá trị dòng chảy tối thiểu sau công trình hồ chứa/đập dâng trên sông, suối và kèm theo các tài liệu làm căn cứ đề xuất.

(8) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian bắt đầu vận hành công trình khai thác nước/dự kiến vận hành công trình khai thác nước.

Phụ lục

Tên công trình	Đơn vị quản lý	Loại hình công trình khai thác	Vị trí			Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác nước/ tạo nguồn	Lưu lượng khai thác (m^3/s, m^3/ ngày đêm)	Chế độ khai thác	Hiện trạng công trình	Trạm bơm		Cống		Hồ chứa/Đập				Ghi chú
			X	Y	xã, tỉnh						Công suất thiết kế (m^3/h)	Công suất thực tế (m^3/h)	Lưu lượng thiết kế (m^3/s)	Kích thước (m)	Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	Dung tích hữu ích (triệu m^3)	Chiều dài đập chính (m)	Giá trị dòng chảy tối thiểu đề xuất xả sau đập/ hồ	

																	chứa (m^3/s)	

Mẫu 16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MẶT NƯỚC

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.. ..(nơi sử dụng mặt nước)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân): .....*

1.2. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ *(nếu có): .....*

2. Thông tin về việc sử dụng mặt nước:

2.1. Trường hợp có 01 vị trí sử dụng mặt nước

a) Vị trí sử dụng mặt nước: ..... (1)

b) Nguồn nước sử dụng: ..... (2)

c) Mục đích sử dụng: .....(3)

d) Diện tích mặt nước sử dụng (đơn vị là m^2): .....

đ) Thời gian sử dụng mặt nước:..... (4)

e) Hiện trạng sử dụng..... (5)

2.2. Trường hợp có từ 02 vị trí sử dụng trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm Tờ khai đăng ký này.

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

…, ngày..... tháng... năm....
Tổ chức/cá nhân đăng ký
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố nơi sử dụng mặt nước)* và tọa độ vị trí sử dụng mặt nước theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (nếu có) *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

(2) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...

(3) Nêu rõ mục đích sử dụng mặt nước: kinh doanh - dịch vụ, nuôi trồng thủy sản; sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời; các khu, điểm du lịch có hoạt động sử dụng mặt nước.

(4) Ghi rõ thời gian dự kiến sử dụng mặt nước trong ngày, trong năm.

(5) Ghi rõ đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian bắt đầu sử dụng nước/dự kiến sử dụng nước.

Phụ lục

STT	**Vị trí; tọa độ (nếu có)**				**Nguồn nước sử dụng**	**Mục đích sử dụng**	**Diện tích mặt nước sử dụng (m2)**	**Thời gian sử dụng mặt nước**
	Xã	**Tỉnh**	**X**	**Y**				

Mẫu 17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐÀO HỒ, AO, SÔNG, SUỐI, KÊNH, MƯƠNG, RẠCH ĐỂ TẠO KHÔNG GIAN THU, TRỮ NƯỚC, DẪN NƯỚC, TẠO CẢNH QUAN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....(nơi đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân).....*

1.2. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ *(nếu có): .....*

2. Thông tin về đào hồ, ao:

2.1. Trường hợp đào hồ, ao

a) Vị trí đào *(thôn/ấp; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố nơi đào hồ, ao):.....*

b) Mục đích đào hồ, ao *(tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan,...):.....*

c) Diện tích mặt nước hồ, ao (đơn vị là m^2):.....

Trường hợp có từ 02 hồ, ao trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm tờ khai đăng ký này.

d) Thời gian thực hiện: .....;

2.2. Trường hợp đào sông, suối, kênh, mương, rạch:

a) Vị trí đào *(thôn/ấp; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố nơi đào sông, suối, kênh, mương, rạch):.....*

b) Mục đích đào sông, suối, kênh, mương, rạch *(tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan,...):*

c) Lưu lượng dẫn, chuyển nước đối với sông, suối, kênh, mương, rạch (đơn vị là m^3/giây):..

d) Bề rộng đáy đối với sông, suối, kênh, mương, rạch (đơn vị là m):.....

đ) Chiều dài của sông, suối, kênh, mương, rạch (đơn vị là m):.....

e) Thời gian thực hiện:.....

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

....ngày..... tháng...năm...
Tổ chức/cá nhân đăng ký
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Phụ lục

STT	Vị trí		Mục đích sử dụng	Diện tích đào hồ, ao (m^2)
	Xã	Tỉnh		

Mẫu 18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....(nơi xây dựng công trình)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số định danh cá nhân, địa chỉ nơi cư trú đối với cá nhân).* .....

1.2. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có):.....

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Trường hợp có 01 công trình khai thác

a) Vị trí công trình:..... (1)

b) Nguồn nước khai thác:..... (2)

c) Nguồn nước tiếp nhận nước biển sau khi sử dụng:..... (3)

d) Mục đích khai thác:.....(4)

đ) Lưu lượng khai thác: .....(5)

e) Phương thức khai thác: .....(6)

g) Chế độ khai thác:..... (7)

h) Hiện trạng công trình..... (8)

2.2. Trường hợp có từ 02 công trình khai thác trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm Tờ khai đăng ký này.

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đăng ký)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

....ngày.... tháng.... năm...
Tổ chức/cá nhân đăng ký
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

(1) Ghi rõ tên địa danh, bao gồm vị trí khai thác nước *(thuộc khu vực/vùng biển, xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình khai thác nước biển);* Tọa độ X, Y các hạng mục chính công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

(2) Ghi rõ nguồn nước biển thuộc khu vực/vùng biển khai thác.

(3) Ghi rõ nguồn nước tiếp nhận nước biển sau khi sử dụng thuộc khu vực/vùng biển khai thác; trường hợp nguồn nước tiếp nhận trên đảo, đất liền cần ghi rõ *xã/phường/đặc khu,* tỉnh/thành phố; trường hợp nguồn tiếp nhận là các nguồn nước khác cần ghi rõ tên sông/suối/ kênh/rạch/ hồ/ao/ đầm/ phá.

(4) Nêu rõ mục đích khai thác nước để sử dụng; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp cho từng mục đích sử dụng *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản....)* và mục đích tạo nguồn *(nếu có).*

(5) Ghi rõ lượng nước khai thác và lượng nước để tạo nguồn *(nếu có), m^3/ngày đêm.*

(6) Nêu rõ các hạng mục công trình khai thác; cách thức lấy nước, dẫn nước,...

(7) Ghi rõ số giờ lấy nước trong ngày, số ngày lấy nước theo tháng/mùa vụ/năm.

(8) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian bắt đầu vận hành công trình khai thác nước/dự kiến vận hành công trình khai thác nước.

Phụ lục

Tên công trình	**Đơn vị quản lý**	**Loại hình công trình khai thác**	**Vị trí lấy nước biển**			**Vị trí nguồn nước tiếp nhận sau khi sử dụng**			**Mục đích khai thác, sử dụng**	**Lưu lượng khai thác, sử dụng (m^3/ngày)**	**Ghi chú**
			X	**Y**	**Xã, tỉnh**	**X**	**Y**	**Xã, tỉnh**			

Mẫu 19

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... tháng.... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số …ngày… tháng ….năm….. của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ .....(1);

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày..... tháng… năm…. và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* thăm dò nước dưới đất theo đề án *(tên đề án),* với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò:..... (2)

2. Quy mô thăm dò:..... (3)

3. Vị trí công trình thăm dò;..... (4)

4. Tầng chứa nước thăm dò:..... (5)

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo)

6. Thời hạn của giấy phép là..... năm.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Các nội dung khác..... (6)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày .....Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp giấy phép theo quy định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

_____

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có).*

(2) Ghi rõ thăm dò nước dưới đất để cấp nước cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản...; trường hợp thăm dò để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ dự kiến lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(3) Ghi rõ tổng số giếng, tổng lưu lượng thăm dò (m^3/ngày đêm) và dự kiến lưu lượng của từng giếng.

(4) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp..., xã/phường/đặc khu...,tỉnh/thành phố..., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò và tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3^o) (theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).

(5) Ghi rõ tên tầng chứa nước (có áp/không áp), chiều sâu dự kiến của các giếng thăm dò; trường hợp thăm dò nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ các tầng thăm dò, số lượng giếng, lưu lượng dự kiến thăm dò trong từng tầng chứa nước.

(6) Các nội dung về: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình thăm dò theo quy định và của pháp luật về tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng sau khi hoàn thành thăm dò theo quy định; lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định và các nội dung cần thực hiện khác (nếu có).

Mẫu 20

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số.....ngày.... tháng.... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số...ngày ....tháng ....năm ....của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ .....(1);

Xét Văn bản đề nghị (gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) giấy phép thăm dò nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày…. tháng.. ..năm ... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* thăm dò nước dưới đất theo đề án *(tên đề án),* với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò: .....(2)

2. Quy mô thăm dò: .....(3)

3. Vị trí công trình thăm dò:..... (4)

4. Tầng chứa nước thăm dò:..... (5)

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo).

6. Thời hạn của giấy phép là 01 năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn* giấy phép) giấy phép có hiệu lực đến.....*(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép hoặc cấp lại giấy phép).*

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò, khai thác tài

nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ cấp có thẩm quyền.

3. Các nội dung khác..... (6)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....và thay thế Giấy phép thăm dò nước dưới đất số ....., ngày... tháng.... năm do *(tên cấp có thẩm quyền cấp phép)* cấp.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Ghi rõ thăm dò nước dưới đất để cấp nước cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản....; trường hợp thăm dò để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ dự kiến lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(3) Ghi rõ tổng số giếng, tổng lưu lượng thăm dò (m^3/ngày đêm) và dự kiến lưu lượng của từng giếng.

(4) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp..., xã/phường/đặc khu...tỉnh/thành phố..., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò và tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3^o) (theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).

(5) Ghi rõ tên tầng chứa nước (có áp/không áp), chiều sâu dự kiến của các giếng thăm dò; trường hợp thăm dò nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ các tầng thăm dò, số lượng giếng, lưu lượng dự kiến thăm dò trong từng tầng chứa nước.

(6) Các nội dung về: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình thăm dò theo quy định và của pháp luật về tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng sau khi hoàn thành thăm dò theo quy định; lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định và các nội dung cần thực hiện khác (nếu có).

Mẫu 21

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số.....ngày.... tháng.... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày.... tháng.... năm...(trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số ..... ngày... tháng ...năm ....của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....(1);

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày...tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình: .....

2. Mục đích khai thác nước: ..... (2)

3. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất:..... (3)

4. Tầng chứa nước khai thác: .....(4)

5. Tổng số giếng khai thác: ..... (5)

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: ..... (6)

7. Chế độ khai thác của công trình: ..... (7)

8. Thời hạn của giấy phép là..... năm.

9. Vị trí tọa độ và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	**Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục...., múi chiếu 3°) (8)**		**Chiều sâu đặt ống lọc (m)**		**Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)**	**Tầng chứa nước khai thác**
	X	**Y**	**Từ**	**Đến**		

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Các nội dung khác ..... (9)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước, các quyền lợi hợp pháp khác theo quy

định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ….. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố….;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có).*

(2) Ghi rõ khai thác nước dưới đất để sử dụng cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản,….; trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(3) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp....., xã/phường/đặc khu....., tỉnh/thành phố.... nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính.

(4) Ghi rõ tên tầng chứa nước khai thác (có áp/không áp); trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước.

(5) Ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước.

(6) Ghi rõ tổng lưu lượng khai thác lớn nhất, đơn vị m^3/ngày đêm. Trường hợp khai thác nước dưới đất cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(7) Ghi rõ số ngày khai thác nước trong năm. Trường hợp công trình có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm (VD: Công trình khai thác nước có thể ghi chế độ khai thác là: 65/365 ngày khai thác với lưu lượng 200.000 m^3/ngày đêm, 300/365 ngày khai thác với lưu lượng 150.000 m^3/ngày đêm).

(8) Ghi tọa độ theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh.

(9) Các nội dung về: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định; thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình khai thác theo quy định và của pháp luật về tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng theo quy định và các nội dung cần thực hiện khác (nếu có).

Mẫu 22

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần....)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số.....ngày.... tháng.... năm .....của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng…năm… (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số .....ngày ....tháng.... năm ….của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Xét Văn bản đề nghị (gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) giấy phép khai thác nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày... tháng...năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình: .....

2. Mục đích khai thác nước:..... (2)

3. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất:.....(3)

4. Tầng chứa nước khai thác:..... (4)

5. Tổng số giếng khai thác:..... (5)

6. Tổng lưu lượng nước khai thác:..... (6)

7. Chế độ khai thác của công trình:..... (7)

8. Thời hạn của giấy phép là..... năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)*/giấy phép có hiệu lực đến..... *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép)*.

9. Vị trí tọa độ và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	**Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu 3^0) (8)**		**Chiều sâu đặt ống lọc (m)**		**Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)**	**Tầng chứa nước khai thác**
	X	**Y**	**Từ**	**Đến**		

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Các nội dung khác .....(9)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước, các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày..... và thay thế Giấy phép khai thác nước dưới đất số... ngày.... tháng.... năm... do *(tên cấp có thẩm quyền cấp phép)* cấp. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố…;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

_____

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có).*

(2) Ghi rõ khai thác nước dưới đất để sử dụng cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản,…..; trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(3) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp….. , xã/phường/đặc khu …., tỉnh/thành phố.... nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính.

(4) Ghi rõ tên tầng chứa nước khai thác (có áp/không áp); trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước.

(5) Ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước.

(6) Ghi rõ tổng lưu lượng khai thác lớn nhất, đơn vị m^3/ngày đêm. Trường hợp khai thác nước dưới đất cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(7) Ghi rõ số ngày khai thác nước trong năm. Trường hợp công trình có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm (VD: Công trình khai thác nước có thể ghi chế độ khai thác là: 65/365 ngày khai thác với lưu lượng 200.000 m^3/ngày đêm, 300/365 ngày khai thác với lưu lượng 150.000 m^3/ngày đêm).

(8) Ghi tọa độ theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh.

(9) Các nội dung về: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định; thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình khai thác theo quy định và của pháp luật về tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng theo quy định và các nội dung cần thực hiện khác (nếu có).

Mẫu 23

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số..... ngày... tháng.... năm ..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... tháng.... năm ..... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày.... tháng .....năm..... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* khai thác nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình:.....

2. Mục đích khai thác nước:..... (2)

3. Nguồn nước khai thác:..... (3)

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác nước: ….....……..(4)

5. Chế độ khai thác:..... (5)

6. Lượng nước khai thác:..... (6)

7. Phương thức khai thác:..... (7)

8. Thời hạn của giấy phép là..... năm.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Các nội dung khác..... (8).

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước mặt của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước, các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày..... Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố …..;
-……..;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có).*

(2) Nêu rõ mục đích khai thác nước; trường hợp công trình khai thác nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản, tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan ....).*

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc lưu vực sông...

(4) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi xây dựng công trình; tọa độ các hạng mục công trình khai thác theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).* Đối với công trình hồ chứa, đập dâng ghi tọa độ tim tuyến đập, nhà máy thủy điện (nếu có). Đối với các công trình khai thác nước khác là tọa độ vị trí lấy nước.

(5) Đối với công trình khai thác nước trực tiếp, tùy thuộc vào loại hình, phương thức khai thác mà thể hiện các thông tin về: số giờ khai thác nước trong ngày, số ngày khai thác nước theo tháng/mùa vụ/năm đối với công trình khai thác nước trực tiếp; ghi rõ chế độ vận hành điều tiết đối với hồ chứa/đập dâng/công trình ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan.

Trường hợp công trình (trừ khai thác nước cho thủy điện) có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm.

(6) Ghi rõ lượng nước khai thác lớn nhất cho từng mục đích theo từng thời kỳ trong ngày/tháng/mùa vụ/năm, ghi rõ lượng nước khai thác trực tiếp và kết hợp tạo nguồn cho các mục đích (nếu có); đối với công trình thủy điện ghi rõ lưu lượng phát điện thiết kế qua nhà máy và công suất lắp máy. Trong đó:

- Lượng nước khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m^3/s.

- Lượng nước thiết kế qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác cho các mục đích khác tính bằng m^3/ngày đêm.

- Ghi rõ các mục đích mà công trình tạo nguồn (nếu có).

(7) Ghi rõ cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng, ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(8) Các nội dung cần thực hiện đối với từng trường hợp khai thác nước do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định *(hạn ngạch khai thác tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình; chất lượng nguồn nước khai thác; nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có liên quan; các nội dung cần thực hiện khác nếu có).*

Mẫu 24

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần....)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số ..... ngày .... tháng .....năm ..... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ .....(1);

Xét Văn bản đề nghị (gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) giấy phép khai thác nước mặt của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị) ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* khai thác nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình .....

2. Mục đích khai thác nước:..... (2)

3. Nguồn nước khai thác:..... (3)

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác nước:..... (4)

5. Chế độ khai thác:..... (5)

6. Lượng nước khai thác:..... (6)

7. Phương thức khai thác:..... (7)

8. Thời hạn của giấy phép là năm .....*(đối với trường hợp đề nghị gia hạn* giấy phép) giấy phép có hiệu lực đến ngày.....*(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).*

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Các nội dung khác..... (8).

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước mặt của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước, các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....và thay thế Giấy phép khai thác nước mặt số ....ngày....tháng....năm..... do (tên cấp có thẩm *quyền cấp phép)* cấp. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố …..;
-……;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có).*

(2) Nêu rõ mục đích khai thác nước; trường hợp công trình khai thác nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản, tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan...).*

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc lưu vực sông...

(4) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi xây dựng công trình; tọa độ các hạng mục công trình khai thác theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu *3°(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).* Đối với công trình hồ chứa, đập dâng ghi tọa độ tim tuyến đập, tim nhà máy thủy điện (nếu có). Đối với các công trình khai thác nước khác là tọa độ vị trí lấy nước.

(5) Ghi rõ số giờ khai thác nước trong ngày, số ngày khai thác nước theo tháng/mùa vụ/năm đối với công trình khai thác nước trực tiếp; ghi rõ chế độ vận hành điều tiết đối với hồ chứa/đập dâng/công trình ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan.

Trường hợp công trình (trừ khai thác nước cho thủy điện) có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm.

(6) Ghi rõ lượng nước khai thác lớn nhất cho từng mục đích theo từng thời kỳ trong ngày/tháng/mùa vụ/năm, ghi rõ lượng nước khai thác trực tiếp và kết hợp tạo nguồn cho các mục đích (nếu có); đối với công trình thủy điện ghi rõ lưu lượng phát điện thiết kế qua nhà máy và công suất lắp máy. Trong đó:

- Lượng nước khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m^3/s.

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác cho các mục đích khác tính bằng m^3/ngày đêm.

- Ghi rõ các mục đích mà công trình tạo nguồn (nếu có).

(7) Ghi rõ cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng, ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(8) Các nội dung cần thực hiện theo giấy phép đã được cấp và được điều chỉnh, bổ sung phù hợp trong thời gian hiệu lực của giấy phép *(hạn ngạch khai thác tài nguyên nước, chất lượng nguồn nước khai thác, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình; nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có liên quan; các nội dung cần thực hiện khác nếu có).*

Mẫu 25

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số …..ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ .....(1);

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước biển của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày.... tháng.... năm .... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* khai thác nước biển với các nội dung sau:

1. Tên công trình: .....

2. Mục đích khai thác:..... (2)

3. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác:..... (3)

4. Lượng nước khai thác:..... (4)

5. Chế độ khai thác:..... (5)

6. Phương thức khai thác:..... (6)

7. Thời hạn của giấy phép:..... năm.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Các nội dung khác..... (7).

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước biển của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước, các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày .....Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác nước biển với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố….;
- ……;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có)*.

(2) Nêu rõ các mục đích khai thác nước biển.

(3) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi xây dựng công trình khai thác nước biển; tọa độ vị trí khai thác nước theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh)*.

(4) Lượng nước khai thác lớn nhất theo ngày *(m^3/ngày đêm)*.

(5) Ghi số giờ khai thác nước trong ngày, số ngày khai thác nước theo năm; trường hợp công trình có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm.

(6) Ghi cách thức lấy nước, dẫn nước biển (nếu có) về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(7) Các nội dung cần thực hiện đối với từng trường hợp khai thác nước biển do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định *(chất lượng nguồn nước khai thác, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có liên quan, các nội dung cần thực hiện khác nếu có).*

Mẫu 26

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần....)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số.... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....(1);

Xét Văn bản đề nghị (gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) giấy phép khai thác nước biển của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày... tháng...năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* khai thác nước biển với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: .....

2. Mục đích khai thác:..... (2)

3. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác: .....(3)

4. Lượng nước khai thác: .....(4)

5. Chế độ khai thác: .....(5)

6. Phương thức khai thác:..... (6)

7. Thời hạn của giấy phép: .....năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn* giấy phép)/giấy phép có hiệu lực đến ngày..... *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).*

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép) thực hiện các nội dung sau:

1. Đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước theo quy định.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

4. Các nội dung khác..... (7).

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước biển của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước, các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ..... và thay thế Giấy phép khai thác nước biển số... ngày.... tháng... năm... do *(tên cấp có thẩm quyền cấp phép)* cấp. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác nước biển như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố….;
- ….....…;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Nêu rõ các mục đích khai thác nước biển.

(3) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình khai thác nước biển; tọa độ vị trí khai thác nước theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh)*.

(4) Lượng nước khai thác lớn nhất theo ngày *(m^3/ngày đêm)*.

(5) Ghi số giờ khai thác nước trong ngày, số ngày khai thác nước theo năm; trường hợp công trình có nhu cầu khai thác với nhiều cấp quy mô, lưu lượng khai thác trong năm thì ghi rõ số ngày khai thác tương ứng với từng cấp quy mô, lưu lượng khai thác nước trong năm.

(6) Ghi cách thức lấy nước, dẫn nước biển (nếu có) về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(7) Các nội dung cần thực hiện đối với từng trường hợp khai thác nước biển do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định *(chất lượng nguồn nước khai thác, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có liên quan, các nội dung cần thực hiện khác nếu có)*.

Mẫu 27

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò nước dưới đất/Giấy phép khai thác tài nguyên nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số….. ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Xét Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép... (2) số:....ngày.... tháng....năm do (tên của cấp có thẩm quyền cấp phép) của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép);

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đề nghị của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) có địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú) trả lại Giấy phép ....(2) số .... ngày ... tháng ... năm ... do (tên của cấp có thẩm quyền cấp phép) đối với (tên công trình) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do trả lại giấy phép:..... (3)

2. Giấy phép .... (2) số .... ngày ... tháng ... năm ... hết hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... và mọi quyền lợi của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) liên quan đến Giấy phép nêu trên đều chấm dứt.

Điều 2. (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) thực hiện các nội dung sau:..... (4)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố …..;
- ……;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Ghi rõ tên loại giấy phép (giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất, nước mặt, nước biển).

(3) Trình bày rõ lý do trả lại giấy phép.

(4) Các nội dung cần thực hiện đối với từng trường hợp khai thác nước do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định (hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trám lấp giếng...).

Mẫu 28

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận tạm dừng hiệu lực Giấy phép khai thác tài nguyên nước
(trường hợp chủ giấy phép đề nghị tạm dừng)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép số .....ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ..... (1);

Xét Văn bản đề nghị tạm dừng hiệu lực Giấy phép... (2) số:.... ngày.... tháng .... năm .... do (tên của cấp thẩm quyền cấp phép) của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép);

Theo đề nghị của .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đề nghị của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép) tạm dừng hiệu lực Giấy phép ..... (2) số .... ngày... tháng ... năm ...đối với (tên công trình) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do tạm dừng hiệu lực giấy phép: ….....(3)

2. Giấy phép .... (2) số .... ngày ... tháng ... năm ... tạm dừng hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng... năm....

Điều 2. (Tên tổ chức/cá nhân tạm dừng hiệu lực giấy phép) thực hiện các nội dung sau: .....(4)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước của công trình này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố .....;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Ghi rõ tên loại giấy phép (giấy phép khai thác nước dưới đất, khai thác nước mặt, khai thác nước biển).

(3) Trình bày rõ lý do tạm dừng hiệu lực giấy phép.

(4) Các nội dung cụ thể đối với từng trường hợp khai thác nước do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định (tiếp tục thực hiện việc quan trắc, giám sát, phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành với địa phương, các công trình khai thác thượng, hạ du .....).

Mẫu 29

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng hiệu lực Giấy phép khai thác tài nguyên nước
(trường hợp do cơ quan có thẩm quyền quyết định tạm dừng)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số …..ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tại Quyết định số….. ngày .... tháng .... năm....(nếu có);

Căn cứ..... (1);

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng hiệu lực Giấy phép .....(2) số .... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cấp có thẩm quyền cấp phép) cấp cho (tên tổ chức/cá nhân) đối với (tên công trình) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do tạm dừng hiệu lực giấy phép: .....(3)

2. Giấy phép .... (2) số .... ngày ... tháng ... năm ... tạm dừng hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ....đến ngày..... tháng.... năm.....

Tạm dừng có thời hạn hiệu lực của các giấy phép khai thác tài nguyên nước theo phụ lục kèm theo Quyết định này (trường hợp tạm dừng có thời hạn hiệu lực của từ 02 giấy phép trở lên).

Điều 2. (Tên tổ chức/cá nhân tạm dừng hiệu lực giấy phép) thực hiện các nội dung sau: .....(4)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước của công trình này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày....

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố …..;
- …….....;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Ghi rõ tên loại giấy phép (giấy phép khai thác nước dưới đất, khai thác nước mặt, khai thác nước biển).

(3) Trình bày rõ lý do tạm dừng hiệu lực giấy phép.

(4) Các nội dung cụ thể đối với từng trường hợp khai thác nước do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định (tiếp tục thực hiện việc quan trắc, giám sát, phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành với địa phương, các công trình khai thác thượng, hạ du.....).

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC GIẤY PHÉP KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠM DỪNG HIỆU LỰC

(Kèm theo Quyết định số …..ngày… tháng… năm ….của….)

TT	Số giấy phép	Tên chủ giấy phép	Địa chỉ chủ giấy phép	Thời gian tạm dừng hiệu lực giấy phép	Lý do tạm dừng hiệu lực giấy phép

Mẫu 30

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ hiệu lực Giấy phép thăm dò nước dưới đất/ Giấy phép khai thác tài nguyên nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ..... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số ..... ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hiệu lực Giấy phép .....(2) số .... ngày ... tháng ... năm ... do (tên của cấp có thẩm quyền cấp phép) cấp cho (tên tổ chức/cá nhân) đối với (tên công trình) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do đình chỉ hiệu lực giấy phép:..... (3)

2. Giấy phép .... (2) số .... ngày ... tháng ... năm ... bị đình chỉ hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm .....đến ngày.... tháng ....năm.....

Điều 2. (Tên chủ giấy phép bị đình chỉ hiệu lực giấy phép) thực hiện các nội dung sau: .....(4)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của Quyết định này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát việc thực hiện đình chỉ hiệu lực của giấy phép của công trình này.

Điều 4 .....(tên chủ giấy phép) bị đình chỉ hiệu lực Giấy phép có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố ……..;
- ……;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Ghi rõ tên loại giấy phép (giấy phép thăm dò nước dưới đất, khai thác nước dưới đất, khai thác nước mặt, khai thác nước biển).

(3) Trình bày rõ lý do đình chỉ hiệu lực giấy phép.

(4) Các nội dung cụ thể đối với từng trường hợp bị đình chỉ do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định (ngừng ngay việc thăm dò nước dưới đất, khai thác tài nguyên nước,).

Mẫu 31

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy phép thăm dò nước dưới đất/
Giấy phép khai thác tài nguyên nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số.... ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm .... (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép);

Căn cứ Nghị định số …..ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép..... (2) số .... ngày ... tháng ... năm... do (tên của cấp có thẩm quyền cấp phép) cấp cho (tên tổ chức/cá nhân) đối với (tên công trình) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do thu hồi giấy phép:.....(3)

2. Giấy phép .... (2) số .... ngày ... tháng ... năm ... bị thu hồi kể từ ngày ... tháng ... năm...

Điều 2. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của Quyết định này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 3.....(tên chủ giấy phép) bị thu hồi Giấy phép có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở NN&MT tỉnh/thành phố...;
- Thuế tỉnh/thành phố ……;
-……;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

_____

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Ghi rõ tên loại giấy phép (giấy phép thăm dò nước dưới đất, khai thác nước dưới đất, khai thác nước mặt, khai thác nước biển).

(3) Trình bày rõ lý do thu hồi giấy phép.

Mẫu 32

TÊN CƠ QUAN **XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY XÁC NHẬN

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC MẶT/NƯỚC BIỂN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm ....;

Căn cứ Nghị định số .....ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....;

Xét Tờ khai đăng ký khai thác nước mặt/nước biển của (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) ngày.... tháng.... năm.....

XÁC NHẬN

1. (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) đăng ký khai thác nước nước mặt/nước biển cho công trình (1) ngày... tháng... năm... với các nội dung như sau:

a) Vị trí công trình:..... (2)

b) Nguồn nước khai thác: ..... (3)

c) Mục đích khai thác: .....(4)

d) Quy mô khai thác: .....(5)

đ) Phương thức khai thác: ..... (6)

e) Chế độ khai thác:..... .(7)

g) Quy định về dòng chảy tối thiểu xả sau công trình (đối với đập, hồ chứa xây dựng trên sông, suối): .....(8)

2. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) thực hiện các nội dung sau: ....(9)

3. Cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy xác nhận đăng ký này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước mặt/nước biển của công trình này.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- UBND cấp xã nơi có công trình;
- Lưu: VT, hồ sơ đăng ký, cơ quan trình xác nhận đăng ký.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn đăng ký:

(1) Ghi tên công trình khai thác, sử dụng nước.

(2) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi xây dựng/đặt công trình; tọa độ các hạng mục chính công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/mương/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...

(4) Nêu rõ mục đích khai thác nước; trường hợp công trình khai thác nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích *(cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, ngăn mặn, tạo nguồn, tạo cảnh quan, ...).*

(5) Ghi rõ lượng nước khai thác trực tiếp và lượng nước để tạo nguồn *(nếu có),* tính bằng m3/s hoặc m3/ngày đêm.

(6) Ghi rõ cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình (đối với công trình khai thác).

(7) Ghi rõ số giờ lấy trước trong ngày, số ngày lấy nước theo tháng/mùa, vụ/năm đối với công trình khai thác nước trực tiếp; ghi rõ chế độ vận hành điều tiết đối với hồ chứa/đập dâng/công trình ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan.

(8) Ghi rõ giá trị và thời gian duy trì dòng chảy xả sau công trình hồ chứa, đập dâng.

(9) Nêu rõ các nội dung phải thực hiện đối với tổ chức, cá nhân đăng ký, cụ thể như:

- Thực hiện vận hành công trình khai thác theo đúng cam kết; trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

- Trường hợp có nhu cầu khai thác có quy mô thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước thì phải thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định của Nghị định này.

- Các nội dung cần thực hiện khác trong khai thác và bảo vệ nguồn nước (nếu có).

Mẫu 33

TÊN CƠ QUAN **XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số: ..../..... *...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MẶT NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm ....;

Căn cứ Nghị định số..... ngày .... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....;

Xét Tờ khai đăng ký của (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) ngày .... tháng .... năm .....

XÁC NHẬN

1. (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) đăng ký sử dụng mặt nước cho công trình.....(1) với các nội dung như sau:

a) Vị trí sử dụng mặt nước:..... (2)

b) Nguồn nước sử dụng:..... (3)

c) Mục đích sử dụng:..... (4)

d) Diện tích mặt nước sử dụng (đơn vị là m^2):.....

đ) Thời gian sử dụng mặt nước: .....(5)

2. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) thực hiện các nội dung sau: .....(6)

.....

3. Cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy xác nhận đăng ký này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động sử dụng mặt nước của chủ công trình này.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- UBND cấp xã nơi sử dụng mặt nước;
- Lưu: VT, hồ sơ đăng ký, cơ quan trình xác nhận đăng ký.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn đăng ký:

(1) Ghi tên công trình sử dụng mặt nước.

(2) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi sử dụng mặt nước.

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu thuộc hệ thống sông...

(4) Nêu rõ mục đích khai thác, sử dụng nước: kinh doanh - dịch vụ, nuôi trồng thủy sản; sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời; các khu, điểm du lịch có hoạt động sử dụng mặt nước.

(5) Ghi rõ thời gian dự kiến đăng ký sử dụng mặt nước.

(6) Nêu rõ các nội dung cần thực hiện đối với tổ chức, cá nhân đăng ký, cụ thể như:

- Thực hiện sử dụng mặt nước theo đúng cam kết; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

- Trường hợp sử dụng mặt nước hồ chứa, phải đảm bảo không được gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa và nhiệm vụ của hồ chứa.

- Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Các nội dung khác trong sử dụng mặt nước và bảo vệ nguồn nước (nếu có).

Mẫu 34

TÊN CƠ QUAN
XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..../..... *...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY XÁC NHẬN

ĐĂNG KÝ ĐÀO SÔNG, SUỐI, HỒ, AO, KÊNH, MƯƠNG, RẠCH ĐỂ TẠO KHÔNG GIAN THU, TRỮ NƯỚC, DẪN NƯỚC, TẠO CẢNH QUAN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày.... tháng.... năm ....;

Căn cứ Nghị định số....ngày .... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....;

Xét Tờ khai đăng ký của (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) ngày .... tháng .... năm....

XÁC NHẬN

1. (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) đăng ký đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch với các nội dung như sau:

a) Vị trí đào: ..... (1)

b) Mục đích đào:.....(2)

c) Diện tích mặt nước đối với đào hồ, ao (đơn vị là m^2):.....

d) Lưu lượng dẫn, chuyển nước đối với đào sông, suối, kênh, mương, rạch (đơn vị là m^3 /giây):.....

đ) Bề rộng đáy đối với đào sông, suối, kênh, mương, rạch (đơn vị là m):.....

e) Chiều dài đối với đào sông, suối, kênh, mương, rạch (đơn vị là m):.....

2. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) thực hiện các nội dung sau:..... (3)

.....

3. Cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy xác nhận đăng ký này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan từ việc đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch.

Nơi nhận:
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- UBND cấp xã nơi đăng ký;
- Lưu: VT, hồ sơ đăng ký, cơ quan trình xác nhận đăng ký.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn đăng ký:

(1) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch.

(2) Nêu rõ mục đích đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch: tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan,...

(3) Nêu rõ các nội dung cần thực hiện đối với tổ chức, cá nhân đăng ký, cụ thể như:

- Thực hiện sử dụng mặt nước theo đúng cam kết; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

- Đảm bảo không gây sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước, môi trường, bảo đảm các quy định về tiêu thoát nước mưa.

- Có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Các nội dung khác trong đào sông, suối, hồ, ao, kênh, mương, rạch và bảo vệ nguồn nước (nếu có).

Mẫu 34a

TÊN CƠ QUAN
XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ

Số: ..../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng ... năm .....

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m^3/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/ PHƯỜNG/ ĐẶC KHU

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày.... tháng.... năm.....;

Căn cứ Nghị định số ...ngày .... tháng.... năm của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....

Xét Tờ khai đăng ký khai thác nước dưới đất của (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) ngày.... tháng.... năm.....

XÁC NHẬN

1. (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) đăng ký khai thác nước dưới đất ngày... tháng... năm... với các nội dung như sau:

a) Tên công trình: .....

b) Vị trí công trình:..... (1)

c) Mục đích khai thác:..... (2)

d) Tầng chứa nước khai thác:..... (3)

đ) Số giếng khai thác: .....(4)

e) Tổng lưu lượng khai thác: .....(m^3/ngày đêm)

g) Chế độ khai thác: .....(5)

Số hiệu, vị trí và thông số của công trình khai thác cụ thể như sau:

TT	Số hiệu giếng	Vị trí (xã/ tỉnh)	Tọa độ (X,Y) theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu 3° (6)	Chiều sâu giếng (m)	Lượng nước khai thác (m^3/ngày đêm)	Tầng chứa nước khai thác

2. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) thực hiện các nội dung sau:……..(7)

.....

Nơi nhận:
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ đăng ký, cơ quan trình xác nhận đăng ký.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn đăng ký:

(1) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố)* nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất;

(2) Ghi rõ khai thác nước dưới đất để sử dụng cho mục đích: kinh doanh, sản xuất, tưới,….

(3) Ghi rõ tên tầng chứa nước khai thác nước dưới đất;

(4) Ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động;

(5) Ghi rõ số ngày khai thác nước trong năm;

(6) Tọa độ X, Y các hạng mục chính công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

(7) Nêu rõ các nội dung phải thực hiện đối với tổ chức, cá nhân đăng ký, cụ thể như:

- Thực hiện việc khai thác nước theo đúng cam kết; trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp có nhu cầu khai thác có quy mô thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước thì phải thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định của Nghị định này.

- Trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

- Các nội dung cần thực hiện khác trong khai thác và biện pháp bảo vệ nước dưới đất.

Mẫu 34b

TÊN CƠ QUAN **XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ..../.....	*...., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY XÁC NHẬN

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/ PHƯỜNG/ ĐẶC KHU

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày.... tháng.... năm .....;

Căn cứ Nghị định số.....ngày .... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ.....

Xét Tờ khai đăng ký khai thác nước dưới đất của (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) ngày.... tháng.... năm .....

XÁC NHẬN

1. (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) đăng ký khai thác nước nước dưới đất ngày... tháng... năm... với các nội dung như sau:

1.1. Tên công trình/dự án: .....

1.2. Vị trí công trình:..... (1)

1.3. Kích thước moong khai thác:.....

1.4. Mục đích sử dụng nước *(để tuyển quặng hay bơm hút nước để tháo khô mỏ):* .....

1.5. Lượng nước bơm hút để tuyển quặng/tháo khô mỏ: (m^3/ngày đêm).....

1.6. Chế độ bơm hút để tuyển quặng/tháo khô mỏ:..... (2)

1.7. Thời gian đăng ký:..... (3)

2. (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) thực hiện các nội dung sau:..... (4)

Nơi nhận:
- Tên tổ chức, cá nhân đăng ký;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- .....;
- Lưu: VT, hồ sơ đăng ký, cơ quan trình xác nhận đăng ký.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn đăng ký:

(1) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình; tọa độ vị trí lắp đặt bơm hút nước tại moong (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (nếu có) *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

(2) Ghi rõ chế độ số giờ khai thác nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình/năm.

(3) Ghi rõ số năm đăng ký khai thác nước.

(4) Nêu rõ các nội dung phải thực hiện đối với tổ chức, cá nhân đăng ký, cụ thể như:

- Thực hiện việc khai thác nước theo đúng cam kết; trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình sử dụng nước dưới đất tại công trình đăng ký.

- Các nội dung cần thực hiện khác trong khai thác và các biện pháp về bảo vệ nước dưới đất.

Mẫu 35

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN

THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

.....(1)

(Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm trở lên)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm…..

---

(1) Ghi tên công trình thăm dò, vị trí và quy mô thăm dò.

HƯỚNG DẪN

NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm trở lên)

MỞ ĐẦU

1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.

2. Khái quát các nội dung cơ bản của công trình dự kiến thăm dò, bao gồm: vị trí hành chính, mục đích, lưu lượng, tầng chứa nước, phạm vi thăm dò, tiến độ thực hiện.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc thăm dò nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, quy định vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thuyết minh căn cứ lập đề án:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan).*

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập đề án; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT KHU VỰC THĂM DÒ

1. Đặc điểm của các tầng chứa nước, tầng cách nước

a) Mô tả các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu mực nước, quan hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước.

b) Mô tả các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, tính chất thấm nước và cách nước.

2. Đặc điểm chất lượng nước

Mô tả đặc điểm chất lượng nước, tình hình ô nhiễm, nhiễm mặn của các tầng chứa nước.

3. Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên: Thuyết minh sơ đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò *đính kèm sơ đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn và các mặt cắt kèm theo.*

Chương II

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Tính toán phạm vi ảnh hưởng của công trình

Thuyết minh phương pháp và kết quả tính toán phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình thăm dò nước dưới đất dự kiến và khoanh định trên sơ đồ khu vực vị trí công trình thăm dò.

II. Hiện trạng khai thác nước dưới đất

1. Hiện trạng khai thác nước dưới đất trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình thăm dò.

Thống kê, tổng hợp các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất hiện có trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình theo bảng tổng hợp sau:

	Tên công trình/ số hiệu giếng	Vị trí hành chính	Tọa độ (X,Y)	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng (m^3/ngày đêm)	Mực nước động lớn nhất theo thực tế (m)	Tầng chứa nước khai thác	Khoảng cách đến khu vực thăm dò (m)	Tình trạng cấp phép (số giấy phép cấp nếu có)
I	Tên công trình								
1	Số hiệu giếng...								

2	Số hiệu giếng ...								
...									
II									
...									
Tổng									

2. Hiện trạng khai thác nước dưới đất ngoài phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình thăm dò *(thuộc phạm vi thăm dò dự kiến),* bao gồm các thông tin: tên công trình, lưu lượng, mực nước động của các công trình khai thác.

Chương III

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. Phương án bố trí công trình thăm dò dự kiến và tính toán dự báo hạ thấp mực nước

1. Lựa chọn phương án bố trí công trình

a) Luận chứng việc lựa chọn tầng chứa nước, chiều sâu thăm dò nhằm đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Trường hợp lựa chọn nhiều tầng chứa nước thì phải luận chứng đối với từng tầng chứa nước.

b) Tính toán, đánh giá, lựa chọn sơ đồ bố trí công trình thăm dò bao gồm số lượng, chiều sâu, lưu lượng, khoảng cách của từng loại hình công trình thăm dò dự kiến.

Đính kèm Bản vẽ thiết kế công trình thăm dò (giếng khoan, giếng đào...).

2. Tính toán dự báo hạ thấp mực nước: Tính toán dự báo hạ thấp mực nước theo sơ đồ bố trí công trình lựa chọn, trong đó có tính đến sự can nhiễu đối với các công trình khai thác nước dưới đất hiện có nằm trong vùng ảnh hưởng của công trình; tính toán dự báo xâm nhập mặn *(nếu có);*

II. Nội dung, phương pháp, khối lượng và tiến độ thực hiện:

Thuyết minh mục đích, phương pháp, khối lượng *(bao gồm các hạng mục: điều tra, khảo sát; đo địa vật lý; khoan; bơm hút nước thí nghiệm; lấy và phân tích mẫu nước; quan trắc;...)* và tiến độ thực hiện theo từng hạng mục công tác thăm dò nước dưới đất kèm theo Bảng tổng hợp dưới đây.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Tiến độ thực hiện

Mẫu 36

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

THIẾT KẾ

GIẾNG THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

.....(1)

(Đối với công trình thăm dò có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG

THIẾT KẾ GIẾNG THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

MỞ ĐẦU

1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.

2. Khái quát các nội dung cơ bản của công trình thăm dò, bao gồm: vị trí hành chính, mục đích, lưu lượng, tầng chứa nước, phạm vi thăm dò, tiến độ thực hiện.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc thăm dò nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, quy định về khoanh định vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thuyết minh căn cứ:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan).*

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

I. Đặc điểm nguồn nước dưới đất, hiện trạng khai thác nước dưới đất

1. Thuyết minh các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu mực nước của tầng chứa nước dự kiến thăm dò.

2. Thuyết minh hiện trạng khai thác nước dưới đất *(thuộc phạm vi bán kính 200 m xung quanh giếng thăm dò và ngoài phạm vi bán kính 200 m nhưng nằm trong phạm vi thăm dò dự kiến),* gồm các thông tin sau: tên chủ công trình, vị trí, chiều sâu, khoảng cách đến giếng thăm dò; lưu lượng, mực nước; mục đích khai thác, sử dụng.

II. Nội dung, phương pháp, khối lượng thăm dò nước dưới đất và tiến độ thực hiện

1. Thuyết minh phương án dự kiến bố trí giếng thăm dò *(sơ đồ bố trí giếng)* bao gồm số lượng, vị trí, chiều sâu, lưu lượng thăm dò dự kiến của từng giếng và khoảng cách giữa chúng.

2. Nội dung, phương pháp, khối lượng thăm dò và tiến độ thực hiện.

a) Thuyết minh thiết kế từng giếng thăm dò, gồm các thông tin về chiều sâu, đường kính giếng, các đoạn ống chống, ống lọc, ống lắng *(kèm theo Bản vẽ thiết kế giếng thăm dò).*

b) Công tác bơm thổi rửa giếng, bơm thí nghiệm: gồm các thông tin về trình tự thực hiện, lưu lượng bơm dự kiến, thời gian bơm, chế độ đo mực nước.

c) Công tác lấy, phân tích mẫu nước: gồm các thông tin về loại mẫu, số lượng mẫu, thời gian lấy mẫu và các chỉ tiêu phân tích dự kiến tại từng giếng thăm dò.

3. Lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò và tiến độ thực hiện các hạng mục thăm dò.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Tiến độ thực hiện

Mẫu 37

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP
…… (1)
(Trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP

MỞ ĐẦU

1. Tóm tắt các thông tin của chủ giấy phép thăm dò nước dưới đất.

2. Tóm tắt các thông tin của giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp.

I. Tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Tình hình thi công đối với từng hạng mục thăm dò, gồm các thông tin: ngày bắt đầu thi công, phương pháp thi công, việc tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật khi thi công, kết quả đạt được, tiến độ thực hiện so với kế hoạch và các vấn đề khó khăn, sự cố gặp phải trong quá trình thi công.

2. Nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chưa thực hiện và lý do chưa thực hiện *(kèm theo bảng tổng hợp nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện và chưa thực hiện).*

3. Đánh giá tình hình chấp hành các nội dung quy định trong giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp.

4. Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò: xác định rõ những nội dung khác biệt giữa thiết kế và thi công thực tế của các hạng mục công tác, đề xuất phương án điều chỉnh trong quá trình thăm dò.

II. Nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò

1. Thuyết minh các lý do liên quan đến việc đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do đề nghị cấp lại kèm theo tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép và các giấy tờ khác có liên quan.

2. Thời gian đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất: .... tháng/năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò).*

3. Thuyết minh các hạng mục thăm dò đề nghị điều chỉnh *(khoan, bơm,...)* và các nội dung điều chỉnh *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).*

4. Trình bày các nội dung đề nghị điều chỉnh và trình tự, thời gian thực hiện, yêu cầu kỹ thuật đối với từng hạng mục thăm dò điều chỉnh, kèm theo bảng tổng hợp nội dung, khối lượng điều chỉnh *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò).*

5. Trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về sơ đồ bố trí công trình: thuyết minh sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo sơ đồ.

6. Trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về thiết kế công trình thăm dò hoặc điều chỉnh chiều sâu thăm dò: Thuyết minh việc điều chỉnh thiết kế công trình thăm dò kèm theo bản vẽ thiết kế.

Mẫu 38

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THĂM DÒ ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
…… [1]
(Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm trở lên)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

[1] Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế.

HƯỚNG DẪN

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

MỞ ĐẦU

1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất

2. Khái quát các nội dung cơ bản của công trình dự kiến khai thác, bao gồm: vị trí hành chính, mục đích, tầng chứa nước, tổng lượng nước đề nghị cấp phép.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc thăm dò nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, quy định về vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan đến việc thăm dò khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan).*

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

Chương I

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ ĐÃ THỰC HIỆN

I. Nội dung, thông tin, số liệu về việc thi công các hạng mục thăm dò

1. Thuyết minh nội dung, phương pháp, thời gian, trình tự thực hiện và kết quả thi công từng hạng mục thăm dò.

2. Thuyết minh nội dung, khối lượng thay đổi, điều chỉnh của từng hạng mục thăm dò *(nếu có)* so với phê duyệt.

II. Tổng hợp và đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu thăm dò khai thác

Bảng ….. Tổng hợp khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phê duyệt	Khối lượng thực hiện	Đánh giá (%)
1					
2					
…					

Đính kèm Bản vẽ hoàn công công trình thăm dò nước dưới đất.

Chương II

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC VÀ HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

1. Đặc điểm của các tầng chứa nước, tầng cách nước

a) Mô tả các đặc điểm, đặc trưng của các tầng chứa nước trong phạm vi thăm dò, gồm các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu mực nước.

b) Mô tả các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, tính chất thấm nước và cách nước.

2. Đặc điểm chất lượng nước

Mô tả đặc điểm chất lượng nước, tình hình ô nhiễm, nhiễm mặn của các tầng chứa nước. Đối với tầng chứa nước dự kiến khai thác: Đánh giá chất lượng nước theo Quy chuẩn về chất lượng nước ngầm.

Đối với công trình thăm dò khai thác có quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên: Thuyết minh sơ đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò khai thác và Đính kèm sơ đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn và các mặt cắt kèm theo.

II. Hiện trạng khai thác nước dưới đất

1. Tính toán phạm vi ảnh hưởng của công trình

Thuyết minh phương pháp và kết quả tính toán phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình khai thác nước dưới đất dự kiến và khoanh định trên sơ đồ khu vực vị trí công trình khai thác.

2. Hiện trạng khai thác nước dưới đất

Thống kê, tổng hợp các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất hiện có trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình theo bảng tổng hợp sau:

TT	Tên công trình/ số hiệu giếng	Vị trí hành chính	Tọa độ (X,Y)	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng (m^3/ngày đêm)	Mực nước động khai thác lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác	Khoảng cách đến khu vực thăm dò khai thác (m)	Tình trạng cấp phép (số giấy phép cấp… nếu có)

I	Tên công trình								
1	…								
….									
II									
….									
Tổng									

III. Đánh giá khả năng khai thác của tầng chứa nước thăm dò khai thác, kết luận lựa chọn tầng chứa nước khai thác.

Chương III

TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG VÀ PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Tính toán trữ lượng khai thác nước dưới đất

1. Tính toán các thông số địa chất thủy văn:

Thuyết minh, luận chứng lựa chọn các thông số địa chất thủy văn *(trường hợp thăm dò có kết hợp lắp đặt giếng khai thác thì phải thuyết minh việc tính toán xác định hiệu suất giếng theo tài liệu bơm giật cấp).*

2. Bố trí sơ đồ khai thác nước dưới đất:

Luận chứng lựa chọn lưu lượng khai thác và mô tả sơ đồ khai thác gồm các thông tin: số lượng, vị trí, tọa độ, chiều sâu, lưu lượng của từng loại hình công trình và khoảng cách giữa chúng. *Đính kèm sơ đồ khu vực công trình khai thác, trong đó thể hiện rõ: Vị trí, tọa độ các điểm góc của khu vực khai thác (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°); các công trình khai thác trong phạm vi vùng ảnh hưởng.*

3. Mực nước động lớn nhất cho phép:

a) Thuyết minh, lựa chọn mực nước động lớn nhất cho phép tại từng loại hình công trình khai thác.

b) Tính toán, dự báo hạ thấp mực nước

Đối với công trình quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên: Thuyết minh tính toán dự báo hạ thấp mực nước, bao gồm: lựa chọn phương pháp tính trữ lượng; lập luận chọn các thông số tính toán; tính toán dự báo hạ thấp mực nước tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

Đối với công trình có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm: lập đồ thị bơm hút nước thí nghiệm và dự báo hạ thấp mực nước trong thời gian khai thác theo đồ thị.

4. Đánh giá kết quả tính toán dự báo so với mực nước động lớn nhất cho phép trong việc khai thác nước dưới đất theo thời gian đề nghị cấp phép.

II. Phương án khai thác nước dưới đất tại công trình

1. Thuyết minh, mô tả thiết kế từng loại hình công trình trong sơ đồ công trình khai thác nước dưới đất.

2. Thuyết minh nhu cầu, lượng nước khai thác cho từng mục đích sử dụng - theo từng giai đoạn trong thời gian đề nghị cấp phép khai thác.

3. Thuyết minh các thông số khai thác của từng loại hình công trình *(giếng khoan/giếng đào/mạch lộ,..).* gồm: tọa độ, lưu lượng, mực nước động lớn nhất, chiều sâu đặt ống lọc, tầng chứa nước khai thác của từng loại hình trong công trình.

4. Thuyết minh phương án lắp đặt thiết bị quan trắc tại công trình khai thác, công trình quan trắc.

5. Thuyết minh cơ sở xác định phạm vi ranh giới các vùng bảo hộ vệ sinh và các nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác *(đối với công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt).*

Chương IV

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

I. Dự báo tác động của việc khai thác đến nguồn nước, môi trường, các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất khác đang hoạt động

1. Dự báo tác động của việc khai thác tại công trình đến sự suy giảm mực nước, trữ lượng nguồn nước dưới đất trong khu vực khai thác.

2. Dự báo tác động của việc khai thác tại công trình đến sự suy giảm lưu lượng, mực nước của các công trình khai thác nước dưới đất khác nằm trong vùng ảnh hưởng của công trình.

3. Dự báo tác động của việc khai thác tại công trình đến khả năng sụt lún đất, ô nhiễm, xâm nhập mặn vào các tầng chứa nước.

II. Thuyết minh các phương án, biện pháp giảm thiểu đối với các tác động nêu trên; phương án, giải pháp ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố khi khai thác nước dưới đất tại công trình

Mẫu 39

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THI CÔNG GIẾNG KHAI THÁC
…… [1]
(Đối với công trình thăm dò có quy mô nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế.

HƯỚNG DẪN

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THI CÔNG GIẾNG KHAI THÁC

MỞ ĐẦU

1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ đầu tư công trình thăm dò nước dưới đất.

2. Khái quát các nội dung cơ bản của công trình dự kiến khai thác, bao gồm: vị trí hành chính, mục đích, chế độ khai thác, tổng lượng nước đề nghị cấp phép.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các quy định về vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và quy định có liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:

Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan).*

Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo.

I. Kết quả thi công thăm dò, lắp đặt giếng khai thác

1. Trình bày các nội dung, thông tin, số liệu về việc thi công các hạng mục thăm dò.

a) Thuyết minh nội dung, phương pháp, thời gian, trình tự thực hiện, kết quả thi công từng hạng mục công tác *(khoan, bơm, lấy và phân tích mẫu nước..);*

c) Thuyết minh các nội dung, khối lượng thay đổi, điều chỉnh của từng hạng mục công tác *(nếu có)* so với phê duyệt.

2. Kết quả thăm dò

a) Mô tả địa tầng tại các giếng khoan thăm dò, gồm: chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần của các lớp đất đá khoan qua;

b) Mô tả cấu trúc hoàn công của các giếng khoan, gồm: chiều sâu, đường kính, chiều dài các đoạn ống chống, ống lọc, ống lắng.

Đính kèm Bản vẽ hoàn công cột địa tầng và cấu trúc giếng khoan.

c) Thuyết minh công tác bơm nước thí nghiệm tại từng giếng, bao gồm: mực nước tĩnh trước khi bơm, lưu lượng bơm, mực nước động và hạ thấp mực nước, thời gian bơm và thời gian hồi phục mực nước sau khi dừng bơm; lập đồ thị kết quả bơm nước thí nghiệm và lựa chọn lưu lượng khai thác;

d) Tổng hợp kết quả phân tích mẫu nước, đánh giá chất lượng nước theo quy chuẩn chất lượng nước ngầm.

3. Tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu thăm dò và lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng thăm dò đã thực hiện.

Bảng ….. Tổng hợp khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phê duyệt	Khối lượng thực hiện	Đánh giá (%)
1					
…					

II. Dự báo ảnh hưởng của việc khai thác đến công trình khai thác khác và thiết kế phương án khai thác nước dưới đất

1. Dự báo ảnh hưởng của việc khai thác đến công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động.

Dự báo, đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước dưới đất tại công trình đến lưu lượng, mực nước của các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động nằm trong phạm vi bán kính 200 m xung quanh công trình.

2. Phương án khai thác nước dưới đất tại công trình.

a) Thuyết minh nhu cầu, mục đích sử dụng nước theo từng giai đoạn trong thời gian đề nghị cấp phép;

b) Thuyết minh các thông số khai thác của từng giếng, gồm: tọa độ, chiều sâu đặt ống lọc, lưu lượng, mực nước động, tầng chứa nước khai thác của từng giếng và khoảng cách giữa chúng *(kèm theo sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất).*

3. Thuyết minh phương án lắp đặt thiết bị quan trắc tại công trình khai thác, công trình quan trắc.

4. Thuyết minh cơ sở xác định phạm vi ranh giới các vùng bảo hộ vệ sinh và các nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác *(đối với công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt).*

Mẫu 40

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
…….. [1]
(Trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

A. ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ QUY MÔ TỪ 200 m^3/ngày đêm TRỞ LÊN

(đối với công trình khác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

MỞ ĐẦU

1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ công trình khai thác nước dưới đất.

2. Khái quát các thông số cơ bản của công trình khai thác nước dưới đất, gồm: vị trí hành chính, loại hình công trình, mục đích khai thác; đối tượng, phạm vi cấp nước; năm xây dựng và vận hành công trình; tổng số giếng khoan *(giếng đào/hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động),* tổng lưu lượng khai thác của công trình, tầng chứa nước khai thác.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các quy định về vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và quy định có liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan).*

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo.

Đính kèm sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất trong đó thể hiện rõ: Vị trí theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh), ranh giới, địa danh hành chính, hệ thống sông suối, giao thông, dân cư, vị trí; các thông số chính của các công trình khai thác nước dưới đất)

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC VÀ HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

1. Đặc điểm của các tầng chứa nước, tầng cách nước

a) Mô tả các đặc điểm, đặc trưng của các tầng chứa nước trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình, gồm các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu mực nước.

b) Mô tả các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, tính chất thấm nước và cách nước.

2. Đặc điểm chất lượng nước: Mô tả đặc điểm chất lượng nước, tình hình ô nhiễm, nhiễm mặn của các tầng chứa nước.

3. Đối với công trình khai thác có quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên: Thuyết minh sơ đồ địa chất thủy văn khu vực khai thác *đính kèm sơ đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn và các mặt cắt kèm theo.*

II. Hiện trạng khai thác nước dưới đất

1. Tính toán phạm vi ảnh hưởng của công trình

Thuyết minh phương pháp và kết quả tính toán phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình khai thác nước dưới đất và khoanh định trên sơ đồ khu vực vị trí công trình khai thác.

2. Hiện trạng khai thác nước dưới đất

Hiện trạng khai thác nước dưới đất trong phạm vi ảnh hưởng của công trình khai thác theo bảng tổng hợp sau:

TT	Tên công trình/ số hiệu giếng	Vị trí hành chính	Tọa độ (X,Y)	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng (m^3/ngày đêm)	Mực nước động khai thác lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác	Khoảng cách đến khu vực khai thác (m)	Tình trạng cấp phép (số giấy phép cấp… nếu có)
I	Tên công trình								
1	…								
…									
II									
…									
Tổng									

Chương II

TÌNH HÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Tình hình khai thác

1. Trình bày các thông tin về: chiều sâu, kết cấu, tình trạng hoạt động của từng loại hình khai thác *(đính kèm Bản vẽ cấu trúc công trình khai thác)*

2. Thuyết minh tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình, gồm các thông tin: năm bắt đầu khai thác; tổng lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ kèm biểu đồ khai thác nước dưới đất; các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác (nếu có).

II. Diễn biến khai thác tại công trình

1. Diễn biến lưu lượng

Tổng hợp diễn biến lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ của công trình theo bảng tổng hợp sau:

Tháng/Năm	Tổng lưu lượng (m^3/ngày đêm)			Lưu lượng cấp phép theo giấy phép đã được cấp (m^3/ngày đêm)
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	
Năm....				
T1				
…				
Nhỏ nhất				
Lớn nhất				
Trung bình				

2. Diễn biến mực nước

Tổng hợp diễn biến mực nước khai thác qua từng thời kỳ của các loại hình công trình theo bảng tổng hợp sau:

Tháng/Năm	Mực nước (giếng khai thác số ..., m)			
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Mực nước động lớn nhất cho phép theo giấy phép đã được cấp (m)
Năm....				
T1				
…				
Nhỏ nhất				

Lớn nhất				
Trung bình				

Đánh giá diễn biến mực nước, lưu lượng khai thác lớn nhất và nhỏ nhất qua từng thời kỳ.

Đính kèm Bảng tổng hợp lưu lượng (nếu có), mực nước theo ngày đêm của từng giếng (giếng khoan, giếng đào, mạch lộ...) trong 05 năm gần nhất đến thời điểm đề nghị cấp phép.

3. Tổng hợp, đánh giá diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác tại công trình theo quy chuẩn về chất lượng nước ngầm.

III. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác: Trình bày tình hình quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị tại công trình khai thác.

IV. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Thuyết minh các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác gồm các nội dung chính: giới hạn, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh; tình hình chấp hành các quy định trong vùng bảo hộ vệ sinh *(đối với công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt),*

V. Đánh giá tình hình chấp hành các quy định của giấy phép đã được cấp.

Chương III

KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH KHAI THÁC

I. Tính toán dự báo hạ thấp mực nước, kế hoạch, phương án khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

1. Mực nước động lớn nhất cho phép:

Thuyết minh, lựa chọn mực nước động lớn nhất cho phép tại từng loại hình công trình khai thác.

2. Tính toán dự báo hạ thấp mực nước

a) Đối với công trình quy mô từ 3.000 m^3/ngày đêm trở lên

Thuyết minh lựa chọn phương pháp tính trữ lượng; thông số địa chất thủy văn tính toán; tính toán dự báo hạ thấp mực nước tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

b) Đối với công trình có quy mô từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm;

Thuyết minh việc tính toán dự báo hạ thấp mực nước, bao gồm các nội dung: lập đồ thị quan hệ giữa lưu lượng, mực nước khai thác tại từng giếng, dự báo hạ thấp mực nước theo đồ thị.

c) Đánh giá kết quả tính toán dự báo so với mực nước động lớn nhất cho phép trong việc khai thác nước dưới đất theo thời gian đề nghị cấp phép.

3. Trình bày kế hoạch, phương án khai thác nước dưới đất trong thời gian đề nghị cấp phép

a) Thuyết minh nhu cầu, mục đích khai thác nước, các thông số của công trình, gồm các thông tin: tọa độ *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°),* lưu lượng, mực nước động, tầng chứa nước, chiều sâu đặt ống lọc của từng loại hình công trình khai thác trong thời gian đề nghị cấp phép.

b) Trình bày phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép; phương án bố trí thiết bị; việc bổ sung công trình quan trắc *(nếu có),*

c) Luận chứng thiết lập mới hoặc bổ sung các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và các nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác *(nếu chưa có).*

II. Tác động của việc khai thác nước dưới đất tại công trình đến nguồn nước, môi trường, các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động

1. Đánh giá tác động của công trình đến sự suy giảm mực nước, trữ lượng nguồn nước dưới đất khu vực khai thác.

2. Đánh giá tác động của công trình đến khả năng sụt lún đất, ô nhiễm, xâm nhập mặn vào các tầng chứa nước khu vực khai thác.

3. Đánh giá tác động của công trình đến sự suy giảm lưu lượng, mực nước của các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động trong phạm vi vùng ảnh hưởng.

4. Thuyết minh các phương án, biện pháp giảm thiểu các tác động do công trình khai thác gây ra đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động; giải pháp, phương án ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình khai thác.

5. Trình bày phương án quan trắc chất lượng nước (đối với công trình khai thác nước dưới đất để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt có quy mô khai thác từ 5.000 m^3/ngày đêm).

B. ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ QUY MÔ NHỎ HƠN 200 m^3/NGÀY ĐÊM

(đối với công trình khác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ công trình khai thác nước dưới đất.

2. Thuyết minh các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước dưới đất, gồm: vị trí hành chính, mục đích khai thác, năm xây dựng và vận hành công trình, tổng số loại hình công trình *(giếng đào/hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động),* tổng lưu lượng khai thác của công trình; tầng chứa nước khai thác.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, quy định về vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan).*

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

I. Tình hình khai thác nước dưới đất

1. Tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình:

a) Trình bày các thông tin về: chiều sâu, kết cấu, tình trạng hoạt động của từng loại hình khai thác *(kèm sơ đồ khu vực và vị trí công trình)*

b) Tổng quan tình hình khai thác

Thuyết minh tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình, gồm các thông tin chủ yếu: năm bắt đầu khai thác; tổng lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ và hiện tại kèm biểu đồ khai thác nước dưới đất; các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác (nếu có).

c) Diễn biến lưu lượng khai thác tại công trình:

Tổng hợp diễn biến lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ của công trình theo bảng tổng hợp sau:

Tháng/Năm	**Tổng lưu lượng (m^3/ngày đêm)**			**Lưu lượng cấp phép theo giấy phép đã được cấp (m^3/ngày đêm)**
	Nhỏ nhất	**Lớn nhất**	**Trung bình**	
Năm....				

T1				
…				
Nhỏ nhất				
Lớn nhất				
Trung bình				

d) Diễn biến mực nước tại công trình

Tổng hợp diễn biến mực nước khai thác qua từng thời kỳ của các loại hình công trình theo bảng tổng hợp sau:

Tháng/Năm	**Mực nước (giếng khai thác số ..., m)**			
	Nhỏ nhất	**Lớn nhất**	**Trung bình**	**Mực nước động lớn nhất cho phép theo giấy phép đã được cấp (m)**
Năm....				
T1				
…				
Nhỏ nhất				
Lớn nhất				
Trung bình				

Đánh giá diễn biến mực nước, lưu lượng khai thác lớn nhất và nhỏ nhất qua từng thời kỳ.

đ) Tổng hợp, đánh giá diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác tại công trình theo quy chuẩn về chất lượng nước ngầm (nếu có)..

2. Đánh giá tình hình chấp hành các quy định của giấy phép đã được cấp.

II. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước dưới đất trong thời gian đề nghị cấp phép

1. Thuyết minh nhu cầu, mục đích khai thác nước, các thông số của công trình, gồm các thông tin: tọa độ *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°),* lưu lượng, mực nước động, tầng chứa nước, chiều sâu đặt ống lọc của từng loại hình công trình khai thác trong thời gian đề nghị cấp phép.

Đính kèm Bản vẽ cấu trúc công trình khai thác (giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang,...)

2. Trình bày phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép; việc bổ sung công trình quan trắc *(nếu có).*

3. Thiết lập hoặc bổ sung các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và bổ sung quy định nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt *(nếu chưa có).*

C. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT (đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép, hiện trạng khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép (trình bày thông tin về quy mô, mục đích, phạm vi cấp nước của công trình và lượng nước khai thác).

3. Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

4. Đánh giá tác động và các biện pháp giảm thiểu tiêu cực trong thời gian đề nghị cấp phép (nếu có). Thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

5. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác: Trình bày tình hình thực hiện quan trắc, giám sát theo quy định, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị tại công trình khai thác.

6. Trình bày phương án quan trắc chất lượng nước (đối với công trình khai thác có quy mô khai thác từ 5.000 m^3/ngày đêm).

Mẫu 41

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

…… [1]

(Trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác.

A. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

(đối với công trình khác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày các thông tin của chủ giấy phép khai thác nước dưới đất.

2. Trình bày các nội dung, thông tin của giấy phép khai thác nước dưới đất đã được cấp.

3. Đánh giá sự phù hợp của việc gia hạn/điều chỉnh nước dưới đất với các quy hoạch về tài nguyên nước, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước; các quy định về vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan đến việc gia hạn/điều chỉnh nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

4. Thống kê các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập báo cáo gồm: các báo cáo, tài liệu, số liệu quan trắc trong quá trình khai thác tại công trình; các văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu khác có liên quan.

I. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất tại công trình

1. Thuyết minh tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình, gồm các thông tin: năm bắt đầu khai thác; tổng lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ kèm biểu đồ khai thác nước dưới đất; các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác (nếu có).

2. Diễn biến khai thác tại công trình

a) Diễn biến lưu lượng

Tổng hợp diễn biến lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ của công trình theo bảng tổng hợp sau:

Tháng/Năm	Tổng lưu lượng (m^3/ngày đêm)			Lưu lượng cấp phép theo giấy phép đã được cấp (m^3/ngày đêm)
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	
Năm....				
T1				
...				
Nhỏ nhất				
Lớn nhất				
Trung bình				

b) Diễn biến mực nước

Tổng hợp diễn biến mực nước khai thác qua từng thời kỳ của các loại hình công trình theo bảng tổng hợp sau:

Tháng/Năm	Mực nước (giếng khai thác số ….., m)			
	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Mực nước động lớn nhất cho phép theo giấy phép đã được cấp (m)
Năm....				
T1				
...				
Nhỏ nhất				
Lớn nhất				
Trung bình				

Đánh giá diễn biến mực nước, lưu lượng khai thác lớn nhất và nhỏ nhất qua từng thời kỳ.

Đính kèm Bảng tổng hợp lưu lượng (nếu có), mực nước theo ngày đêm của từng giếng (giếng khoan, giếng đào, mạch lộ...) trong 05 năm gần nhất đến thời điểm đề nghị cấp phép.

c) Tổng hợp, đánh giá diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác tại công trình theo quy chuẩn về chất lượng nước ngầm.

3. Tổng hợp, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác nước dưới đất đến tình trạng sụt lún đất, ô nhiễm, nhiễm mặn và ảnh hưởng đến các công trình khai thác nước dưới đất xung quanh.

II. Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép

Đánh giá tình hình thực hiện các nội dung theo quy định của giấy phép trong thời gian khai thác, bao gồm: Mục đích khai thác nước, vị trí, tọa độ, tầng chứa nước, số giếng, tổng lượng nước khai thác, mực nước khai thác và các yêu cầu khác quy định trong giấy phép.

III. Nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác

1. Trình bày các lý do liên quan đến việc đề nghị gia hạn/điều chỉnh và các nội dung điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh Giấy phép).*

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép và các giấy tờ khác có liên quan.

2. Thuyết minh nhu cầu, mục đích, kế hoạch khai thác nước dưới đất trong thời gian đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép.

3. Trình bày phương án quan trắc chất lượng nước (đối với công trình khai thác nước dưới đất để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt có quy mô khai thác từ 5.000 m^3/ngày đêm).

IV. Phương án khai thác nước dưới đất *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).*

1. Thuyết minh, mô tả sơ đồ công trình khai thác và các thông số khai thác của công trình, gồm lưu lượng, mực nước tĩnh, mực nước động, chế độ khai thác của từng giếng, kèm theo sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất và bản vẽ cấu trúc giếng *(trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, số lượng giếng khai thác).*

2. Thuyết minh, luận chứng lựa chọn tầng chứa nước khai thác dự kiến, lựa chọn lưu lượng khai thác thông qua tài liệu bơm hút nước thí nghiệm của giếng dự kiến khai thác và các thông tin, số liệu của các công trình khai thác khác trong tầng chứa nước dự kiến khai thác; luận chứng khả năng đáp ứng nguồn nước dự kiến khai thác *(đối với trường hợp điều chỉnh thay đổi tầng chứa nước khai thác, điều chỉnh quy mô công trình).*

3. Thuyết minh, trình bày phương án bổ sung công trình quan trắc (nếu chưa có); phương án lắp đặt thiết bị; thiết lập bổ sung và mô tả các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt *(nếu thuộc trường hợp) (trường hợp điều chỉnh bổ sung giếng khai thác, thay đổi tầng chứa nước khai thác).*

4. Đánh giá, dự báo tác động đến nguồn nước, sụt lún đất, ô nhiễm, nhiễm mặn và các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động; các biện pháp giảm thiểu tác động *(trường hợp điều chỉnh tăng quy mô công trình, thay đổi tầng chứa nước khai thác).*

B. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép (trình bày thông tin về quy mô, mục đích và phạm vi cấp nước của công trình).

3. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình (đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép).

4. Phương án điều chỉnh khai thác nước (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).

- Đối với điều chỉnh quy mô khai thác: nêu rõ phương án điều chỉnh lượng nước khai thác so với giấy phép đã được cấp.

- Đối với điều chỉnh tầng chứa nước khai thác: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục khai thác, thông số của công trình so với giấy phép đã được cấp.

5. Trình bày kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh: nêu rõ mục đích, nhu cầu, chế độ khai thác, quan trắc, giám sát... trong thời gian đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép. Trình bày phương án quan trắc chất lượng nước (đối với công trình khai thác nước dưới đất để sản xuất, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt có quy mô khai thác từ 5.000 m^3/ngày đêm).

6. Đánh giá sơ bộ tác động và các biện pháp giảm thiểu trong thời gian đề nghị gia hạn, điều chỉnh (nếu có).

Mẫu 42

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC MẶT
…….. (1)
(đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

2. Trình bày sự phù hợp của công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành hoặc các quy hoạch khác có liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước.

3. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép.

- Tên, vị trí công trình: tọa độ tim các hạng mục chính của công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh);* nguồn nước khai thác, nguồn nước tiếp nhận (trường hợp công trình có chuyển nước); nhiệm vụ và quy mô; mục đích khai thác nước *(nêu rõ từng mục đích sử dụng).*

- Loại hình, phương thức khai thác của công trình: ghi rõ loại hình công trình *(hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước,...),* mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất lắp máy/trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...; cách thức vận hành ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan *(Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước).*

- Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng: trình bày chế độ khai thác nước của công trình cho từng mục đích theo các thời kỳ trong năm *(thời gian, lưu lượng và lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất);* đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan trình bày cụ thể chế độ vận hành theo từng thời kỳ trong năm.

- Hiện trạng xây dựng và thời gian dự kiến hoàn thành, vận hành công trình.

4. Thuyết minh căn cứ lập đề án khai thác nước:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước.

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập đề án *(tài liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước,...);* các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng; nguồn gốc.

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC

I. Đặc điểm mạng lưới sông, suối và khí tượng, thủy văn

1. Trình bày cụ thể các đặc trưng nguồn nước khai thác.

2. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông và vùng phụ cận *(tên, vị trí trạm, yếu tố đo, tần suất đo, thời kỳ quan trắc).* Luận chứng việc lựa chọn các trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong đề án.

3. Phân tích đặc điểm mưa tại khu vực công trình khai thác.

II. Chế độ dòng chảy

Thuyết minh phương pháp tính toán và kết quả tính toán các đặc trưng thủy văn tại tuyến xây dựng công trình hoặc vị trí khai thác nước:

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập và công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch:

a) Dòng chảy năm: *lưu lượng dòng chảy năm, trung bình nhiều năm, biến đổi dòng chảy theo các năm; tổng lượng dòng chảy năm.*

b) Dòng chảy lũ: lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ và quá trình lũ ứng với các tần suất thiết kế.

c) Dòng chảy kiệt: lưu lượng bình quân mùa kiệt, ba tháng kiệt nhất, tháng kiệt nhất và lưu lượng trung bình tháng kiệt nhất chuỗi số liệu.

d) Đối với công trình nằm trong vùng ảnh hưởng triều, bổ sung mô tả chế độ triều, biên độ triều, đặc trưng mực nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo chu kỳ triều tại khu vực xây dựng công trình.

2. Đối với loại hình công trình cống, trạm bơm, kênh dẫn và các loại hình khác:

a) Trình bày diễn biến mực nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất tại vị trí xây dựng công trình theo ngày, tháng, năm. Trình bày quan hệ mực nước, lưu lượng tại vị trí khai thác *(nếu có).*

b) Đối với công trình nằm trong vùng ảnh hưởng triều, bổ sung mô tả chế độ triều, biên độ triều, đặc trưng mực nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo chu kỳ triều tại khu vực xây dựng công trình.

III. Chất lượng nguồn nước: Trình bày đặc điểm chất lượng nguồn nước tại khu vực khai thác.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; các công trình khai thác, sử dụng nước; địa danh hành chính các cấp của khu vực; trường hợp có chuyển nước sang lưu vực sông khác thì phải có cả thông tin về khu vực và nguồn nước tiếp nhận).

Chương II

HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

I. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước trong khu vực

1. Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước của các công trình khai thác, sử dụng nước hiện tại và dự kiến trong khu vực, cụ thể như sau:

a) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp: phương thức, chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng nước *(các thời kỳ lấy nước trong năm; lưu lượng khai thác, sử dụng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ khai thác).*

b) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho thủy điện: phương thức và chế độ khai thác, sử dụng nước; lưu lượng nước phát điện thiết kế, lớn nhất, nhỏ nhất; yêu cầu xả dòng chảy tối thiểu sau công trình (nếu có).

c) Đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch cho mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan: phương thức, chế độ vận hành.

d) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích khác (cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản...): phương thức, chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng nước *(trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ).*

2. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng việc khai thác, sử dụng nước của các công trình nêu trên đến nguồn nước khai thác, sử dụng của công trình đề nghị cấp phép.

II. Nhu cầu khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép

1. Trình bày phương pháp, kết quả tính toán *(theo dạng bảng biểu)* nhu cầu nước *(trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất)* cho từng nhiệm vụ của công trình theo từng thời kỳ trong năm *(bao gồm cả nhiệm vụ bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đối với công trình hồ chứa, đập dâng).*

2. Đánh giá khả năng đáp ứng của nguồn nước bảo đảm cho nhu cầu sử dụng nước của công trình đề nghị cấp phép và cho các nhu cầu sử dụng nước khác trong khu vực theo từng thời kỳ trong năm.

3. Trình bày chế độ khai thác, vận hành của công trình cho từng mục đích theo các thời kỳ trong năm; lưu lượng khai thác trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất *(trừ công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan).*

4. Trình bày phương án vận hành công trình khai thác nước, phương án vận hành công trình để đảm bảo an toàn công trình, duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu, xả nước gia tăng về hạ du khi có yêu cầu, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu,...

III. Biện pháp giám sát quá trình khai thác nước

1. Trình bày phương án quan trắc, giám sát khai thác nước của công trình: vị trí, hình thức giám sát (tự động/định kỳ, camera); thông số giám sát; chế độ giám sát..., lộ trình thực hiện.

2. Phương án bố trí nhân lực quan trắc, giám sát khai thác nước; đối với dự án xây dựng hồ chứa, phải có phương án quan trắc khí tượng thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa.

Chương III

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC NƯỚC VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

I. Tác động của việc khai thác nước đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác

1. Tác động đến nguồn nước

a) Đánh giá sự biến đổi mực nước, lưu lượng ở thượng và hạ lưu công trình theo từng thời kỳ khai thác nước.

b) Đối với dự án có xây dựng hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối phải đánh giá sự biến đổi mực nước,

lưu lượng trên đoạn sông, suối bị gián đoạn. Trường hợp dự án có chuyển nước sang lưu vực sông khác phải đánh giá, dự báo sự biến đổi mực nước, lưu lượng ở cả nguồn nước khai thác và nguồn nước tiếp nhận.

2. Tác động đến các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác

a) Đánh giá tác động do việc vận hành của công trình tới các công trình khai thác, sử dụng nước khác ở thượng, hạ lưu công trình trong các thời kỳ trong năm.

b) Đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác: bổ sung đánh giá ảnh hưởng của việc xả lũ đến hạ lưu công trình; trường hợp có chuyển nước sang lưu vực sông khác thì phải đánh giá ảnh hưởng đến các công trình khai thác nước trên nguồn tiếp nhận; đánh giá khả năng bồi lắng, khô cạn các cảng sông, tuyến, luồng giao thông thủy,... *(nếu có).*

3. Tác động đến môi trường

Đánh giá tác động đến xói lở, bồi lắng lòng, bờ bãi sông; tác động đến hệ sinh thái thủy sinh và các loài động thực vật quý hiếm cần bảo tồn; tác động do sự cố xảy ra trong quá trình khai thác nước của công trình.

II. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác:

a) Thuyết minh biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trong thời gian đề nghị cấp phép (bao gồm: vị trí, cao trình của hạng mục công trình; năng lực xả lớn nhất ứng với từng cấp mực nước; giải pháp đảm bảo khi có nhu cầu gia tăng ở hạ du (nếu có), bản vẽ thiết kế hạng mục công trình xả dòng chảy tối thiểu).

b) Thuyết minh phương án, giải pháp khắc phục, giảm thiểu các tác động tiêu cực *(đã đánh giá ở mục I của Chương này)* trong thời gian đề nghị cấp phép *(trong điều kiện bình thường và trong trường hợp xảy ra sự cố, thiên tai lũ lụt, hạn hán thiếu nước).*

c) Thuyết minh phương án cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa (nếu thuộc đối tượng); phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, ứng phó với tình huống thiên tai cho đập, hồ chứa và phương án phòng, chống lụt bão cho hạ du,...

2. Đối với loại hình công trình cống, trạm bơm, kênh dẫn và các loại hình khác:

a) Thuyết minh giải pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc khai thác nước tại công trình *(đã đánh giá ở mục I của Chương này)* trong thời gian đề nghị cấp phép.

b) Riêng đối với loại hình khai thác nước cấp cho sinh hoạt tập trung cần thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Giải pháp khai thác nguồn nước thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước khai thác (đối với công trình sản xuất, cung cấp nước sạch).

3. Các giải pháp có liên quan đến: phòng chống sạt lở, lũ, lụt hạ du.

Mẫu 43

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC MẶT
…….. (1)
(đối với trường hợp công trình đã khai thác nước)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước.

2. Trình bày tóm tắt về công trình khai thác nước xin cấp phép:

- Tên, vị trí công trình: tọa độ tim các hạng mục chính của công trình theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh);* nguồn nước khai thác, nguồn nước tiếp nhận (trường hợp công trình có chuyển nước); nhiệm vụ và quy mô; mục đích khai thác nước *(nêu rõ từng mục đích sử dụng).*

- Loại hình, phương thức khai thác của công trình: ghi rõ loại hình công trình *(hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước,...),* mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất lắp máy/trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...; cách thức vận hành ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan *(Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác nước).*

- Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng: trình bày chế độ khai thác nước của công trình cho từng mục đích theo các thời kỳ trong năm *(thời gian, lưu lượng và lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất);* đối với công trình ngăn sông, suối, kênh, mương rạch với mục đích tạo nguồn, ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh quan trình bày cụ thể chế độ vận hành theo từng thời kỳ trong năm.

- Các căn cứ pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình; thời gian bắt đầu vận hành công trình.

3. Trình bày các thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án:

Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu đo đạc, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong tính toán, lập đề án; nêu rõ nguồn gốc thông tin, số liệu thu thập.

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC

I. Đặc điểm mạng lưới sông, suối và khí tượng, thủy văn

1. Trình bày cụ thể các đặc trưng hình thái của nguồn nước khai thác *(chiều dài, diện tích lưu vực,...).*

2. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông và vùng phụ cận *(tên, vị trí trạm, yếu tố đo, tần suất đo, thời kỳ quan trắc).* Luận chứng việc lựa chọn các trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong đề án.

3. Phân tích đặc điểm mưa tại khu vực công trình khai thác.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; các công trình khai thác, sử dụng nước; địa danh hành chính các cấp của khu vực; trường hợp có chuyển nước sang lưu vực sông khác thì phải có cả thông tin về khu vực và nguồn nước tiếp nhận).

II. Chế độ dòng chảy

1. Trình bày cụ thể phương pháp và kết quả tính toán các đặc trưng về dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, dòng chảy mùa kiệt tại vị trí tuyến công trình theo thời gian tháng, mùa, năm, trước và sau khi vận hành công trình. Đối với công trình khai thác nước nằm trong vùng ảnh hưởng triều, bổ sung đánh giá các đặc trưng về chế độ triều, biên độ triều.

2. Phân tích, đánh giá diễn biến nguồn nước khai thác trước và sau khi có công trình.

3. Đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác: đánh giá tình hình bồi lắng bùn cát trong quá trình vận hành công trình *(nếu có).*

III. Chất lượng nguồn nước: Trình bày đặc điểm chất lượng nguồn nước tại khu vực khai thác.

Chương II

TÌNH HÌNH KHAI THÁC NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC

I. Tình hình khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép

1. Trình bày cụ thể các hạng mục khai thác nước của công trình; tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập đề án; những thay đổi của công trình trong quá trình vận hành.

2. Trình bày cụ thể chế độ, lượng nước khai thác cho từng mục đích sử dụng trong suốt thời gian vận hành công trình đến thời điểm lập đề án:

a) Đối với khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: trình bày cụ thể các thời kỳ *(tháng/mùa/vụ)* lấy nước trong năm; số giờ, số ngày lấy nước trong từng thời kỳ; lưu lượng *(m^3/s)* khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ; diễn biến lượng nước khai thác, sử dụng qua các năm;

b) Đối với khai thác, sử dụng nước cho thủy điện: nêu rõ số giờ phát điện, lưu lượng phát điện trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất *(m^3/s)* trong năm và diễn biến qua các năm; chế độ và lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu *(m^3/s)*

c) Đối với khai thác, sử dụng nước cho các mục đích khác: trình bày cụ thể lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất *(m^3/ngày đêm)* theo các thời kỳ *(tháng/mùa/vụ)* lấy nước trong năm và diễn biến qua các năm khai thác.

3. Trình bày cụ thể tình hình quan trắc, giám sát trong quá trình vận hành khai thác nước của công trình *(các vị trí quan trắc và nội dung, phương pháp, chế độ, thiết bị quan trắc, giám sát).*

4. Trình bày cụ thể việc tuân thủ quy định về tài nguyên nước, quy định việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa (nếu thuộc phạm vi), các quy định trong Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính (tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước); thanh tra, kiểm tra (nếu có). Riêng đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác cần đánh giá việc tuân thủ quy định về xả dòng chảy tối thiểu (nếu có); quan trắc, giám sát tài nguyên nước, cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, công trình.

II. Tình hình khai thác, sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực

1. Liệt kê các công trình khai thác, sử dụng nước có liên quan: tên, vị trí, loại hình công trình, nhiệm vụ, mục đích, quy mô, phạm vi cấp nước, khoảng cách đến công trình đề nghị cấp phép,...

2. Trình bày tình hình khai thác nước của các công trình có liên quan:

a) Đối với khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: các thời kỳ lấy nước trong năm; chế độ, lưu lượng *(m^3/s)* khai thác;

b) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho thủy điện: lưu lượng nước phát điện thiết kế, lớn nhất, nhỏ nhất *(m^3/s);* chế độ vận hành của công trình; chế độ và lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu *(m^3/s) (nếu có);*

c) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích khác (bao gồm cả mục đích khai thác nguồn nước mặt để tạo không gian, thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan, tạo nguồn, ngăn mặn): trình bày phương thức khai thác, chế độ vận hành, khai thác nước của công trình;

d) Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các công trình nêu trên đến nguồn nước và vận hành của công trình xin cấp phép.

III. Kế hoạch khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

1. Thuyết minh cụ thể kế hoạch, chế độ, lượng nước khai thác của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

2. Đánh giá cụ thể nhu cầu khai thác nước của công trình, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành *(chức năng nguồn nước, quản lý, điều hòa, phân phối, bảo vệ, dòng chảy tối thiểu trên sông, phòng chống sạt, lở, lũ, lụt,...).*

3. Trường hợp công trình đề xuất điều chỉnh nguồn nước khai thác/quy mô khai thác nước *(áp dụng đối với trường hợp có sự điều chỉnh so với giấy phép đã cấp):*

a) Liệt kê các văn bản, quyết định pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh nguồn nước khai thác, quy mô khai thác nước của công trình;

b) Phương án điều chỉnh nguồn nước khai thác, quy mô khai thác nước của công trình: thuyết minh rõ nguồn nước khai thác, vị trí, quy mô, hạng mục, thông số, phương thức, chế độ khai thác nước của phương án điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp;

c) Đánh giá khả năng đáp ứng của nguồn nước, an toàn công trình đối với việc điều chỉnh.

Chương III

TÁC ĐỘNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

I. Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan trong khu vực

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác:

a) Đánh giá tác động của việc điều tiết, vận hành công trình đến: chế độ dòng chảy *(mực nước, lưu lượng)* mùa lũ, mùa kiệt; chế độ phù sa/bùn cát, xói lở lòng, bờ, bãi sông; chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh và việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng khác trên sông, suối phía thượng và hạ lưu công trình trong các thời kỳ *(mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ dùng nước gia tăng).*

b) Đối với công trình thủy điện kiểu đường dẫn: bổ sung đánh giá tác động đến chế độ dòng chảy, khai thác, sử dụng nước, hệ sinh thái thủy sinh trên các đoạn sông, suối giữa đập và nhà máy *(thể hiện rõ độ dài đoạn sông, suối bị giảm nước, các đặc trưng dòng chảy, tình hình sử dụng nước...).*

c) Trường hợp công trình có chuyển nước thì phải đánh giá tác động đến nguồn nước tiếp nhận *(biến đổi dòng chảy, gia tăng lũ lụt, xói lở, bồi lấp, biến dạng hình thái sông/suối,...)* và các hoạt động khai thác, sử dụng nước khác trên nguồn nước tiếp nhận.

2. Đối với các loại hình công trình khác: đánh giá các tác động đến chế độ dòng chảy *(mực nước, lưu lượng)* và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trên sông, suối phía hạ lưu công trình theo từng thời kỳ sử dụng nước.

3. Đối với trường hợp có điều chỉnh nguồn nước, quy mô khai thác nước của công trình, bổ sung đánh giá tác động của việc điều chỉnh đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan.

II. Thuyết minh các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực và giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác:

a) Thuyết minh hiện trạng duy trì dòng chảy tối thiểu của công trình; đánh giá tính khả thi, hiệu quả của biện pháp xả dòng chảy tối thiểu. Luận chứng, xác định dòng chảy tối thiểu cần phải duy trì ở hạ lưu công trình trong thời gian đề nghị cấp phép; thuyết minh biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trong thời gian đề nghị cấp phép (bao gồm: vị trí, cao trình hạng mục công trình, năng lực xả lớn nhất ứng với mực nước chết; giải pháp dự phòng khi có nhu cầu gia tăng ở hạ du (nếu có); bản vẽ thiết kế hạng mục công trình xả dòng chảy tối thiểu).

b) Thuyết minh phương án, giải pháp khắc phục, giảm thiểu các tác động tiêu cực *(đã đánh giá ở mục I của Chương này)* trong thời gian đề nghị cấp phép *(trong điều kiện bình thường và trong trường hợp xảy ra sự cố, thiên tai lũ lụt, hạn hán thiếu nước).*

c) Thuyết minh tình hình thực hiện cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa (nếu thuộc đối tượng); tình hình thực hiện các phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, ứng phó với tình huống thiên tai cho đập, hồ chứa và phương án phòng, chống lụt bão cho hạ du...

d) Các giải pháp bảo đảm sử dụng dung tích chết của hồ chứa để cấp nước cho hạ du trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng.

2. Đối với loại hình công trình cống, trạm bơm, kênh dẫn và các loại hình khác:

a) Thuyết minh giải pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình *(đã đánh giá ở mục I của Chương này)* trong thời gian đề nghị cấp phép.

b) Riêng đối với loại hình khai thác, sử dụng nước cấp cho sinh hoạt tập trung cần thuyết minh rõ tình hình thực hiện xác định phạm vi vùng bảo hộ cấp nước sinh hoạt.

3. Đối với trường hợp có điều chỉnh nguồn nước, quy mô khai thác nước của công trình: đề xuất cụ thể các biện pháp giảm thiểu tương ứng với các tác động đã đánh giá ở mục I của Chương này.

4. Thuyết minh các biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước *(giám sát lưu lượng khai thác, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, mực nước, chất lượng nước):* vị trí đo, loại dụng cụ đo, yếu tố đo, chế độ đo. Đối với loại hình công trình là hồ chứa, đập dâng: thuyết minh rõ phương án quan trắc khí tượng, thủy văn; dự báo lượng nước đến hồ; phương tiện, thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

Mẫu 44

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC MẶT/ ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
…… (1)
(Đối với công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

A. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT (trường hợp đề nghị cấp giấy phép đối với công trình thủy lợi)

I. MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép.

- Tên, vị trí *(xã, tỉnh và tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh),* mục đích, quy mô, nhiệm vụ, phương thức khai thác nước của công trình; nguồn nước khai thác, nguồn nước tiếp nhận (trường hợp công trình có chuyển nước); cách thức vận hành ngăn mặn, chống ngập, tạo nguồn, tạo cảnh quan (nếu có). *{Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình liên quan đến khai thác nước).*

- Các căn cứ pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình.

II. HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC

1. Hiện trạng khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép

- Tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập đề án, những thay đổi của công trình trong suốt quá trình vận hành *(đối với trường hợp công trình đã vận hành).*

- Các thời kỳ *(tháng/mùa/vụ)* lấy nước, vận hành trong năm; lưu lượng *(m^3/s)* khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ; đối với mục đích ngăn mặn, chống ngập, tạo cảnh

quan trình bày chế độ vận hành của công trình theo các thời kỳ trong năm, số giờ, số ngày vận hành trong từng thời kỳ.

- Trình bày các biện pháp giám sát quá trình khai thác nước trong quá trình khai thác nước *(đối với trường hợp công trình đã vận hành).*

2. Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

3. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác: Trình bày tình hình thực hiện quan trắc, giám sát theo quy định, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị tại công trình khai thác.

III. TÁC ĐỘNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

1. Đánh giá tác động của việc điều tiết, vận hành công trình đến nguồn nước, việc khai thác nước của các đối tượng khác có liên quan đến công trình trong các thời kỳ.

2. Thuyết minh các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực và giám sát quá trình khai thác nước

- Đối với loại hình công trình hồ, đập và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch khác: Luận chứng, xác định dòng chảy tối thiểu duy trì ở hạ lưu công trình; thuyết minh biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu.

- Đối với các loại hình khai thác nước khác: thuyết minh giải pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc khai thác nước tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

- Thuyết minh các biện pháp giám sát quá trình khai thác nước *(giám sát lưu lượng khai thác, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, mực nước, chất lượng nước):* vị trí đo, yếu tố đo, chế độ đo.

B. ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

(trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép đối với công trình thủy lợi)

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép.

3. Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình.

4. Phương án điều chỉnh khai thác nước (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)

- Đối với điều chỉnh quy mô khai thác: nêu rõ phương án điều chỉnh công suất/lưu lượng/lượng nước khai thác, sử dụng so với giấy phép đã được cấp.

- Đối với điều chỉnh chế độ khai thác nước: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục, thông số của công trình, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, sử dụng nước; thời gian lấy nước và chế độ vận hành công trình so với giấy phép đã được cấp.

- Đánh giá tác động đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác nước ở thượng hạ lưu công trình và các biện pháp giảm thiểu trong thời gian đề nghị điều chỉnh.

5. Trình bày kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh: nêu rõ mục đích, phương thức, nhu cầu, chế độ khai thác, quan trắc, giám sát... so với giấy phép đã được cấp.

C. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT (trường hợp đề nghị cấp giấy phép đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép, hiện trạng khai thác nước của công trình đề nghị cấp phép (trình bày thông tin về quy mô, phương thức, mục đích, phạm vi cấp nước của công trình và lượng nước khai thác).

3. Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

4. Đánh giá tác động và các biện pháp giảm thiểu tiêu cực trong thời gian đề nghị cấp phép (nếu có). Thuyết minh rõ phương án xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

5. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác: Trình bày tình hình thực hiện quan trắc, giám sát theo quy định, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị tại công trình khai thác.

D. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP (trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung)

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước.

2. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước đề nghị cấp phép (trình bày thông tin về quy mô, phương thức, mục đích và phạm vi cấp nước của công trình).

3. Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình (đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép).

4. Phương án điều chỉnh khai thác nước (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).

- Đối với điều chỉnh quy mô khai thác: nêu rõ phương án điều chỉnh công suất/lưu lượng/lượng nước khai thác, sử dụng so với giấy phép đã được cấp.

- Đối với điều chỉnh chế độ khai thác nước: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục, thông số của công trình, phương thức lấy nước, dẫn nước, sử dụng nước; thời gian lấy nước và chế độ vận hành công trình so với giấy phép đã được cấp.

5. Trình bày kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh: nêu rõ mục đích, phương thức, nhu cầu, chế độ khai thác, quan trắc, giám sát... so với giấy phép đã được cấp.

6. Đánh giá sơ bộ tác động và các biện pháp giảm thiểu trong thời gian đề nghị gia hạn, điều chỉnh (nếu có).

Mẫu 45

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
…… (1)
(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC MẶT VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

MỞ ĐẦU

Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép và công trình khai thác, sử dụng nước xin gia hạn, điều chỉnh, bao gồm:

1. Tên chủ giấy phép; địa chỉ, điện thoại liên hệ....

2. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số …… do *(tên cấp có thẩm quyền cấp phép)* cấp ngày: …… tháng …. năm ……. với thời hạn...

3. Sơ lược về công trình khai thác nước và tình hình hoạt động của công trình.

4. Trình bày lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh và các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp; các căn cứ đối với trường hợp kiến nghị điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do.

5. Trình bày các căn cứ, thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép.

I. Hiện trạng khai thác nước

1. Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập đề án; những thay đổi của công trình, các vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình khai thác nước tại công trình.

2. Trình bày lượng nước khai thác quy định trong giấy phép và lượng nước đã khai thác, sử dụng theo từng tháng/thời kỳ trong từng năm kể từ ngày được cấp phép đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh giấy phép theo các mục đích sử dụng *(kèm theo bảng số liệu khai thác, sử dụng nước trong quá trình vận hành công trình).*

Đối với loại hình công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch để ngăn mặn, tạo không gian, tạo cảnh quan: trình bày cụ thể về chế độ vận hành công trình theo các thời kỳ trong năm.

3. Trình bày tình hình diễn biến mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nguồn nước trong quá trình khai thác, sử dụng.

4. Đánh giá các tác động của việc vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trong khu vực và ngược lại từ khi công trình đi vào vận hành đến thời điểm lập đề án.

5. Trình bày các biện pháp đã thực hiện để giảm thiểu, khắc phục các tác động tiêu cực (nếu có).

(Kèm theo bảng số liệu khai thác, sử dụng nước trong quá trình vận hành công trình).

II. Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép

Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình, bao gồm:

1. Mục đích khai thác nước; lượng nước khai thác *(trừ loại hình công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch để ngăn mặn, tạo không gian, tạo cảnh quan).*

2. Phương thức, chế độ khai thác nước, quy trình vận hành công trình.

3. Việc duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình *(nếu có).*

4. Việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác nước.

5. Việc thực hiện chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, các yêu cầu cụ thể khác của giấy phép.

III. Kế hoạch khai thác, đánh giá tác động và biện pháp giảm thiểu của việc khai thác nước trong thời gian đề nghị gia hạn/điều chỉnh

1. Phương án điều chỉnh và kế hoạch khai thác nước

a) Đối với điều chỉnh quy mô khai thác: nêu rõ phương án điều chỉnh công suất/lưu lượng/lượng nước khai thác, sử dụng so với giấy phép đã được cấp.

b) Đối với điều chỉnh chế độ khai thác nước: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục, thông số của công trình, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, sử dụng nước; thời gian lấy nước và chế độ vận hành công trình so với giấy phép đã được cấp.

c) Trình bày kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh: nêu rõ mục đích, phương thức, nhu cầu, chế độ khai thác,... so với giấy phép đã được cấp.

(Kèm theo bảng tổng hợp các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp),

2. Đánh giá tác động đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác nước ở thượng hạ lưu công trình trong thời gian đề nghị gia hạn/điều chỉnh.

3. Các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực và lộ trình thực hiện.

Mẫu 46

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC BIỂN
…….. (1)
(đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

HƯỚNG DẪN
NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước biển.

2. Trình bày thông tin cơ bản về công trình khai thác nước biển.

- Vị trí lấy nước biển: địa danh hành chính *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);* tọa độ vị trí khai thác nước theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

- Mục đích khai thác nước biển: làm mát, cấp nước sản xuất công nghiệp, nhiệt điện, nuôi trồng hải sản, khai thác và chế biến khoáng sản,... Trường hợp công trình khai thác nước cho nhiều mục đích thì nêu rõ từng mục đích sử dụng.

- Loại hình công trình và phương thức khai thác nước biển: trình bày các hạng mục chính của công trình và cách thức lấy nước.

- Chế độ và lượng nước khai thác: trình bày lưu lượng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất trong từng thời kỳ trong năm cho từng mục đích sử dụng.

(Kèm Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác nước biển).

3. Trình bày các căn cứ lập đề án khai thác nước biển.

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước.

- Trình bày sự phù hợp của công trình khai thác nước xin cấp phép với quy hoạch ngành, các quy hoạch khác có liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình khai thác nước.

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập đề án *(tài liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước,...);* các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác nước của công trình, trong đó thể hiện rõ: địa danh hành chính các cấp; các trạm quan trắc hải văn; các hạng mục chính của công trình; các công trình khai thác nước khác trong khu vực;....).

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC VÀ HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC

I. Đặc điểm hải văn

1. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc hải văn trong khu vực, các yếu tố quan trắc và chế độ quan trắc; luận chứng việc lựa chọn trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong đề án.

2. Trình bày đặc trưng thủy triều khu vực khai thác *(chế độ thủy triều, mực nước đỉnh triều, mực nước chân triều, biên độ triều trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất, và chu kỳ triều).*

II. Hiện trạng khai thác nước và các hoạt động có liên quan trong khu vực

1. Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước phục vụ cho các mục đích cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản,... có liên quan trong khu vực xây dựng công trình *(vị trí, nhiệm vụ, chế độ và phương thức khai thác, sử dụng nước).*

2. Mô tả hoạt động giao thông thủy, bến cảng, các khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão, du lịch, giải trí,... trong khu vực.

3. Trình bày đặc điểm hệ sinh thái dưới nước, ven bờ, các khu bảo tồn, các loài động thực vật quý hiếm cần bảo tồn trong khu vực.

4. Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động khai thác, sử dụng nước khác và các hoạt động có liên quan trong khu vực nêu trên đến việc khai thác nước của công trình.

Chương II

NHU CẦU, CHẾ ĐỘ VÀ BIỆN PHÁP GIÁM SÁT KHAI THÁC NƯỚC

I. Nhu cầu và chế độ khai thác nước

1. Trình bày phương pháp, kết quả tính toán (theo dạng bảng biểu) nhu cầu nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất *(m^3/ngày đêm)* cho từng nhiệm vụ của công trình theo từng thời kỳ trong năm.

2. Trình bày chế độ khai thác, phương án vận hành khai thác nước của công trình.

II. Biện pháp giám sát quá trình khai thác nước của công trình

1. Trình bày phương án quan trắc, giám sát khai thác nước của công trình: hình thức giám sát (tự động/định kỳ); thông số; chế độ giám sát..., lộ trình thực hiện.

2. Trình bày phương án bố trí nhân lực quan trắc, giám sát khai thác nước biển.

Chương III

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC NƯỚC BIỂN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

I. Tác động của việc khai thác nước biển

1. Đánh giá tác động của việc khai thác nước của công trình tới dao động mực nước tại khu vực khai thác; bồi, xói, sạt lở trong khu vực.

2. Đánh giá tác động của việc khai thác nước của công trình đến hệ sinh thái biển trong khu vực.

3. Đánh giá tác động của việc khai thác nước của công trình đến các hoạt động giao thông thủy, bến cảng, khu neo đậu tàu thuyền; các công trình bảo vệ bờ, đê bao vùng đầm phá *(nếu có);* các công trình khai thác nước trong khu vực và các hoạt động khác có liên quan (cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản,...) trong khu vực.

II. Thuyết minh các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình.

Mẫu 47

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC BIỂN
…….. (1)
(đối với trường hợp công trình đã khai thác nước)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

---

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

HƯỚNG DẪN
LẬP ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác nước biển.

2. Trình bày tóm tắt về công trình khai thác nước biển đề nghị cấp phép:

- Thời gian bắt đầu khai thác nước biển.

- Vị trí lấy nước biển: địa danh hành chính *(thôn/ấp, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);* tọa độ vị trí khai thác nước theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° *(theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).*

- Mục đích khai thác nước biển: làm mát, cấp nước sản xuất công nghiệp, nhiệt điện, nuôi trồng hải sản, khai thác và chế biến khoáng sản,... Trường hợp công trình khai thác nước cho nhiều mục đích thì nêu rõ từng mục đích sử dụng.

- Loại hình công trình và phương thức khai thác nước biển: trình bày các hạng mục chính của công trình và cách thức lấy nước.

- Chế độ và lượng nước khai thác: trình bày lưu lượng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất trong từng thời kỳ trong năm cho từng mục đích sử dụng.

(Kèm Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác nước biển).

3. Trình bày các căn cứ, thông tin, số liệu sử dụng để lập Đề án.

- Liệt kê các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình *(tài liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước,...);* các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

- Thuyết minh nguồn gốc, mức độ đầy đủ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập đề án.

Chương I

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC TRONG KHU VỰC

I. Đặc điểm hải văn

1. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc hải văn, mạng lưới quan trắc chất lượng nước trong khu vực, các yếu tố quan trắc và chế độ quan trắc. Luận chứng việc lựa chọn trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong Đề án.

2. Trình bày đặc trưng thủy triều khu vực khai thác *(chế độ thủy triều, mực nước đỉnh triều, mực nước chân triều, biên độ triều trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất và chu kỳ triều).*

II. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước trong khu vực

1. Trình bày hiện trạng khai thác sử dụng nước phục vụ cho các mục đích cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản,... có liên quan trong khu vực công trình *(vị trí, nhiệm vụ, chế độ và phương thức khai thác nước của các công trình).*

2. Mô tả hoạt động giao thông thủy, bến cảng, các khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão, du lịch, giải trí,... trong khu vực.

3. Trình bày đặc điểm hệ sinh thái biển, các khu bảo tồn, các loài động thực vật quý hiếm cần bảo tồn trong khu vực.

4. Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động khai thác, sử dụng nước khác và các hoạt động có liên quan trong khu vực nêu trên đến việc khai thác nước của công trình.

Chương II

TÌNH HÌNH KHAI THÁC VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC BIỂN CỦA CÔNG TRÌNH

I. Tình hình khai thác nước biển của công trình

1. Hiện trạng công trình và những thay đổi trong suốt quá trình vận hành của công trình *(nếu có).*

2. Tình hình khai thác nước biển từ khi công trình đi vào vận hành: Trình bày cụ thể lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất cho từng mục đích theo ngày, tháng, năm.

3. Tình hình quan trắc, giám sát quá trình khai thác nước biển: Trình bày cụ thể các vị trí quan trắc và nội dung, phương pháp, chế độ, thiết bị quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác nước biển.

4. Đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định trong giấy phép đã được cấp.

Đính kèm phụ lục: thông tin, số liệu hải văn; sổ vận hành công trình (ít nhất là 3 năm gần nhất tính đến thời điểm lập Hồ sơ) và các tài liệu liên quan sử dụng để lập Đề án.

II. Kế hoạch khai thác nước biển của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

1. Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ và lượng nước biển khai thác của công trình cho từng mục đích trong thời gian đề nghị cấp phép.

2. Trường hợp công trình đề xuất điều chỉnh quy mô khai thác nước biển *(áp dụng đối với trường hợp có sự điều chỉnh so với giấy phép đã cấp)*

a) Liệt kê các văn bản, quyết định pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh.

b) Phương án điều chỉnh: thuyết minh rõ vị trí, quy mô, hạng mục, thông số, phương thức, chế độ khai thác nước của phương án điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp.

c) Đánh giá tính khả thi của phương án điều chỉnh.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác nước của công trình, trong đó thể hiện rõ: địa danh hành chính các cấp; các trạm quan trắc hải văn; các hạng mục chính; các công trình khai thác nước khác trong khu vực;....).

Chương III

TÁC ĐỘNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

I. Đánh giá tác động của việc khai thác nước biển

1. Tác động tới dao động mực nước tại khu vực khai thác; bồi, xói, sạt lở khu vực khai thác nước.

2. Tác động đến hệ sinh thái biển trong khu vực.

3. Tác động tới các công trình bảo vệ bờ, đê bao vùng đầm phá *(nếu có);* các hoạt động giao thông thủy, bến cảng, khu neo đậu tàu thuyền; các công trình khai thác nước trong khu vực và các hoạt động khác có liên quan (cấp nước sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy, hải sản,...) trong khu vực.

II. Thuyết minh các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện *(nếu có tác động).*

III. Biện pháp quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác nước biển

1. Trình bày việc quan trắc, giám sát khai thác nước của công trình: hình thức giám sát (tự động/định kỳ); thông số giám sát; chế độ giám sát... lộ trình và cam kết việc thực hiện.

2. Trình bày phương án bố trí nhân lực quan trắc, giám sát khai thác nước biển sau khi sử dụng vào nguồn tiếp nhận.

Mẫu 48

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

ĐỀ ÁN
KHAI THÁC NƯỚC BIỂN VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP
…… [1]
(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

Địa danh, tháng..../năm……

(1) Ghi tên công trình, vị trí và quy mô công trình khai thác nước.

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
ĐỀ ÁN KHAI THÁC NƯỚC BIỂN VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

MỞ ĐẦU

Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép và công trình khai thác nước biển gia hạn, điều chỉnh, bao gồm:

1. Tên chủ giấy phép; địa chỉ, điện thoại liên hệ,....

2. Giấy phép khai thác nước biển số …… do *(tên cấp có thẩm quyền cấp phép)* cấp ngày: …….. tháng …….. năm …… với thời hạn,...

3. Sơ lược về công trình khai thác nước

4. Trình bày lý do đề nghị điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thì thể hiện rõ trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép.

5. Trình bày các căn cứ, thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.

I. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước

1. Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập đề án; những thay đổi của công trình, các vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình khai thác nước tại công trình.

2. Trình bày lượng nước khai thác quy định trong giấy phép và lượng nước đã khai thác lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình theo từng thời kỳ trong từng năm (m^3/ngày đêm) kể từ ngày được cấp phép đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh giấy phép theo các mục đích sử dụng khác nhau *(kèm theo bảng số liệu khai thác, sử dụng nước trong quá trình vận hành công trình).*

3. Trình bày tình hình diễn biến mực nước, nguồn nước khai thác.

4. Đánh giá các tác động, của việc vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trong khu vực và ngược lại từ khi công trình đi vào vận hành đến thời điểm lập đề án.

5. Trình bày các biện pháp đã thực hiện để giảm thiểu, khắc phục các tác động tiêu cực (nếu có).

(Kèm theo bảng số liệu khai thác, sử dụng nước trong quá trình vận hành công trình).

II. Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép đã được cấp

(Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình, kèm theo các tài liệu, số liệu chứng minh)

1. Mục đích khai thác nước; lượng nước khai thác.

2. Phương thức, chế độ khai thác, quy trình vận hành công trình.

3. Việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác nước.

4. Việc thực hiện chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, các yêu cầu cụ thể khác của giấy phép.

III. Kế hoạch khai thác, đánh giá tác động và biện pháp giảm thiểu của việc khai thác nước trong thời gian đề nghị gia hạn/điều chỉnh

1. Phương án và kế hoạch khai thác nước

a) Đối với trường hợp điều chỉnh quy mô khai thác nêu rõ phương án điều chỉnh quy mô khai thác so với giấy phép đã được cấp.

b) Đối với điều chỉnh chế độ khai thác nước: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục, thông số của công trình, thời gian lấy nước và chế độ khai thác công trình so với giấy phép đã được cấp.

c) Trình bày kế hoạch khai thác nước theo các nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh: nêu rõ mục đích, phương thức, nhu cầu, chế độ khai thác,... so với giấy phép đã được cấp.

(Kèm theo bảng tổng hợp các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp)

2. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước, các đối tượng liên quan khác trong khu vực trong thời gian đề nghị cấp phép.

3. Trình bày các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực và lộ trình thực hiện.

PHỤ LỤC II. MẪU HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Kèm theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu	Tên văn bản

1	Mẫu 49	Văn bản đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
2	Mẫu 50	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
3	Mẫu 51	Văn bản đề nghị cấp lại/trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
4	Mẫu 52	Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật
5	Mẫu 53	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
6	Mẫu 54	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (trường hợp gia hạn/ cấp lại)
7	Mẫu 55	Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
8	Mẫu 56	Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất (của chủ giấy phép)

Mẫu 49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước): ……..*

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định *(đối với tổ chức)*/số định danh cá nhân *(đối với cá nhân): .....*

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú): .....*

1.4. Điện thoại: …….. Email: …….

2. Thời gian hành nghề: ……(1)

3. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo Văn bản này gồm có:

…… (2)

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) có* đủ năng lực chuyên môn để hành nghề khoan nước dưới đất theo đề nghị cấp phép nêu trên.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam kết các nội dung, thông tin ghi trong Văn bản này và các tài liệu kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...
Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ số tháng/hoặc năm nhưng tối đa không quá 10 năm.

(2) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo Văn bản đề nghị.

Mẫu 50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước): .....*

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định *(đối với tổ chức)*/số định danh cá nhân *(đối với cá nhân): .....*

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú): .....*

1.4. Điện thoại: …….. Email: ……..

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: *(Giấy phép số...., cấp ngày... tháng... năm ..., cơ quan cấp...; thời hạn của giấy phép...).*

2. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép: ……..(1)

3. Lý do đề nghị gia hạn giấy phép: ……..

4. Thời gian đề nghị gia hạn giấy phép: *(ghi rõ số tháng/hoặc năm nhưng tối đa không quá 05 năm).*

5. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo Văn bản này gồm có: ……..(2)

6. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép) có đủ năng lực chuyên môn kỹ thuật để hành nghề khoan nước dưới đất.

..... ngày ... tháng ... năm ...
Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

---

(1) Chủ giấy phép tự đánh giá về tình hình thực hiện quy định của giấy phép trong quá trình hành nghề như: tuân thủ quy định kỹ thuật khoan, bảo vệ nguồn nước dưới đất, về thực hiện chế độ báo cáo, các công trình khoan nước dưới đất đã thực hiện; về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật có liên quan...

(2) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.

Mẫu 51

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/TRẢ LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân/Căn cước): ……...*

1.2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số định danh cá nhân (đối với cá nhân): ……..

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và địa chỉ văn phòng đại diện (nếu có) hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú): ……...*

1.4. Điện thoại: …….. Email: …….

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: *(Giấy phép số....., cấp ngày ... tháng... năm cơ quan cấp...; thời hạn của giấy phép...).*

2. Lý do đề nghị cấp lại/trả lại giấy phép: …… (1)

3. Cam kết của chủ giấy phép:

(Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày ... tháng ... năm ...
Chủ giấy phép
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

_____

(1) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại/trả lại giấy phép (kèm theo tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép).

Mẫu 52

BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT

1. Họ và tên: ……..

2. Ngày, tháng, năm sinh: …….

3. Số định danh cá nhân: …….

4. Địa chỉ nơi cư trú: …….

5. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo: ……..

6. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: …….

7. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan nước và được thống kê theo bảng sau :

STT	Thông tin về công trình đã thực hiện				Thời gian thực hiện (2)	Chủ công trình (3)
	Tên công trình	Vị trí *(xã, tỉnh)*	Lưu lượng, m^3/ngày đêm	Vai trò trong việc thực hiện (1)		
1						
2						
3						
…						

(Kèm theo giấy tờ chứng minh đã tham gia thiết kế, lập đề án, báo cáo, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công đối với các công trình khoan nước dưới đất kê khai trong bảng nêu trên).

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai nêu trên là đúng sự thật.

	…. ngày.... tháng..... năm...
Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép)	**Người khai** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

(1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công ...

(2) Ghi rõ tháng, năm, thời gian tham gia thực hiện, thi công công trình.

(3) Ghi rõ tên của chủ công trình.

Mẫu 53

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*……., ngày … tháng … năm ……*

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm .....;

Căn cứ Nghị định số ……. ngày ..... tháng ..... năm ..... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ .....;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày ..... tháng .... năm .... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của …….....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* hành nghề khoan nước dưới đất với thời hạn hành nghề: ……..…

Điều 2. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* thực hiện các nội dung sau:

1. Đảm bảo tuân thủ nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về công trình khoan nước dưới đất đã thi công vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Các nội dung khác …….....…….(1)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ……. Chậm nhất 30 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục hành nghề khoan nước dưới đất thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- …….;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan thẩm định.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Các nội dung cần thực hiện về: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định; quy định bảo vệ nước dưới đất; nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

Mẫu 54

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*……., ngày … tháng … năm ……*

GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Gia hạn/cấp lại lần……..)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm .....;

Căn cứ Nghị định số ngày.... tháng.... năm ..... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ .....;

Xét Văn bản đề nghị (gia hạn/cấp lại) giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị) ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép),* địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú)* hành nghề khoan nước dưới đất với thời hạn hành nghề: .....

Điều 2. *(Tên tổ chức, cá nhân hành nghề)* thực hiện các nội dung sau:

1. Đảm bảo tuân thủ nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về công trình khoan nước dưới đất đã thi công vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Các nội dung khác …….....……(1)

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày..... và thay thế Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất số .... ngày ... tháng ... năm ... do *(tên cấp có thẩm quyền cấp phép)* cấp. Chậm nhất 30 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục hành nghề khoan nước dưới đất thì phải làm thủ tục cấp Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- …….;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

(1) Các nội dung cần thực hiện về: thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định; quy định bảo vệ nước dưới đất; nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

Mẫu 55

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

Số: …./….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày … tháng … năm ……

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm …..

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... tháng.... năm .... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Xét Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép... số:.... ngày.... tháng.... năm do (tên của cấp có thẩm quyền cấp phép) của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép);

Theo đề nghị của …….....……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đề nghị của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) có địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ nơi cư trú) trả lại Giấy phép ……. số .... ngày ... tháng ... năm ... do (tên của cấp có thẩm quyền cấp phép) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do trả lại giấy phép: …….(2)

2. Giấy phép .... số .... ngày ... tháng ... năm ... hết hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... và mọi quyền lợi của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) liên quan đến Giấy phép nêu trên đều chấm dứt.

Điều 2. *(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép)* thực hiện các nội dung: …….(3).

Điều 3. Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm cập nhật thông tin của Quyết định này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ……

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);

- Cục Quản lý tài nguyên nước;

- …….;

- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan thẩm định.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Trình bày rõ lý do trả lại giấy phép.

(3) Các nội dung cần thực hiện đối với tổ chức, cá nhân trả lại giấy phép do cấp có thẩm quyền cấp phép quy định ....

Mẫu 56

TÊN CHỦ GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày … tháng … năm ……

BẢNG TỔNG HỢP

CÁC CÔNG TRÌNH KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

NĂM …….

TT	Tên chủ công trình	Vị trí công trình			Lưu lượng công trình (m^3/ngày đêm)/ tổng số giếng khoan	Các thông tin chi tiết về giếng											
		Thôn/ ấp	Xã/ phường/ đặc khu	Tỉnh/ thành phố		Số hiệu giếng khoan	Tọa độ giếng (nếu có) (1)		Chiều sâu giếng khoan (m)	Lưu lượng giếng (m^3/ngày đêm)	Mực nước tĩnh (m)	Mực nước động lớn nhất (m)	Chiều sâu khai thác (m)		Đường kính ống chống (mm)	Đường kính ống lọc (mm)	Thời gian thi công (tháng/ năm)
							X	Y					Từ	Đến			
1						G1											
						G2											
						…											
2						G1											
						G2											

..., ngày ... tháng ... năm ...
CHỦ GIẤY PHÉP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

---

(1) Ghi rõ toạ độ X, Y theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3° (theo quy định về kinh tuyến trục của bản đồ hành chính cấp tỉnh).

PHỤ LỤC III. MẪU KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	Mẫu 57	Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)
2	Mẫu 58	Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
3	Mẫu 59	Quyết định truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Mẫu 57

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC
(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)

Kính gửi: .....(1)

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai: …….

2. Địa chỉ: …….

3. Số điện thoại: …….

4. Người đại diện theo pháp luật: …….

5. Chức vụ: ……..

6. Mã số thuế: …….

7. Tên công trình khai thác: ……..

8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước: …….

9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành: …….

Trường hợp công trình đã được cấp phép thì kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình khai thác nước, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

- Thời gian, sản lượng miễn, giảm tiền cấp quyền (nếu có).

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình khai thác nước, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước....

- Thời gian, sản lượng miễn, giảm tiền cấp quyền (nếu có).

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 46 của Nghị định này.

- Xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 47 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 49 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền theo quy định tại Điều 45 của Nghị định này.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác theo quy định tại Điều 48 của Nghị định này.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ những nội dung điều chỉnh).

III. ƯU ĐÃI GIẢM TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Kê khai ưu đãi giảm tiền cấp quyền (nếu có):

- Giảm 5% tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước do khai thác sử dụng tuần hoàn tái sử dụng nước. Thuyết minh và kèm theo các tài liệu chứng minh (nếu có).

- Giảm 5% tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước do bổ sung dung tích phòng lũ cho hạ du. Thuyết minh và kèm theo các tài liệu chứng minh (nếu có).

IV. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: …….. (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên: ……

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo: ……..

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng: ……

- ……..

2. Phương án nộp tiền hằng năm

□ Một lần/năm □ Hai lần/năm □ Một lần cho cả thời gian phê duyệt

(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai) cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

….., ngày ....tháng... năm...
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

(1) Ghi rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Mẫu 58

TÊN CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*……., ngày … tháng … năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt *(hoặc điều chỉnh)* tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của *(tên chủ giấy phép)*, khai thác nguồn *(nước mặt/nước dưới đất)* công trình ……..

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số ….. ngày.... tháng.... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng.... năm ....;

Căn cứ Nghị định số ……. ngày tháng .... năm ... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác nước.....;

Căn cứ.....;

Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác) của (tên chủ giấy phép) ngày.... tháng.... năm..... và hồ sơ kèm theo....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép địa chỉ, mã số thuế) theo Giấy phép khai thác nước /Giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất) số.... (số giấy phép), ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp

giấy phép) cấp/các giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: .....

2. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước của công trình:.....

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền: .....

4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng:.....

5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền:.....

6. Ưu đãi giảm tiền cấp quyền: .....

7. Tổng số tiền phải nộp:.... (ghi bằng chữ):.....

- Số tiền phải nộp cho từng mục đích: .....

- Số tiền phải nộp theo năm:.....

+ Số tiền phải nộp năm đầu (từ ngày ... đến ngày...) là:.....

+ Số tiền phải nộp hằng năm của các năm tiếp theo là:.....

+ Số tiền phải nộp năm cuối là (từ ngày ... đến ngày...) là:.....

8. Phương án nộp tiền:.....

9. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Thuế tỉnh .... (tên địa phương nơi đặt công trình).

10. Các nội dung quy định khác (nếu cần):

Điều 2. Quy định cụ thể trách nhiệm của Thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.....; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nộp, báo cáo …….....

Điều 3. Quy định về thời điểm hiệu lực và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, chủ giấy phép và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cơ quan trình;

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

- Thuế tỉnh/thành phố nơi có công trình khai thác tài nguyên nước;
- …….;
- Lưu: VT, VP, ... cơ quan thẩm định.

Mẫu 59

TÊN CƠ QUAN PHÊ DUYỆT **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*……., ngày … tháng … năm ……*

QUYẾT ĐỊNH

Truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép), khai thác nguồn (nước mặt/nước dưới đất) công trình ….

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số ..... ngày .... tháng .... năm ..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp cấp có thẩm quyền cấp phép là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày .... tháng .... năm ....;

Căn cứ Nghị định số ..... ngày ..... tháng .... năm ... của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác nước……..;

Căn cứ …….;

Căn cứ văn bản đề nghị truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép) ngày .. tháng .... năm ..... và hồ sơ kèm theo .... (đối với trường hợp chủ giấy phép đề nghị);

Theo đề nghị của ……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của *(tên chủ giấy phép địa chỉ, mã số thuế)* theo Giấy phép khai thác, sử dụng *(nước mặt/nước dưới đất)* số .... *(số giấy phép)*, ngày ... tháng ... năm ... do *(tên cơ quan cấp giấy phép)* cấp/các giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất) tại công trình *(tên công trình)*, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Lý do truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: .....

2. Thời gian tính truy thu: từ ngày ……. đến ngày ……..……

3. Giá tính tiền cấp quyền (đối với trường hợp phát sinh mục đích sử dụng nước phải nộp tiền nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước): …….

4. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước truy thu:

- Tổng số tiền đã phê duyệt tại Quyết định trước đó (số Quyết định ..... ngày ... tháng ..... năm .....): ……..

- Tổng số tiền truy thu: ……

5. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Thuế tỉnh .... (tên địa phương nơi đặt công trình).

6. Các nội dung quy định khác (nếu cần): ……

Điều 2. Quy định cụ thể trách nhiệm của Thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước .....; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nộp, báo cáo…….....

Điều 3. Quy định về thời điểm hiệu lực và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, chủ giấy phép và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định.

Nơi nhận:
- (Tên chủ giấy phép);
- Cơ quan trình;
- Thuế tỉnh/thành phố nơi có công trình khai thác tài nguyên nước;
- …….;
- Lưu: VT, VP, ... cơ quan trình.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV. MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	Mẫu 60	Báo cáo tình hình khai thác nước mặt
2	Mẫu 61	Báo cáo tình hình khai thác nước dưới đất
3	Mẫu 62	Báo cáo tình hình khai thác nước biển

Mẫu 60

TÊN CHỦ GIẤY PHÉP

Số: …./….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày … tháng … năm ……

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC NƯỚC MẶT
Công trình ……., tỉnh/thành phố …….

Giấy phép khai thác nước số: …….

Năm ……..

I. Thông tin chung

Khái quát được các thông tin cơ bản về chủ giấy phép, công trình khai thác, việc vận hành công trình và những vấn đề phát sinh, thay đổi (nếu có).

II. Tình hình khai thác tài nguyên nước

Tổng hợp theo mẫu bảng dưới đây:

Bảng 1. Tổng hợp tình hình khai thác nước mặt
(Đối với loại hình hồ chứa, đập dâng và các công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch)

TT	Thời gian	Lưu lượng đến hồ (m^3/s)			Tổng lưu lượng xả (m^3/s)			Dòng chảy tối thiểu (m^3/s)	
		Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình	Thực tế	Yêu cầu

		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	**(6)**	(7)	(8)
1	Tháng 1								
2	Tháng 2								
…	…..								
12	Tháng 12								

Ghi chú bảng 1: Đối với công trình có mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan không phải tổng hợp theo (1), (2), (3).

(1) : là giá trị lưu lượng nước đến hồ trung bình ngày lớn nhất theo từng tháng.

(2) : là giá trị lưu lượng đến hồ trung bình ngày nhỏ nhất theo từng tháng.

(3) : là giá trị lưu lượng đến hồ trung bình tháng.

(4) : là tổng lưu lượng xả về hạ du trung bình ngày lớn nhất qua tất cả các hạng mục xả của công trình.

(5) : là tổng lưu lượng xả về hạ du trung bình ngày nhỏ nhất qua tất cả các hạng mục xả của công trình.

(6) : là giá trị lưu lượng xả trung bình tháng qua tất cả các hạng mục xả của công trình.

(7) : là giá trị lưu lượng xả nhỏ nhất trong ngày theo từng tháng.

(8) : là giá trị được quy định tại giấy phép tài nguyên nước.

Bảng 2. Tổng hợp tình hình khai thác nước mặt
(Đối với loại hình khác hồ chứa, đập dâng và các công trình ngăn sông,suối, kênh, mương, rạch)

TT	**Thời gian**	**Lưu lượng khai thác (m^3/ngày đêm hoặc m^3/s tùy loại hình)**			**Lưu lượng khai thác được cấp phép (m^3/ngày đêm hoặc m^3/s tùy loại hình)**	**Số ngày khai thác**	**Tổng lượng khai thác (Triệu m^3)**
		Lớn nhất	**Nhỏ nhất**	**Trung bình**			
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tháng 1						

2	Tháng 2						
…	…..						
…	…..						
…	…..						
12	Tháng 12						
	Tổng						

Ghi chú bảng 2:

(1) : là giá trị lưu lượng khai thác trung bình ngày lớn nhất theo từng tháng.

(2) : là giá trị lưu lượng khai thác trung bình ngày nhỏ nhất theo từng tháng.

(3) : là giá trị lưu lượng khai thác trung bình tháng.

(4) : là lưu lượng nước khai thác được quy định tại Giấy phép khai thác tài nguyên nước.

(5) : là tổng số ngày khai thác thực tế của công trình được xác định cho từng tháng.

(6) : là tổng lượng nước mặt khai thác thực tế của công trình được xác định cho từng tháng.

III. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép tài nguyên nước

Đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo đối với từng nội dung, yêu cầu quy định trong giấy phép đã được cấp, bao gồm cả nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có).

Tình hình sử dụng dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa (nếu có).

IV. Đề xuất, kiến nghị

CHỦ GIẤY PHÉP
(Ký, đóng dấu nếu có)

Mẫu 61

TÊN CHỦ GIẤY PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./….	*……., ngày … tháng … năm ……*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Công trình..... tỉnh/thành phố .....

Giấy phép khai thác nước số:.....

Năm …..

I. Thông tin chung

Khái quát được các thông tin cơ bản về chủ giấy phép, công trình khai thác, việc vận hành công trình và những vấn đề phát sinh, thay đổi (nếu có).

II. Tình hình khai thác tài nguyên nước

Tổng hợp tình hình khai thác nước dưới đất theo các mẫu bảng dưới đây:

Lưu lượng khai thác của công trình:

STT	Thời gian	Lưu lượng khai thác (m^3 /ngày đêm)			Số ngày khai thác (ngày)	Lưu lượng cấp phép (m^3/ngày đêm)
		Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tháng 1					
2	Tháng 2					
…	….					
12	Tháng 12					

Mực nước tại các giếng khai thác:

TT	Thời gian	Mực nước giếng khai thác số ... (m)			
		Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép
		(6)	(7)	(8)	(9)

1	Tháng 1				
2	Tháng 2				
…	…				
12	Tháng 12				

Ghi chú:

(1) : là lưu lượng khai thác ngày lớn nhất theo từng tháng.

(2) : là lưu lượng khai thác ngày nhỏ nhất theo từng tháng.

(3) : là lưu lượng khai thác trung bình tháng.

(4) : là số ngày khai thác nước trong tháng.

(5) : là lưu lượng nước khai thác được quy định tại Giấy phép khai thác tài nguyên nước

(6) : là mực nước động lớn nhất xuất hiện theo từng tháng.

(7) : là mực nước động nhỏ nhất xuất hiện theo từng tháng.

(8) : là mực nước động trung bình theo từng tháng.

(9) : là mực nước động được quy định tại Giấy phép khai thác tài nguyên nước.

III. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép tài nguyên nước

Đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo đối với từng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp, bao gồm cả nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có).

IV. Đề xuất, kiến nghị

CHỦ GIẤY PHÉP
(Ký, đóng dấu nếu có)

Mẫu 62

TÊN CHỦ GIẤY PHÉP **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./…	*……., ngày … tháng … năm ……*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC NƯỚC BIỂN
Công trình ……., tỉnh/thành phố …….

Giấy phép khai thác nước số: …….

Năm …….

I. Thông tin chung

Khái quát được các thông tin cơ bản về chủ giấy phép, công trình khai thác, việc vận hành công trình và những vấn đề phát sinh, thay đổi (nếu có).

II. Tình hình khai thác tài nguyên nước

Tổng hợp tình hình khai thác nước biển theo mẫu bảng dưới đây:

TT	Thời gian	Lưu lượng khai thác (m^3 /ngày đêm)			Lưu lượng khai thác được cấp phép (m^3 /ngày đêm)	Số ngày khai thác	Tổng lượng khai thác (Triệu m^3)
		Lớn nhất	Nhỏ nhất	Trung bình			
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tháng 1						
2	Tháng 2						
…	….						
12	Tháng 12						
	Tổng						

Ghi chú:

(1) : là giá trị lưu lượng khai thác ngày lớn nhất theo từng tháng.

(2) : là giá trị lưu lượng khai thác ngày nhỏ nhất theo từng tháng.

(3) : là giá trị lưu lượng khai thác trung bình tháng.

(4) : là lưu lượng nước khai thác được quy định tại Giấy phép khai thác tài nguyên nước biển.

(5) : là số ngày khai thác nước biển.

(6) : là tổng lượng nước khai thác theo từng tháng.

III. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép tài nguyên nước

Đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ báo cáo đối với từng nội dung quy định trong giấy phép đã được cấp.

IV. Đề xuất, kiến nghị

CHỦ GIẤY PHÉP
(Ký, đóng dấu nếu có)

PHỤ LỤC V. MỨC THU TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Mục đích sử dụng nước, loại nguồn nước	Mức thu (%)
1	Sản xuất thủy điện	1,0
2	Kinh doanh, dịch vụ	2,0
3	Sản xuất bao gồm cả sản xuất, cung cấp nước sạch trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế (trừ nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt)	1,5
4	Khai thác nước dưới đất dùng cho tưới cà phê, cao su, điều, chè, hồ tiêu và cây công nghiệp dài ngày khác; khai thác nước mặt, nước dưới đất để làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt	0,2
5	Khai thác nước dưới đất dùng cho nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	0,1
6	Khai thác nước dùng cho sinh hoạt	0,1
7	Khai thác nước mặt dùng cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Khai thác nước dưới đất cho tưới lúa, hoa màu và các cây trồng khác.	0,05

PHỤ LỤC VI. BẢNG CÁC HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Hệ số	Giá trị
I	**Hệ số chất lượng nguồn nước - K1**	
1	Nguồn nước có chức năng cấp nước sinh hoạt hoặc được quy hoạch để cấp nước sinh hoạt; trường hợp chưa phân vùng chức năng của nguồn nước thì căn cứ vào chất lượng thực tế của nguồn nước khai thác trên cơ sở chất lượng nguồn nước do chủ giấy phép cung cấp hoặc kết quả quan trắc của mạng lưới quan trắc tại địa phương (không quá 3 tháng đối với nước mặt, không quá 6 tháng đối với nước dưới đất, tính đến thời điểm kê khai tiền cấp quyền): nguồn nước dưới đất có tổng lượng chất rắn hòa tan (TDS) dưới 1.000 mg/l; nguồn nước mặt có hàm lượng chloride nhỏ hơn 350 mg/l về chất lượng nước mặt hoặc công trình khai thác nước nằm trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt	0,30
2	Nguồn nước có chất lượng khác với nguồn nước quy định tại mục I.1	0
II	**Hệ số loại nguồn nước - K_2**	
1	Nước dưới đất: trường hợp có từ hai hệ số loại nguồn nước trở lên thì lựa chọn hệ số có giá trị cao nhất	
1.1	Tại vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	0,40
1.2	Tại vùng khác với vùng quy định tại mục II.1.1	0
2	Nước mặt	0,20
III	**Hệ số điều kiện khai thác - K_3**	
1	Khai thác nước mặt	
1.1	Khu vực đồng bằng	0,10
1.2	Khu vực khác	0
2	Khai thác nước dưới đất	
2.1	Đối với giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động	0,10
2.2	Đối với giếng khoan	
a	Giếng khoan có chiều sâu đáy ống lọc nhỏ hơn 100 m	0,10
b	Giếng khoan có chiều sâu đáy ống lọc trong khoảng từ 100 - 300 m	0,05
c	Giếng khoan có chiều sâu đáy ống lọc lớn hơn 300 m	0

PHỤ LỤC VII. VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NỘI DUNG VỀ PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NƯỚC

(Kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT DỰ ÁN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …./…	*……., ngày … tháng … năm ……*
V/v đề nghị chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (tên dự án ……)	

Kính gửi: …….....

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số …. ngày …. tháng …. năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Các căn cứ khác (nếu có) ……

(Tên tổ chức/cá nhân đề xuất dự án) đề nghị ……. chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước (tên dự án) theo các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Tổ chức, cá nhân (đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Căn cước công dân\Căn cước).

2. Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số định danh cá nhân (đối với cá nhân).

3. Địa chỉ trụ sở (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú).

4. Địa chỉ liên hệ: .....

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN CÓ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NƯỚC

(Trình bày tổng quan các thông tin về dự án có hoạt động chuyển nước)

1. Tên dự án: …….

2. Mục tiêu dự án: …….

3. Địa điểm, phạm vi thực hiện dự án: ……..

4. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án: ……

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

1. Tên dự án: ……(1)

2. Loại hình công trình chuyển nước: ……..(2)

3. Nguồn nước chuyển: ……..(3)

4. Nguồn nước tiếp nhận (đối với trường hợp chuyển nước giữa hai nguồn nước): .....(3)

5. Vị trí các hạng mục chính của công trình chuyển nước: xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố) ……..(4)

6. Quy mô chuyển nước: ……..…….(5)

7. Phương thức chuyển nước: …….……(6)

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN

- (Tên tổ chức/cá nhân đề xuất dự án) cam đoan các nội dung, thông tin trong Văn bản này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề xuất dự án) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của văn bản chấp thuận và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề xuất dự án) cam kết các nội dung khác có liên quan (nếu có).

V. CÁC VĂN BẢN, TÀI LIỆU KÈM THEO CÔNG VĂN

- Báo cáo thuyết minh về quy mô, phương án chuyển nước.

- Sơ đồ vị trí dự án chuyển nước.

- Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác có liên quan của dự án.

- Các thông tin khác liên quan đến dự án và đề xuất khác của tổ chức/cá nhân đề xuất dự án (nếu có).

(Tên tổ chức/cá nhân đề xuất dự án) đề nghị …….. xem xét, cấp văn bản chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước theo các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

_____

Hướng dẫn:

(1) Tên dự án: theo tên đã được phê duyệt trong các quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch khác có liên quan.

(2) Mô tả các hạng mục chính của công trình dẫn nước, chuyển nước (kênh, mương, rạch, đường ống, xi phông, tuynel, cầu máng, nhà máy thủy điện, trạm bơm, cống,...),

(3) Ghi rõ tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông nào.

(4) Ghi rõ nơi bố trí hạng mục công trình dẫn nước, chuyển nước (thuộc thôn/ấp, xã/phường, tỉnh/thành phố). Trường hợp công trình đặt trên nhiều địa bàn hành chính khác nhau thì ghi đầy đủ các địa danh hành chính đó).

(5) Ghi rõ lưu lượng dẫn nước, chuyển nước (trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ) (đơn vị m^3/s).

(6) Mô tả rõ phương thức dẫn nước, chuyển nước bằng các hạng mục chính của công trình; chế độ chuyển nước theo các thời kỳ trong năm (tháng/mùa/vụ)